

NGUYỄN TUÂN

« Thiếu » Quê hương



- VŨ BẢNG : NGUYỄN TUÂN : ĐƯA CON NUÔNG CỦA THIÊN THẦN VÀ ÁC QUỶ.
- MỘNG TUYẾT : LẦN ĐẦU TIÊN GẶP NGUYỄN TUÂN.
- VŨ HOÀNG CHƯƠNG : GÁC DÌ NĂM.
- DƯƠNG THIỆU THANH : NGUYỄN TUÂN : MẤY CHÀNG , TRAI THẾ HỆ... , TRƯỚC.
- ☆ SÔNG THAI : TỪ VANG BÓNG MỘT THỜI (Hà Nội-1940) ĐẾN SÔNG ĐÀ (Hà Nội-1960).
- NGUYỄN TUÂN : PHỞ (Tùy bút) ● PHÊ BÌNH NHẤT ĐỊNH LÀ KHÓ ● NGUYỄN TUÂN TỰ PHÊ BÌNH.

**Văn
HOC**

**SỐ
105**

nội dung

TÒA SOẠN

Giới thiệu

1. — VĂN HỌC

Thân thế và tác phẩm Nguyễn Tuân

3. — VŨ BẢNG

Nguyễn Tuân : đứa con nuông của
thiên thần và ác quỷ

28. — MỘNG TUYẾT

Lần đầu tiên gặp Nguyễn Tuân

32. — VŨ HOÀNG CHƯƠNG Gác di Năm

39. — DƯƠNG THIÊN THANH Nguyễn Tuân : mấy chàng « trai thế
hệ... » trước

41. — SÔNG THAI

Nguyễn Tuân sau ba mươi năm
cầm bút

59. — NGUYỄN TUÂN

Phở (tùy bút)

71. — NGUYỄN TUÂN

Phê bình nhất định là khó

76. — NGUYỄN TUÂN

Nguyễn Tuân tự phê bình

HÌNH DẠ : Nguyễn Tuân năm 30 tuổi

● Giấy phép xuất bản số 5.585/CDV/TT/BC/1 ngày 28-10-1962

● Thư từ, bài vở, tiền bạc, chỉ phiếu xin đề :

TẠP CHÍ VĂN HỌC

● Chủ nhiệm : NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN

● Chủ trương biên tập : PHAN KIM THỊNH

● Thư ký tòa soạn : NGUYỄN PHƯƠNG KHANH

Tòa soạn và Trị sự :

61, Lê-văn-Duyệt — SAIGON

449B Hai Bà Trưng — Điện thoại : 41.265 — 23.580 — SAIGON

BẠN ĐÃ ĐỌC VĂN HỌC SỐ 105

BẠN NHỚ TÌM ĐỌC :

**VĂN
HỌC**

SỐ 106

■ ĐĂNG TRỌN TÁC PHẨM

MỘT CHUYẾN ĐI

Tập du ký đặc sắc nhứt của **NGUYỄN TUÂN**

■ Những giai thoại về Nguyễn Tuân đóng phim *Cánh Đồng Mạ* do các văn hữu : VI HUYỀN ĐẮC, NGUYỄN DOÃN VƯỢNG, VŨ BẰNG, ĐÀM QUANG THIÊN, THIÊN TƯỚNG... kể

■ Hai bài biên khảo phê bình và văn nghiệp của **NGUYỄN TUÂN** do hai nhà phê bình **VŨ NGỌC PHAN** và **TRƯƠNG TỬU** viết mà Văn Học sưu tầm để gửi đến bạn đọc.

**VĂN
HỌC**

SỐ 107 CHỦ ĐỀ

TẢN ĐÀ — NGUYỄN KHẮC HIẾU

Giới thiệu

Văn Học số này chúng tôi xin gửi đến bạn đọc một chủ đề mà tòa soạn đã phải chuẩn bị hàng năm sưu tầm tài liệu và biên soạn để hy vọng gửi đến bạn đọc đầy đủ những giai thoại, hồi ký và phê bình về một nhà văn lớn, một nhà tùy bút sáng chói nhất tiền chiến : **NGUYỄN TUÂN**.

Lý do chúng tôi đặt chủ đề mang tên **NGUYỄN TUÂN** : « Thiếu » quê hương có những nghĩa sau đây :

Khi Nguyễn Tuân cộng tác viết cho tờ Hà Nội Tân Văn, Nguyễn Tuân có sáng tác và cho đăng tải truyện dài Thiếu quê hương trên Hà Nội Tân Văn. Sau đó Nguyễn Tuân giao cho nhà Anh Thơ Hà Nội ấn hành thành sách mang tên : « Thiếu quê hương » và gồm 3 tập :

- 1.— Thiếu quê hương
- 2.— Những con bệnh
- 3.— Gió đã lên

Những khi Nguyễn Tuân đem tập Thiếu quê hương đi xin kiểm duyệt đề ấn hành thì bị Pizier Giám đốc Thông tin Bắc Việt gọi Nguyễn Tuân vào văn phòng và hạch hỏi :

— Mày có quê hương là An Nam sao mày lại viết là Thiếu Quê hương ?

Nguyễn Tuân lúc đó chỉ biết im lặng vì cơ quan kiểm duyệt nhà nước bao giờ chả có lý và có quyền. Vì thế sau này tập Thiếu quê hương xuất bản chỉ mang có hai chữ : Quê hương.

Ba mươi năm trôi qua bây giờ Nguyễn Tuân lại thấy thiếu quê hương vì hiện nay Nguyễn Tuân đang phải sống trong một xã hội độc tài chủ nghĩa không có tự do kể cả tự do ngôn luận. Vì cảm thấy thiếu quê hương mà có lúc Nguyễn Tuân đã cùng với một số nhà văn Miền Bắc đứng lên chống lại Đảng và nhà nước Cộng Sản năm 1956 đề đòi cho được tự do sáng tác, tự do sống với quê hương thật của chính mình, chứ không phải sống trong một thiên đường đỏ : **Thiếu quê hương** như hiện nay.

VĂN HỌC

NGUYỄN-TUÂN

(1913 —)

Vì hoàn cảnh đất nước phân chia, nên mọi tài liệu lịch sử bị thiếu hụt và bị phân tán mà hiện nay các nhà làm sử chưa thể ghi chép đầy đủ những tài liệu danh nhân văn hóa cũng như chính trị nước nhà một cách trung thực và trọn vẹn.

Và cũng vì hoàn cảnh chính trị nước nhà hiện tại chưa cho phép chúng tôi được ghi chép trong trang báo này đầy đủ những tài liệu về Nguyễn Tuân cũng như một số nhà văn khác còn đang sống cách biệt chúng ta bởi con sông Bến Hải. Vậy những thiếu sót ngoài ý muốn như đã nêu trên mong bạn đọc thông cảm và, chúng tôi hy vọng trong một hoàn cảnh sau này đất nước thống nhất, chúng ta sẽ ghi chép được đầy đủ và vô tư hơn.

Nguyễn Tuân sinh năm 1913 tại Thanh Hóa (Trung phần V.N), con của một ông thông phán tòa sứ. Nguyễn Tuân cũng như đa số các nhà văn khác ông cũng không được may mắn học đến nơi đến chốn. Khi còn nhỏ Nguyễn Tuân học tiểu học ở Thanh hóa, sau đó ra Hà nội với gia đình học thêm hai năm ở đất Hà thành rồi bỏ ngang.

Khi bỏ học, Nguyễn Tuân đã gia nhập phong trào truy

lạc năm 1930 đến 1940 với sự sa đọa thích ăn ngon, thích mặc đẹp, thích rượu và thuốc phiện. Chính trong một bài tự kiểm thảo sau này Nguyễn Tuân đã tự thú ông có thói ngang tàng, uống cạn chén rượu là đập tan cốc.

Trong thời gian Nguyễn Tuân gia nhập phong trào trên vì có khiếu về văn nghệ nên ông đã sáng tác tùy bút đầu tay năm 1938 và cho đăng trên các báo Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tạp chí Tao Đàn, Hà nội Tân văn, Trung Bắc Chủ nhật.

Tác phẩm mà Nguyễn Tuân xuất bản lần đầu tiên là cuốn Vang Bóng Một Thời (Tập truyện ngắn) do nhà Tân Dân ấn hành và xuất bản năm 1940. Và truyện dài đầu tiên Nguyễn Tuân cho đăng là truyện Thiếu Quê Hương (1) in trong báo Hà Nội Tân Văn năm 1940.

Nguyễn Tuân là tên thật của ông mà ông thường ký trên các tác phẩm đăng trên báo hoặc đã xuất bản. Nhưng ngoài ra ông Nguyễn Tuân còn ký các bút hiệu là Nguyễn Nhất Lang và Âu Ngũ Tuyên ở tạp chí Tao Đàn. Có lẽ vì ảnh hưởng của sự ăn chơi từ lúc bỏ học, nên sau này Nguyễn Tuân đã ghi lại những cảnh ăn chơi thời xưa và thời nay trong các tác phẩm của ông.

Nhận xét trên chúng tôi thấy rất đúng như nhà phê bình Vũ Ngọc Phan đã viết trong cuốn « Nhà Văn Hiện đại » như sau : « Nguyễn Tuân là một nhà văn theo thuyết hoài nghi, có khuynh hướng về chủ nghĩa vật chất ». Và sau này trong cuộc chỉnh huấn năm 1953 chính Nguyễn Tuân đã tuyên bố phủ nhận tất cả các tác phẩm trước của ông vì ông đã viết về những cảnh ăn chơi trụy lạc trước đây, và ông đã hứa sẽ « lột xác ». Và cái tính thích ăn, ưa lang bạt nên sau bản tự thú trên Nguyễn Tuân đã được « thất cà vạt đỏ, đi giày da vàng, đọc đit-cua, ăn tiệc nhồm nhoàm và bay đó bay đây ». Cũng gì bản tự thú và lột xác, nên Nguyễn Tuân đã được cử đi hội nghị Helsinki, nhưng sau khi đi xa về ông lại thêm ăn và ông lại sáng tác bài « Phở » để đăng trên báo Văn (có đăng trong số này). Sau bài Phở, Nguyễn Tuân bị Đảng chỉnh. Vì bị Đảng chỉnh

(1) Sẽ nói rõ về tác phẩm Thiếu Quê Hương của Nguyễn Tuân trong số báo sau.

nên Nguyễn Tuân ức quá bèn cùng với một số các nhà văn trong đó có Nguyễn Công Hoan quay ra chống Đảng ngay trên tờ báo Văn. Tờ báo này của những nhà văn đối lập với nhà nước Cộng Sản ở Hà nội, và sau này báo Văn đã bị tịch thu và đóng cửa.

Trong số báo Văn Học này chúng tôi đã cho trích dẫn và đăng những sáng tác xưa (*Một chuyến đi*, sẽ in trọn trong số báo Văn Học đặc biệt 15-4-70) và nay (bài *Phở*, *Phê bình nhất định là khó*, và bài *Tự phê bình*) để chứng tỏ sự thay đổi thái độ xoay chiều của Nguyễn Tuân trong nhiều thời kỳ khác nhau. Trong những thời kỳ này chúng tôi tạm chia ra như sau :

1) Nguyễn Tuân thời kỳ tiền chiến đã ghi lại những dĩ vãng vàng son, an nhàn, với những bức tranh cổ của các vua quan ngày xưa đã diễn ra mà Nguyễn Tuân đã vẽ lại trong *Vang bóng một thời*.

2) Khi cách mạng mùa thu bùng nổ, toàn dân đứng lên chống thực dân Pháp, mọi người đều phải gian khổ hạn chế mọi thứ từ miếng ăn cái mặc. Và sự hạn chế này Nguyễn Tuân đã nuối tiếc thêm thường bằng bài *Phở* đến năm 1957 Nguyễn Tuân mới có dịp đăng trên báo Văn sau khi ông đi ngoại quốc về.

3) Sau khi bài *Phở* đăng trên báo Văn, Nguyễn Tuân bị Đảng (Cộng sản Hà nội) chỉnh, ông tức quá vì thèm ăn mà không được ăn, đến nỗi phải tưởng tượng miếng ăn trên giấy mà cũng bị Đảng dèm ngó và chỉnh; tức quá Nguyễn Tuân cáu và cay cú nhà nước cùng Đảng, Nguyễn Tuân bèn viết bài «*Phê bình nhất định là khó*» cho đăng trên báo Văn số 23 tháng 10-1957.

4) Nhưng vì bản tính Nguyễn Tuân hay thay đổi bất thường, và lập trường của ông không bao giờ dứt khoát nên sau bài «*Phê bình nhất định là khó*» đăng ra ông lại bị những nhà văn trong Đảng và nhà nước chỉnh kịch liệt và loại Nguyễn Tuân ra khỏi hàng ngũ Hội các Nhà văn. Vì sợ bị loại ra khỏi Đảng và Hội các nhà văn, nên Nguyễn Tuân lại đầu hàng ngay và ông đã vội viết bài «*Tự phê bình*» cho đăng trên tờ Văn Nghệ số 12 tháng 5-1958 để chuộc tội với Đảng.

Sơ qua vài giai đoạn trên chúng ta đủ thấy Nguyễn Tuân là

nên Nguyễn Tuân ước quá bền cùng với một số các nhà văn trong đó có Nguyễn Công Hoan quay ra chống Đảng ngay trên tờ báo Văn. Tờ báo này của những nhà văn đối lập với nhà nước Cộng Sản ở Hà nội, và sau này báo Văn đã bị tịch thu và đóng cửa.

Trong số báo Văn Học này chúng tôi đã cho trích dẫn và đăng những sáng tác xưa (*Một chuyến đi*, sẽ in trọn trong số báo Văn Học đặc biệt 15-4-70) và nay (bài *Phở*, *Phê bình nhất định là khó*, và bài *Tự phê bình*) để chứng tỏ sự thay đổi thái độ xoay chiều của Nguyễn Tuân trong nhiều thời kỳ khác nhau. Trong những thời kỳ này chúng tôi tạm chia ra như sau :

1) Nguyễn Tuân thời kỳ tiền chiến đã ghi lại những dĩ vãng vàng son, an nhàn, với những bức tranh cổ của các vua quan ngày xưa đã diễn ra mà Nguyễn Tuân đã vẽ lại trong *Vang bóng một thời*.

2) Khi cách mạng mùa thu bùng nổ, toàn dân đứng lên chống thực dân Pháp, mọi người đều phải gian khổ hạn chế mọi thứ từ miếng ăn cái mặc. Và sự hạn chế này Nguyễn Tuân đã nuối tiếc thêm thường bằng bài *Phở* đến năm 1957 Nguyễn Tuân mới có dịp đăng trên báo Văn sau khi ông đi ngoại quốc về.

3) Sau khi bài *Phở* đăng trên báo Văn, Nguyễn Tuân bị Đảng (Cộng sản Hà nội) chỉnh, ông tức quá vì thèm ăn mà không được ăn, đến nỗi phải tưởng tượng miếng ăn trên giấy mà cũng bị Đảng dèm ngó và chỉnh; tức quá Nguyễn Tuân cáu và cay cú nhà nước cùng Đảng, Nguyễn Tuân bèn viết bài *«Phê bình nhất định là khó»* cho đăng trên báo Văn số 23 tháng 10-1957.

4) Nhưng vì bản tính Nguyễn Tuân hay thay đổi bất thường, và lập trường của ông không bao giờ dứt khoát nên sau bài *«Phê bình nhất định là khó»* đăng ra ông lại bị những nhà văn trong Đảng và nhà nước chỉnh kịch liệt và loại Nguyễn Tuân ra khỏi hàng ngũ Hội các Nhà văn. Vì sợ bị loại ra khỏi Đảng và Hội các nhà văn, nên Nguyễn Tuân lại đầu hàng ngay và ông đã vội viết bài *«Tự phê bình»* cho đăng trên tờ Văn Nghệ số 12 tháng 5-1958 để chuộc tội với Đảng.

Sơ qua vài giai đoạn trên chúng ta đủ thấy Nguyễn Tuân là

bao giờ có tư tưởng và lập trường dứt khoát. Và Nguyễn Tuân là một trong số những người văn nghệ sĩ xưa và nay đã có những xảo quyết và tài ba đã khéo dùng cái văn tài để sống trong mọi thời mọi chế độ. Lớp người này người ta gọi là «những văn nghệ sĩ của chế độ» lúc nào cũng có và xoay chiều trở bút rất nhanh.

Để chứng tỏ sự thèm ăn và thích giang hồ thích sống và khéo sống trong mọi hoàn cảnh, chúng tôi trích một câu tâm niệm của Nguyễn Tuân mà Nguyễn Tuân đã rút từ một lời ghi trong trang đầu của cuốn sách của tác giả Paul Morrand như sau : «Hạnh phúc, có lẽ chỉ thấy những nhà ga» và trong cuốn Quê Hương xuất bản năm 1940, Nguyễn Tuân lại ghi ngay nơi đầu trang sách cũng câu của nhà văn Paul Morrand như sau : «Ta muốn sau khi chết đi có người thuộc da ta làm chiếc va-li». Như vậy chứng tỏ Nguyễn Tuân lúc nào cũng thích ăn và đi, dù cho đến chết.

NHỮNG TÁC PHẨM CỦA NGUYỄN TUÂN

ĐÃ XUẤT BẢN

I.— Vang bóng một thời (tập truyện ngắn) đã tái bản 6 lần :

- 1) Lần thứ nhất năm-1940 do Tân Dân Hà nội xuất bản.
- 2) Lần thứ nhì năm-1943 do Thời Đại Hà nội xuất bản.
- 3) Lần thứ ba năm-1945 do Đặc Lộ Hà nội xuất bản.
- 4) Lần thứ tư năm-1951 do Trúc Khê Chính Ký Hà nội xuất bản.
- 5) Lần thứ năm-1955 do Hội nhà văn Hà nội xuất bản.
- 6) Lần thứ sáu năm-1962 do Cảo Thơm Saigon xuất bản.

2.— Ngọn đèn dầu lạc (phóng sự) do Mai Linh xuất bản tại Hà nội năm-1941.

3.— Chiếc Lư Đồng Mắt Cua (tùy bút) do Hàn Thuyên xuất bản tại Hà nội năm-1941.

4.— Tùy Bút I do Cộng Lực xuất bản tại Hà nội năm-1941.

5.— Một Chuyến Đi (du ký) do Tân Dân xuất bản tại Hà nội năm-1941, và Văn Học Saigon tái bản lần thứ nhất năm 1970.

- 6.— Tóc Chì Hoài (truyện) do Lượm Lúa Vàng Sài Gòn xuất bản và Văn Học sẽ tái bản năm-1970.
- 7.— Tùy Bút II do Lượm Lúa Vàng xuất bản tại Sài Gòn năm 1943.
- 8.— Nguyễn (du ký) do Nguyễn Du xuất bản tại Hà nội.
- 9.— Thiếu Quê Hương (tiểu thuyết) gồm 3 cuốn :
 - a) Quê hương
 - b) Những con bệnh
 - c) Gió đã lên
 cả ba cuốn đều do nhà xuất bản (?) tại Hà nội.
- 10.— Nhà Bác Nguyễn (tập tiểu thuyết ngắn) do Mùa Gặt Mới số 2, Tân Việt Hà nội xuất bản năm 1940.
- 11.— Chùa Đàn (tiểu thuyết) do Tân Việt Sài Gòn xuất bản năm 1947.
- 12.— Quê Hương (truyện dài) do Anh Hoa Hà nội xuất bản năm 1940.
- 13.— Sông Đà (tùy bút) do Văn Học Hà nội xuất bản 1960.
- 14.— Yêu Ngôn (tập truyện quái dị).
- 15.— Xe Đào (truyện) do Lượm Lúa Vàng Saigon xuất bản năm 1941 và Văn Học sẽ tái bản 1970.
- 16.— Tùy Bút Kháng chiến xuất bản 1948 tại Việt Bắc.

ĐÃ VIẾT NHƯNG CHƯA IN

- 17.— Vang Bóng Một Thời II
- 18.— Am Sông Tô
- 19.— Vang Bóng Một Thời Tây
- 20.— Đố Ai Quét Sạch Lá Rừng (soạn theo tập ký nơi đường ngược của người phu số 790)

Kính gửi Ông Hồ
Bác và cháu họ
Nguyễn Tuấn
Hồi lại quý anh em anh em

Bút tự của Nguyễn Tuấn tặng thi sĩ Đông Hồ và
nữ sĩ Mộng Tuyết năm 1940 nhân dịp hai nhà thơ
trên ra thăm Hà Nội.

VŨ BẢNG

Nguyễn Tuân : đưa con nuông của Thiên Thần và Ác Quỷ

Nếu quả là người trần thế chúng ta chết xuống âm phủ hay lên thiên đường mà vẫn gặp nhau trò chuyện, tôi quyết đi tìm cho kỳ được Nguyễn Tuân bắt tay lia lịa một hồi rồi nói thẳng với anh ta không úp mở : « Này anh em nói thật, cả khi sống cũng như lúc chết tớ không thể *thương* nổi cậu ». Thương đây không hoàn toàn có nghĩa là thương yêu ; thương còn hàm ý là « người được nhau », « chịu đựng được nhau ».

Tôi không sợ gì mà phải nói dối : ngót ba mươi năm trời làm bạn với Nguyễn Tuân, tôi không mấy lúc chịu được anh. Xa mỗi chân, gần mỗi miệng. Ngồi tính đốt ngón tay thì chơi với Tuân, những phút bực tức, uất ức về phần tôi có phần nặng hơn những phút xúng ý vừa lòng. Phải nói thực một câu nữa rằng trong các bè bạn giao du từ thuở nhỏ đến nay, tôi chưa gặp một người nào lập dị như thế, chướng ách như thế, nham nhở

nhiều lý do. Thứ nhất là vì anh em văn bút với nhau, có người thể nọ, có người thể kia, cầu toàn trách bị làm sao cho được? Thứ nhì là sống mãi rồi cũng có kinh nghiệm: bạn mới khó kiếm chớ bạn cũ được người nào phần nhiều chắc người ấy, có «chơi» nhau cũng ít «chơi» nhưng vỡ quá đau. Thứ ba: Nguyễn Tuân, dù muốn nói cách nào đi nữa, cũng là một văn tài, mà đã tài thì phải có tật, người ta đã chơi với bạn phải yêu luôn cả những cả cái tật của bạn thì tình thân hữu mới có thể lâu dài được.

NGƯỜI BỊ CÂU LƯU Ở THANH HÓA

Tôi biết Nguyễn Tuân lúc tôi làm báo Trung Bắc Tân Văn của cụ Nguyễn văn Vĩnh. Trong những ngày cuối cùng của báo này, Nguyễn văn Vĩnh sống tâm trạng của Hạng Võ trong trận Cai Hạ: tứ diện sở ca thanh. Công nợ réo tít mù. Trước khi bỏ Việt Nam để đi tìm vàng ở Ai Lao, cụ Vĩnh trao lại tờ « Trung Bắc Tân Văn » cho cụ Nguyễn văn Luận.

Đề cho báo khỏi sắc, mới từ hình thức đến nội dung, cụ Luận tăng cường tòa soạn cũ và tìm thêm phóng viên ở các tỉnh giúp về tin tức.

Nguyễn doãn Vượng phụ trách công tác này. Đến Thanh Hóa, Vượng ở nhà bác sĩ Dương Cầm Chương, liên lạc với nhà phát hành báo và do nhà phát hành này đã gặp Nguyễn Tuân để nhờ giúp đỡ về tin tức địa phương.

Lúc đó, không mấy ai biết Nguyễn Tuân. Trước đó anh làm gì? Sống ra sao? Không mấy ai lưu ý. Chỉ biết lúc Vượng và tôi đến tìm anh tại nhà riêng tiệm sách « Thư Lâm » ở phố Chính, thì anh là một người bị thực dân Pháp câu lưu. Anh sống trong một phạm vi nhỏ hẹp ở tỉnh Thanh, một tháng đôi lần lại phải đến trình diện các nhà hữu trách. Anh sống bình thường. Không có gì lạ lắm. Tôi chỉ thấy anh hơi phiền: muốn cái gì thì làm cho kỳ được. Đây cũng là thời kỳ tôi ngủ một đêm ở trên gác nhà anh, anh không cần biết mình mệt hay không hết pha trà lại nói chuyện, hết nói chuyện lại rủ uống rượu

rồi nhè lúc bốn năm giờ sáng mình vừa chớp mắt thì dựng giấy báo đi ăn bánh ướt ! Trời rét như cắt ruột, phải buộc lòng mặc áo đi trong sương lạnh và bóng tối đã là một cái ức, đến nơi bà hàng lại chữa giấy tráng bánh, cứ ngồi thế mà đợi, đó là cái ức thứ hai ; đến lúc bà hàng dậy, Tuấn cứ ngồi thế mà lè nhè nói chuyện cà kê dè ngông, đó là cái ức thứ ba. Nhưng ba cái ức ấy chưa thấm vào đâu với cái ức này : anh không chịu chấm bánh với thứ nước mắm dấm đã pha sẵn cho vào trong chai, anh yêu cầu bà hàng phải đi tìm cho kỳ được một bình nước mắm nguyên với ớt hiểm pha riêng vào hai chén và anh chịu trả thêm một đồng. — mà lúc đó thì hai người bạn ăn bánh với tàu hũ chiên và dò no kênh ruột cũng chưa hết năm hào bạc !

Dẫu sao, tôi cũng cứ phải cười mà chịu đựng là vì anh em mới biết nhau, không thể than khổ được. Và chẳng lúc ấy phần riêng tôi lại nghĩ rằng “sống mỗi người một nết chết mỗi người một tật”, chuyện đó là thường. Nghĩ sâu hơn một chút nữa thì Tuấn khó tính khó nết như thế cũng là vì chiều tôi, mà thí dụ Tuấn có muốn lờ tôi anh là «một tay chơi lọc lõi, một tay sành sỏi thì cũng chẳng có gì hại hết vì riêng một cái việc chiều tôi, tôi cũng thấy lòng tự ái của mình được vuốt ve, mơn trớn, lắm rồi.

BỆNH LẬP DỊ MỖI NGÀY MỖI TRÀM TRỌNG

Nào có ngờ đâu đó là một trong các bệnh kinh niên của Nguyễn Tuấn.

Vì làm phái viên cho báo “ Trung Bắc Tân Văn ” và do đó có thẻ nhà báo cấp, Tuấn ngày một ngày hai có « thẻ », với nhà hữu trách ở tỉnh Thanh hơn. Anh được phép đi khắp tỉnh và đôi khi được về Hà Nội. Lúc đó, tôi mới hỏi anh tại sao anh bị câu lưu thì Tuấn cho hay là anh nuôi mộng giang hồ vật tũ từ lúc thôi học và cũng như hết thầy thanh niên có tâm hồn lúc đó, anh định trốn đi ngoại quốc để gia nhập phe cách mạng ở hải ngoại, đánh Tây, ...

giam mấy tháng trong ngục tối rồi câu lưu. Trong suốt thời gian này anh sống những ngày vô biên « lên lầu rồi lại xuống lầu ». Chán quá thì đọc sách, nhưng đọc sách nhiều khi « không vô » cho nên không biết làm gì khác hơn là khề khà uống trà, uống rượu để « ám sát » ngày tháng rỗng như đít bực. Có thể cái tính lừng khừng của anh bắt đầu từ lúc này. Bảo là dở người cũng được, bảo là lập dị cũng được, nhưng đa số bạn hữu nhận rằng anh lập dị nhiều hơn dở người, bởi vì thường thường những lúc ăn chơi ở trà đình tửu điểm, anh khôn như quỷ.

Vì công việc làm ăn, và cũng vì các nhà hữu trách ở Thanh mỗi ngày mỗi rộng rãi với anh hơn, Nguyễn Tuân về sau được về Hà Nội luôn. Nhờ các cuộc tiếp xúc thân mật và thường xuyên, tôi mới biết lập dị là một bệnh kinh niên của anh và bệnh ấy đã biến thành cái tật thiên nhiên gắn liền với lẽ lối sống còn của anh không có thuốc nào trị nổi — trong khi chính anh tự biết là trong bạn hữu ít có người chịu được anh. Chính Bô Luận là người đầu tiên không thể nào ngửi được Nguyễn Tuân. Làm chủ nhiệm báo « Trung Bắc Tân Văn », Bô Luận đã « thét » lên khi nhận được cái tin đầu tiên của Nguyễn Tuân gửi về.

Nguyên hồi đó, vua Bảo Đại có dịp đi kinh lý từ Huế ra Vinh, nhà báo muốn có tin tức đầy đủ hơn các báo — nhất là hơn báo Đông Pháp, của Ngô văn Phú — đánh điện cho Nguyễn Tuân đi theo Bảo Đại để làm phóng sự, Bô Luận đọc bài Nguyễn Tuân đã lắc đầu lia lịa và thét lên là vì cái văn của Nguyễn Tuân khi ấy là tiếng « la tinh ». Tôi còn nhớ câu mở đầu đại khái như thế này. « Vào một buổi sáng mù sương tôi lấy cái xe hỏa mười giờ rưỡi đi Vinh ». Lấy cái xe hỏa mười giờ rưỡi ! Cả tòa soạn cũng cười ầm lên : Văn chương còn kỳ hơn cả Hoàng tích Chu và Nguyễn văn Lịch ! Hai ba bình bút phải họp nhau để sửa lại cho hợp với giọng văn báo lúc bấy giờ. Mặt khác, cụ Luận lại ủy cho Nguyễn doãn Vượng « rí tai » Tuân « Việt nam hóa » giọng văn đi một chút, nhưng Tuân lì lợm một cây, cứ cái giọng văn tắt viết mãi, thét rồi nhà báo cũng phải chịu đựng và Tuân cứ như thế mà làm phóng viên cho « Trung

Bắc Tân Văn » một thời kỳ khá lâu.

Nói cho thực, làm phóng viên lúc ấy có khi hàng tuần không có một cái tin. Điều cần là để cho cả một cái các phóng viên đi lại cho oai chớ tiền thù lao không đáng kể. Riêng về Nguyễn Tuân thì tôi biết anh còn phải mang tiền nhà ra mà bù đắp là đang khác vì nhà anh biến thành một trạm tiếp khách ở Hà Nội về thăm Thanh Hóa hay là đi ngang Thanh Hóa về các vùng xa xôi hơn ở quá phía Nam. Một thí dụ : Ngọc Thỏ, Vượng và Hồ khắc Tráng đi điều tra, về vụ vàng Sầm Sơn. Việc đầu tiên là đến đóng ngay tổng hành dinh ở nhà Nguyễn Tuân, ăn chơi rả rích, ba ngày một tiệc nhỏ, năm ngày một tiệc lớn như Tào Tháo đãi ngộ Quan Hưu — rồi đêm nào cũng đến nằm nhà Phủ Thẳng nghe hát và phiện phò sáng đêm, cứ như thế suốt cả tuần. Muốn nói gì thì nói, ta cứ phải nhận Nguyễn Tuân là một người hiếu khách phong lưu mã thượng, tiêu tiền đã cháy túi; rồi nhưng lúc nào cũng « gân tây ma dọ » không để lộ cho ai biết là mình hết tiền tiêu, phải đi vay mượn lãi mười mười lăm phần có khi cầm đợ cổ bán để làm vui lòng bạn hữu.

Cái niềm « chơi được » của Nguyễn Tuân là niềm đó. Nhưng chính vì niềm ấy mà Nguyễn Tuân ngày một ngày hai tự không thể ở Thanh Hóa nữa. Anh tìm các cách vận động để hủy cái án câu lưu, đi lên Hà Nội tìm cách sanh sống, nhưng anh đã thất vọng vì các nhà báo và nhà xuất bản chưa biết anh mấy chút.

VẼ MẶT BÔI HỀ

Đó là khoảng 1935, 1936, Sau một thời gian trở về Thanh để nằm nhà chữa bệnh « thương hàn nhập lý » trong ba tháng Nguyễn Tuân gặp Nguyễn Doãn Vượng và Đàm Quang Thiện rủ đi Hương Cảng « vẽ mặt bôi hề » trong phim « Cánh đồng ma ». Nói cho thực, lúc đáp tàu qua Hoa Nam, thủ một vai khán hộ Tuân « không lấy gì làm nặng lòng với việc chớp bóng, mà chỉ biết xoay đăy là một cơ hội giang hồ ».

cái số. Ở Hương Cảng về, thấy vợ sanh thêm một cháu gái. Tuấn đã viết như sau : «Đề kỷ niệm một cái gì, đã xảy đến trong cuộc sống rồi bận của tôi hồi ấy, tôi bèn nghĩ đặt luôn tên cho trẻ lọt lòng và gọi nó là con Hương Cảng. Tôi có ngỏ ý ấy với thầy tôi, nói xong tôi mới biết là lỡ lời vì tôi đã gọi lại cái chuyện bỏ nhà mà thầy tôi đã muốn ngoi đi. Tôi biết thầy tôi giận lắm vì một đứa con trai trưởng đã không thắp hương ở bàn thờ ông vải vào một cái tết Nguyên Đán năm Mậu Dần ấy.

« Nhưng thầy tôi vốn là người có lượng. Người đã nguôi chuyện cũ và chỉ khoan thai :

— Hương Cảng ! Cũng được. Chữ Cảng thuộc về bộ thủy. Trong họ nhà mấy đời liền, đặt tên đều lấy theo bộ thủy cả.

«... Một buổi suy tưởng về tên người, tôi đã ngờ đến cái ảnh hưởng ghê gớm và thần bí của chữ tên đối với cuộc đời từng người ».

« Thủy là nước. Nước vẫn ít tự mà là hay đi. Cái sứ mệnh của chất nước là mãi mãi phải trôi xuôi.

« Ngày trước, vì có một cái tên đặt theo bộ thủy mà ông nội tôi đã là một người hành nhân đi theo một phái bộ qua xứ Tàu... Đến lượt thầy tôi. Thừa tự được cái tính ấy, thầy tôi đã có một dĩ vãng « lang bạt kỳ hồ » mà ngày nay, mỗi lúc nhắc tới, mẹ tôi chỉ biết có kêu gọi vào khoảng hai ngum rượu thuốc.

« Và tôi đêm này thiếp giấc trên tập du ký cắt ở báo cũ ra sửa chữa lèm nhèm, tối lại vẫn nằm mơ thấy cái viên tượng tương lai mình chưa dựng vào một lá buồm phòng trắng lừ lừ trên một vùng nước xanh rờn, không đầu không cuối và không có tuổi...»

— Có tiền đi; không có tiền cũng đi chỉ khi nào đau ốm mới dẫn về nhà lấy đó làm một « bệnh viện tạm thời », chính Nguyễn Tuấn cũng mang máng cảm thấy mình có tội với cha mẹ vợ con : « Tỉnh cái mộng, tôi tự hỏi tôi nhiều về cái thiên Hạnh Phúc. Con người ta — khi đã tìm đúng được cái định thức hạnh phúc của mình là phải ở chỗ xê dịch rồi, một khi đem gửi cả hạnh phúc mình vào lòng một lá buồm chưa phòng lên những

gió sớm, như thể có đến nỗi là ích kỷ và có tội nặng đối với những người thân nhất và gần nhất quanh mình không ? ».

Nguyễn Tuân tự hỏi như thế và không bao giờ trả lời mình. Anh cứ sống theo ý riêng của mình và muốn sống sao cho thật đầy đủ, thật theo sở thích, thật hoàn toàn sống, không cần biết đến những người chung quanh thành thử ra ngày một ngày hai cái bệnh « chướng ách » của anh nặng thêm lên, và hóa ra nan y, không có cách gì cứu vãn. Rượu, anh uống cả căn « bởi vì từ nghìn xưa, cái nghiệp của người uống rượu là phải như thế, dĩ tận vi độ, hỡi ôi ! ». Thuốc phiện hút sáng đêm, không biết nào là say ; ăn thì phải ngon, không thể thì nhịn đói, gái thích, thuốc lá thích ; thuốc Lào thích ; cờ bạc thích... thích hết, mà thích thứ nào cũng ham mê, thích chết thì thôi, thích không cần biết mình sẽ cố hay sẽ thác.

Nhưng với Nguyễn Tuân, tệ nhất là cái rượu. Trong cuốn « Bốn mươi năm nói láo » tôi đã nhắc đến đoạn Nguyễn Tuân « phùng trường tác hí » ở Khâm Thiên, Vạn Thái trèo lên mái nhà đi như một anh hề xiếc leo giây rồi thừa lúc mờ sáng, cả nhà đang ngủ đi lên sờ Cầm Hàng Đậu bấm chuông vào « thăm » ông cầm Arnand. Đó chỉ là một thí dụ nhỏ bé trong trăm ngàn thí dụ khác lớn lao hơn.

VÀI NÉT VỀ TẬT RƯỢU

Ở Hương Cảng, đóng phim « Cánh Đồng Ma », Nguyễn Tuân và bọn anh em vẽ nhọ bôi hề cùng ở từng gác thứ tư khách sạn Quảng Châu ở xóm Sạch Sùng Chũi.

Chính chữ hán, ta đọc nó là « Thanh tường tử ». Người Quảng Đông phát âm là Sạch Sùng Chũi. Xóm này đối với Hồng Kông không khác gì xóm Mông Mác hay hộ La Tinh ở Balê. Ở Sạch Sùng Chũi, người ta ăn chơi sáng đêm. Đây là nơi gặp mặt của mọi « thứ công tử số một chơi vàng trời ». Một đêm cuối năm dương lịch 1928. thấy người ta ăn tết, Tuân nhớ đến quê hương,

với hết thấy cái gì là không thực ở đời, say sưa với tất cả những sự thiếu thốn của lòng mình.»

○ Đã say thế rồi, Tuân không chịu, muốn say hơn nữa, bèn gào anh em uống rượu. Lúc thường, anh có một trăm ngôn về rượu : say, say luôn, đừng bao giờ để cho tỉnh, tỉnh thì « bỏ mẹ » ! Vì thế anh vẫn ước ao có một gian nhà đầy đủ tiện nghi, có buồng tắm, có buồng ngủ, có phòng khách, có phòng đợi, có vườn hoa... và bất cứ phòng nào anh cũng để vài ba chai rượu, cứ quơ tay ra một cái là có rượu liền để tu cho say luôn không bao giờ tỉnh, mới thú, chó trang trí theo cái kiểu Âu Mỹ trong nhà có cái « ba » muốn uống phải ra « ba » mà uống thì « chán mớ đời ».

Vâng, đêm ấy, Tuân đã say rồi, về đến phòng lại hò hét anh em uống nữa. Tôi không nhớ hết, nhưng biết chắc trong bữa rượu đó có ba người : Tuân, Nguyễn doãn Vượng và Nguyễn Dương. Dương là con trai cụ Vĩnh. Bình thường, Nguyễn Tuân kính trọng cụ Vĩnh như bậc thầy và trong câu chuyện với anh em Tuân không hề dám nói một câu hỗn sược. Nhưng đêm ấy, quả thật không ai ngờ : Tuân say, cứ nhè Dương đem ra mà chửi rủa, sỉ nhục và gọi ông gọi cha Dương mà khà khịa, không còn ra cái « thống chế » gì. Được anh em là người tốt như nếu không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra, nhưng chẳng may giữa lúc ấy lại có một a sầm đem đồ nhậu vào phòng thấy Tuân say cứ loạn choạng đứng lên như muốn đánh Dương, nhưng rồi mất thăng bằng lại ngồi phịch xuống như thằng lật đật, a sầm bật cười. Chỉ có thể thôi, vậy mà việc đáng tiếc đã xảy ra làm cho dương đem cảnh sát Anh phải can thiệp và suýt dẫn cả bọn về nằm « vi-ô-lông » nếu không có Hoàng văn Dư điều trần và xin lỗi : thấy cô phồ-ky cười. Tuân trong cơn say, không biết ngấm nghĩ ra sao đã ném cả một cái bát ô tô vào giữa ngực cô ta. Cô ta khóc ầm lên, la lớn cả mấy tầng lầu đều nghe thấy và bao nhiêu khách trọ đều đến trước cửa phòng xem vụ « hiếp phồ ky » và si sồ với nhau như có vẻ « không thú lắm ».

Lúc say, Tuân có cái tật nói «hồn» và uất nhất là anh lại nói hồn một cách văn hoa, có vẻ như chọn lọc từng chữ để cho những chữ ấy thấm thía vào đầu óc người ta, moi gan móc ruột người ta, làm cho người ta phải tức trào máu họng ra mới «đã». Ai muốn bảo như thế là hay hay dở, tùy sở thích; riêng tôi thú thực, có những lúc thấy Tuân say nói nên những lời độc ác, tôi muốn... lột quần áo anh vứt ra đường và đánh cho một trận tơi bời, kỳ cho tỉnh rượu mới thôi. Tuy nhiên, tôi chỉ nghĩ thế mà thôi, chớ chưa bao giờ dám thực thi ý định, dù ở vào những trường hợp mà ai cũng phải nhận Tuân là một tên lão sượng «ngoại khờ», không còn có gì tỏ ra tư cách một nhà văn hóa. Đó là trường hợp chúng tôi đi hát ả đào, Tuân lừ lừ ngồi xếp bằng tròn nghe hát, rót rượu ra bát ô tô uống theo lối «ngưu ằm» rồi gọi từng cô đầu «đội đèn» đứng «sắp măng» trước mặt anh để dự một cuộc bầu «hoa hậu» không chánh thức mà anh là chủ khảo. Tuân cứ đánh «cắc» một cái vào trong trống thì tức là «cho đi» để cô khác tiến lên. Cắc một cái còn có nghĩa là «tạm được về phần nữ sắc» nhưng nếu có cô nào xấu xí thì tội nghiệp, Tuân không những không cho đi, lại còn bắt ngồi xuống đấy để cho anh «nhắm» rượu và cứ mỗi một ngụm thì anh lại dương cặp mắt vọ ra phân tách và nghiền cứu từng cái xấu của cô ta rồi làm tổng kết, chửi bới, rửa xả và lên án tại sao cô ta lại có thể xấu như thế, phản mỹ thuật như thế «làm hại vệ sinh con mắt của người ta đến thế»!

Không, tôi cứ phải nói thật điều gì tôi nghĩ thật trong óc tôi: những lúc như thế, Tuân quả là một con quỷ, một tên đao phủ, một khách chơi đại gian đại ác, một kẻ thất phu, chà đạp lên linh hồn người ta, một gã tập sự độc tài không còn biết nhân quyền, nhân bản, nhân đạo là gì nữa!

Nhưng có một điều nên nhấn mạnh là những lúc say như thế, Tuân không phân biệt giai cấp: Ai, anh cũng xếp như xếp... mà vào một lúc... ban bè rất thân anh cũng coi chẳng ra gì,

anh vào giữa mặt vì cái tật say của anh hỗn quá và cũng vì cái thói quen khinh bạc của anh. Tôi còn nhớ vụ Tô Châu Nho nửa đêm đương ngủ, anh đi xe bảo phu xe vào gõ cửa thỉnh linh. Tô Châu Nho lúc ấy làm chủ báo «Việt Nữ», đặt trụ sở ở đường Nhà Thương Phủ Doãn, còn nhà riêng ở Ngã Tư Sở. Thấy đập cửa, vợ chồng Tô Châu Nho hoảng sợ chạy ra mở cửa xem ai thì Tuấn vấp, ngồi bắt chéo chân ở trên xe nói lẽ nhè vọng vào trong nhà :

— Thằng Tô Châu Nho đâu, vào rót cho tao một ly rượu ngâm táo tàu tao uống nhé. Mau lên, tao có việc phải đi ngay bây giờ.

Trước mặt vợ, mà chẳng ra gì cũng là chủ báo mà bị anh em nói sượng như thế, Tô Châu Nho cuốn cái áo thung lên ngực để lòi cái rốn ra, nắm tay lại hà hơi cho nóng định chạy ra cho Tuấn một cú đi-réc « cho nó chết mẹ » nó đi ; nhưng may có vợ can nên đành chịu đứng đờ ra đấy, sửa lại cặp kính cận thị và cười... rồi đi lấy rượu cho Tuấn uống vậy. Một người chịu đựng như thế, mười người chịu đựng như thế, Tuấn lại càng « lên râu » nhưng may thay không phải lúc nào anh say cũng có những cử chỉ bất lương như thế. Nếu nói theo lối « trong này », Tuấn là một loại người « có cơn ». Những lúc ấy anh lại là một người đáng thương hơn đáng ghét : say mềm ra anh không nói một câu, tìm một chỗ rất kín, như dưới bàn thờ nhà cô đầu chẳng hạn nằm lăn ra ngủ hay dờ ví ra lục hết cả giấy má cũ mới ra coi rồi ghi ghi chép chép gì chẳng biết rồi nằm quay ra ngủ. Những trường hợp ấy rất hiếm xảy ra : « Dĩ tận vi độ, hỡi ôi ! ». Anh nghĩ ra một ngàn lẻ một cách đề cầu vui. Phần nhiều những cách chơi này không phải là sáng kiến của anh, nhưng anh có một cái tài châm chọc, chế biến đề cho bao giờ cũng thành ra mới lạ.

Đi hát vào khoảng nửa đêm về sáng, hầu hết quan viên và cô đầu đều mệt. Thường thường mỗi anh ôm một cô tìm một chỗ kín để truyện trò bù khú. Vào lúc này, hút chừng một chục điếu rồi, Tuấn tỉnh như con sáo. Không đánh thức ai dậy hết, anh lăm lăm lì lì đi kiểm bảy ngọn nến thắp lên ở giữa nhà, bày một

đĩa trầu, rót ba chén nước rồi kiếm một cái ô đồng đập chập cheng ầm cả lên như là đám ma. Kể đó một lát anh « ô hô hô » ba tiếng, cúi gục đầu xuống lễ rồi sửa giọng của một ông thầy cúng đọc một bài văn tế rất lâm ly tế một vị thần mà nếu tác giả kể tên ra đây, các bạn sẽ phải lè lưỡi chê là tục tĩu ! Ấy thế nhưng mà ai nghe thấy cũng phải cười đứt ruột mà nhận là hay, còn các cô đầu thì du dương đến mấy lúc đó cũng phải tung mùng ra chạy trốn hết và không ngớt hét lên « anh phải gió » !

Tuân có một biệt tài là chính ông ở vào những lúc đó không hề nhếch mép cười bao giờ hết. Anh làm ra cái vẻ siêng năng và chỉ biết chú tâm vào công việc của mình làm. Nhiều khi trong lúc ăn chơi đùa cợt như thế, anh chú tâm thực sự chớ không đùa. Tôi còn nhớ có một lần đi hát đến nửa đêm, anh van anh em về hết. Trời tháng bảy mưa ngâu tầm tã, mà phải về thì tức quá, nhưng Tuân lấy cớ không có tiền trả nhà hát, thành thử anh nào cũng phải theo. Ra đến ngoài, cả bọn mới biết Tuân nói láo : Anh ta rủ đi ăn vẫn còn dư tiền, uống hai lần rượu nữa, mà vẫn còn tiền xe đi lên đường Quán Ngựa làm gì ? Anh em sanh sự, vặn hỏi Tuân. Anh bảo : « Lên tìm thằng Ngô Khởi ».

Ngô Khởi là tước hiệu của một người bạn chung của chúng tôi cũng gốc ở Thanh, tên là Phạm văn Lược. Lược ở chung một cái trại với Thượng Sỹ và tôi (sau này Nguyễn Vỹ cũng lên ở đó). Trại rộng chừng ba ngàn thước vuông, cây cối mọc như rừng, đèn đuốc không có phải thắp bằng dầu lửa. Nằm mà nghe chung quanh thì rợn tóc gáy vì có tiếng cày cáo, tiếng lính cầm canh ở Bách Thảo vọng lại, tiếng bìm bịp kêu : thêm vào đó có anh lại quả quyết những đêm mưa gió có con ma đàn bà áo trắng hiện lên đưa võng kéo kệt ở góc nhẵn và hú lên như tiếng thảm sầu nghe phát lạnh đến xương đến tủy.

Gặp Ngô Khởi, Tuân đòi uống và hỏi nhà có cúng không.

quả đề cúng các cô hồn nhưng Ngô Khởi không thèm cúng ai hết vì một lẽ rất dễ hiểu là không có đồng xu nào cả. Đến lúc ấy, anh em chịu Nguyễn Tuân là một con quỷ vì vừa nghe thấy nói như thế anh ta đã rút ở túi áo túi quần ra một đồng bóng kẹo, bánh bít quy với một cuộn nhang vòng và mấy tờ giấy vàng giấy bạc, vào khoảng hơn một giờ đêm, nhang đèn châm lên, đồ cúng bày đặt đâu vào đó rồi, Tuân khoát y vũ nhảy vào trong bể nước tắm rồi chà sà bông cho nổi bọt trắng xóa cả người.

« Chết cha, có lẽ thằng này điên rồi chắc ? » Anh em tự hỏi nhau như vậy. Không nói một câu Tuân cứ đề nguyên bọt sà bông và đầu tóc nhể nhại nước, xông ra múa cái lối múa « tuyết » bây giờ, đoạn chân dơ tay ra hò hét những danh từ vô nghĩa rồi quỳ xuống lễ đoạn vớ lấy cái thau đồng, cầm một cái đĩa cả gỗ ăm cả lên, vừa gõ vừa ê a bài « Chiêu Hồn » của Nguyễn Du, theo cái kiểu Hồ Điệp ngâm trên đài Phát Thanh mấy năm trước đây, nghe mà lạnh cả người, nhưng thú vị vì người có mặt tại đây có cảm giác là Tuân đang gọi ma lên nói chuyện và cả người sống lẫn người chết đang cảm thông với nhau trong một thế giới ma quái, không giống với cái thế giới đầy những lo âu ti tiện hàng ngày của chúng ta.

CÒN BA ĐỒ TƯỜNG NỮA

Những trò như thế bao giờ Nguyễn Tuân cũng sẵn có ở trong túi đề làm vui các bạn. Có lẽ vì vậy mà anh em mặc dầu ức Nguyễn Tuân không đề đâu cho hết mà thấy Nguyễn Tuân rủ đi chơi, người ta vẫn cứ muốn đi, đi đề xem anh ta còn dở thêm trò gì ra nữa, và anh ta còn điên đến chừng nào. Thú thực, có một vài lúc chính tôi cũng ngờ rằng Tuân là một thứ « demi-dément » chẳng trước thì sau cũng bị nhốt vào một cái cũi sắt nào đó trong nhà thương Phủ Doãn, nhưng đi sâu hơn vào lòng Tuân, tôi thấy anh là một người kỳ lạ, đầy mâu thuẫn, đầy bí ẩn, rất hồn nhưng lại rất biết điều, rất quấy nhưng lại rất nhu, rất lập dị nhưng sống với vợ con lại rất giản dị,

rất khinh bạc nhưng có khi lại rất khiêm nhường, rất chán đời, lúc nào cũng muốn tự tử bằng trác táng nhưng lại rất chịu chiu sự sống, quý trọng và coi bất cứ cái gì sống cũng là một sáng tác màu nhiệm và cao quý của Trời. Hình như trong thâm tâm anh thêm sống lắm, nhưng sống theo anh, không phải là ăn, ngủ và làm việc. Sống, đối với anh, là phải sống thực sự cho chính mình, sống vội, sống nhanh, sống rất đầy đủ cho « thỏa cái vong linh » dân hậu có chết không có điều gì nuối tiếc.

Nếu quả anh nghĩ như thế thật, người ta sẽ không lấy làm lạ khi thấy anh uống rượu như cái lỗ và hút thuốc « liên chi hồ điệp » suốt ngày ấy sang ngày khác, suốt đêm ấy sang đêm khác : « Tôi yêu khói và thêm khói lúc thiếu nó, nhớ nó lúc vắng. Khói đã trở nên một nhân tình cần thiết cho tôi. Tôi đã yêu khói dưới một tập hình thức của nó. Luồng khói than bành của đoàn tàu hỏa trên nội cỏ; luồng khói than đá của con tàu bề trên mặt nước động; luồng khói ẹt sảng trong đám bụi bay trên đường cái quan, và luồng khói thơm tho của quán cơm sau một ngày đi bộ mệt nhọc. Những luồng khói ấy tự do trên những khoảng trời vô hạn; còn có những thứ khói bị bó buộc trong gian phòng chật hẹp kín bưng như là khói thuốc lá, khói thuốc Lào, khói thuốc phiện, khói lư trầm. Rộng, hẹp, cao, thấp, có khác nhau nhưng tất cả khói đều cảm tôi một cách thấm thía. »

Ở một đoạn khác : « Lắm đêm thêm thuốc, không ngủ được, tôi tưởng như tôi có thể tự tử ngay được vì tôi cảm thấy cuộc đời là vô vị, là vô nghĩa lý. Đêm dài như năm... » Thích thuốc lá, thích thuốc Lào, anh lại thích cả thuốc phiện nữa. Ở nhiều tác phẩm, anh đã công khai ca ngợi thuốc phiện mặc dầu người ta vẫn biết rằng « những người ghiền nha phiến thường hay dẫu tật hư của họ mà trái lại những bợm rượu lại thường đem tật hư của mình ra khoe ». Cái thú hút a phiến, Nguyễn Tuân đã cực tả trong « Ngọn đèn dầu lạc » do nhà Mai Lĩnh xuất bản

« Thuốc phiện hôm nay quý lắm. Những người nào định hút chơi thì nên nhường chỗ cho những người cần hút vì việc riêng của tinh thần ».

« Chúng tôi nhờ khay đèn của chú Khanh, đêm nay, bạn với ả phiến. Chúng tôi dè dặt điều thuốc như các bộ lạc du mục ở Phi Châu dè dặt từng giọt nước uống đựng trong túi da, khi đoàn lạc đà chở họ qua hàng trăm dặm sa mạc ».

« Nhựa quả phù dung xèo xèo trên bầu đèn là một phương thuốc nhiệm mầu chữa cho những kẻ có tính tình bị thương nơi óc và có ung độc rỉ mủ trong tim. Những lúc lòng trống trải, thuốc phiện là một cố nhân giữ cho người ta khỏi chết mòn vì hiu quạnh và phần uất. Chẳng tránh được nhiều người có tâm sự một khi bị đầy dài hạn từ châu thổ lên rừng thượng du, thường hay bị thuốc phiện quyến rũ. Khởi điểm cuộc hôn nhân giữa người ta và ả Phiến thường là một vết thương lòng. Một đêm trên bề vè, kẻ ngắt sự đời, chúng tôi đốt một lò hương, gói bao nhiêu hờn oán, thù ghét vào luồng khói thơm ngậy và liền đem trí tuệ cầm cố cho bà Chúa Nâu. Thấy gió đêm nay lạnh, thấy ngọn đèn là ấm áp, tôi cầm ngang mũi tiêm, chỉ con tim bắc thề trăm năm cùng già với ả Phiến. Lời thề ấy là một nhời nguyện rất thành thực, thốt ra giữa khoảng trời nước tối om om... »

Đây là thuốc phiện. Đến cờ bạc, Tuấn cũng suy luôn. Anh đã từng đánh cờ ăn tiền, ăn thuốc lá ở Lê Viên Sơn :

« A Tchê được đi trước. Y vào pháo đầu. Tôi cũng vào pháo đầu. Ván cờ vào thế nghịch pháo. Tạ Ích Chi đi nhanh, tôi đi chậm, lòng chỉ lo thua. Tôi không tin nhiệm ở lối xuất quân của tôi nữa. Nước thứ mười gì đó, Tạ Ích Chi ăn của tôi một con tượng. Mắt tôi trông mé cờ bên địch ô nào cũng thành ra hoa thị cả. Cờ tôi què rồi. Loạng quạng thế nào mà lại kèm thêm một con chốt đầu nữa ! Người tôi đâm mê, xe pháo gì đều thọc bậy cả. Máy người bạn bạn này đứng cạnh tôi giả vờ xem đấu cờ mà chính thực là cốt hút chẳng một điếu Camel của A Tchê ».

buông tung bỏ vãi ở cạnh bàn cờ; mấy ông bạn lợi dụng cuộc cờ, thấy cờ tôi núng đã bỏ đi hết cả... Tôi không nhớ rõ đánh đá ra sao mà ván ấy lại hòa...

Mở cho ván thứ hai tôi thắng thế ngay từ lúc ra quân. Lần này tôi đi trước. Tôi gò được nước pháo đầu mã đôi rồi vui vẻ, sáng suốt lôi kéo giăng được những ba quân vào một mé mà công kích. Tam tử đồng biên! Tôi được ván cờ thứ hai ấy không lấy gì làm hứng thú vì suốt từ đầu chí cuối, đôi bên không có lấy một nước cờ hay... Tôi mê man vì cờ, không biết rằng đằng sau tôi, một vài anh em đã đứng đấy từ bao giờ. Có người cúi vào mông tôi và ghé thềm nói vào tai tôi: «Thôi, ăn non đi. Hai ván, hòa một, được một. Lấy lấy một gói Camel rồi đi về đi. Chia cho anh em trong bọn mỗi đứa hai điếu có thú không. Đánh nữa làm gì!...»

Cờ thích đã đành, Tuân thích sóc đĩa có phần hơn thế nữa, và si phé, và tò tôm và tài bàn và chắn... thích tuốt. Tuân không vào trong Nam lúc ký hiệp định Genève; nếu anh vào tôi dám cá một trăm ăn một đồng, anh sẽ la cà ở Kim Chung, Đại Thế Giới suốt ngày suốt đêm và có khi đem cả chắn gối đến ngủ luôn tại đó để đánh roulette, tài xỉu... cho «nó» tiện, khỏi phải đi đi về về mất công.

Đấy là cờ bạc. Đến gái. Theo sự nhận xét của riêng tôi, Tuân làm ra cái vẻ «xây», chơi bời chọn lọc nhưng thực ra anh ta cũng dễ, miễn là gái biết gài vào lòng tự ái của anh:

«Hơn họ, tôi cười to và đặt người đàn bà đó vào lòng, tai mơ hồ nghe Á Sầm khép cánh cửa buồng... Rồi người đàn bà đó lồng năm đầu ngón tay nhọn sơn đỏ vào lớp tóc rối, vuốt ve và nói những câu gì mà âm thanh nghe cũng hay hay. Tôi vợ vẫn nghĩ chuyện nghìn xưa có ông Liễu Hạ Huệ mà thỉnh thoảng người của thế kỷ này vẫn lôi ra đề làm gương cho thiếu niên bị sa ngã trước sắc đẹp đàn bà. Tôi cho là sự xuyên tạc của nhà Nho. Ông Liễu Hạ Huệ làm gì có trong lịch sử loài người. Hay nếu có nhà khảo cổ học nào mang ra được cái sọ

... thì họ nhân thức đấy chính

là đầu và người ông Liễu Hạ Huệ, thì ít ra tôi cũng chỉ tin rằng lúc bình sinh, ông chỉ là một đấng nam nhi... bất lực ».

«... Hăng hái bước vào nhà chứa, tôi vênh mặt lên để nhận lời chúc mừng năm mới của một «ả sầm» gọi tôi là sinh sáng.

«... Sự tình cờ của chút duyên bèo nước chỗ phu đầu Hương Cảng đã cho tôi làm chồng người đàn bà ấy trong một đêm giá lạnh, xa phần hương. Tôi đã thành thực cảm động với một con đi. Tôi xin lỗi hết thảy những người thân yêu trong đời tôi, muốn toàn những sự thuần túy, trong sạch cho tôi... Lá màn rủ thấp... Người đàn bà ấy nói nhiều lắm. Sự gì xảy đến cho một bó cỏ khô bị vút vào bên hòn lửa đỏ, sự ấy đã xảy đến cho người đàn bà đó và tôi... Đêm thồn thức đi... Chúng tôi uể oải bắt tay từ biệt nhau trong cảnh khuya khoắt. Người đàn bà ấy trao cho tôi một lá thiệp phấn hồng... Tôi mân mê lá thiệp, đọc rất kỹ lưỡng.

TÚ CHÂN

SỐ... ĐƯỜNG CA VŨ ĐÀI — HONGKONG (TỪNG THỨ NHÌ — BUỒNG GIỮA)

Rồi tôi vụt có tư tưởng đem nàng Tú Chân về bên An Nam — nàng, một con đi hạng trung bình. Tôi tưởng tượng sẽ bắt nàng phục thiện, tòng lương và khi nàng đã cùng tôi xuống tàu, nàng sẽ hát trả lại Hương Cảng, cái quá khứ mãi dâm của nàng. Về bên xứ sở, tôi sẽ cho nàng để đại tang và bịa cho nàng là con một ông đốc biện binh dương ở mặt trận Hoa Nam bị thương không có thân thích, lánh giặc... ở Hương Cảng, gặp tôi trước ống thu thanh và yêu cầu tôi lại xướng quay phim hát bóng nơi mà nàng cũng có chân sầm trò. Nàng đã có vẻ đài các ấy, với cái miệng nhí nhánh và cử chỉ dễ thương ấy, với cái vẻ sầu lãng mạn mỗi khi nàng dứt tiếng cười, khi về nước, tôi có thể nói lão không thò đuôi...

Thế là hết ! Tứ đồ tường, Nguyễn Tuân đều say mê, mà say mê hạng nặng, và anh không hề dấu diếm các tật xấu nét hư của mình, trái lại còn nói toác ra để cho cả thiên hạ biết,

CÁI TÀI, CÁI TẬT

Chứ sao ? Tôi là người hư hỏng, cần gì phải dấu diếm ai làm gì ? Tuân là một người « hư hỏng » — theo ý nghĩa mà người ta thường gán cho danh từ này -- nhưng là một người tự trọng, cho nên không ai coi thường được anh và cũng chính vì thế nhiều bạn bè, trong số đó có tôi, dù ước anh đến chừng nào và ghét anh đến bao nhiêu cũng vẫn cứ yêu vì ai cũng phải nhận anh là một người có tài, mà có tài thì có tật — lẽ ấy ít ai tránh được.

Mặt khác, nếu chỉ nhìn thấy cái «chương của Tuân mà không biết rằng còn có nhiều mặt khác nữa tiềm tàng ở đằng sau cái chương đó thì e rằng sự kết luận sẽ quá vội vàng mà sự suy luận e thiếu về triết trung. Thực ra, con người Nguyễn Tuân là con người đa diện, con người Nguyễn Tuân là sự kết tinh của không biết bao nhiêu mâu thuẫn, con người Nguyễn Tuân là cả một bài tính độ mà một người nhất kiến vi kiến với anh không thể nào hiểu nổi. Ở nhà cô đầu, Tuân ngưi ằm, nhưng có những chiều thu đi cao lâu, Tuân chỉ khề khà một ly Mai quế lộ nhỏ và gọi một con chim quay mà chỉ ăn vòn vẹn có hai chân ; Tuân không có tiền đi vay năm đồng nhưng mua một bông la đơn hai cắc mà trả bà hàng tới bốn đồng và đi xe một đồng ; hồ thở ra câu nào là sắc mùi khinh bạc, nhưng đến đèn khuya thanh vắng thì anh lại khiêm nhường hơn ai hết và tự bảo : « Anh hãy thương lấy anh, đã cuộc từ thiện có tổ chức phải bắt đầu tự mình trở đi; thích giăng hồ và nếu không được đi thì ốm nhưng xa nhà vài ngày, chỉ vài ngày thôi là anh buồn vợ vắn bởi vì «cái không khí nhớ quê hương không tha cho mình» bởi vì «hồn quê lại giục khách tha hương nhớ tử phần» bởi vì «giác hương quan làm con người ta khổ sở oằn oại đến thế là cùng», bởi vì bị «trần trọc thâu đêm để hút thuốc lá, để tìm trong làn khói một hình ảnh lơ mờ của quê hương » bởi vì anh «vụt nhớ đến phận làm cha, làm chồng của tôi ở một mái nhà kia cách Hải Phòng gần

ba trăm cây số ». Ấy là vì Nguyễn Tuân « chỉ là thằng người với mọi tật xấu và hèn yếu của người » nhưng, khác rất nhiều người, anh lại có một tâm hồn, anh lại « biết », thành thử ở trong anh luôn luôn có sự giao chiến của Thiên thần và Ác Quỷ, luôn luôn có sự tranh chấp « của nghệ thuật và thể tử » luôn luôn có sự cố gắng giữ gìn bản thân để cho mình khỏi giống « những người mà tôi vốn rẻ rúng, những người có bệnh hủi mà lại luôn luôn làm điều quấy, những người thiếu cá tính, kém nhân phẩm, sống một cuộc đời thấp hẹp ».

Cái thế giới của Nguyễn Tuân là một thế giới đầy dẫy đau khổ và thắc mắc tâm linh, vẫn thương mà phải ghét người thời đại, anh cố gắng vượt lên để tìm cách thoát khỏi những ràng buộc ti tiện ghìm người ta dưới đất đen, làm cho con người nhỏ bé và hèn hạ, nhưng rút cục anh thấy mình bất lực vì bao nhiêu nỗ lực của anh đều mỏng manh và tan vỡ như bong bóng sà phòng. Con người ấy thành một thứ người bất đắc chí mà anh kêu là « những người không có cả Bảy Giờ, không có lẫn cả Ngày Mai ». Giang hồ, trác táng, khinh bạc, lập dị, tất cả chỉ là để thoát ly, để tìm một cái gì mới hơn, lạ hơn, đáng sống hơn cho « khỏi phải nghe tiếng khóc phẫn uất, bất đắc chí, đi trước những cái chết bất đắc kỳ tử » nhưng chẳng đi đến đâu hết. Nằm gối đầu tay ngủ trên lầu Kinh Châu, anh vẫn thấy hiện ra trước mắt cuốn phim Dĩ Vãng :

« Quay giật lùi, mò chiếu ảnh một người lang thang không nhà cửa và sống một cuộc đời vô định, chẳng biết gì đến những phương pháp kiến thiết, chẳng chịu hiểu gì đến những tư tưởng của thời đại. Thời đại bị hất hủi, đã báo thù và gieo vào đầu đứa con hư đó mầm độc Thời Bệnh ».

Trước khi bị cái Thời Bệnh đó, đứa con hư ấy, năm 1929 đã lên một con đò độc mộc sang ngang, qua Bangkok... một đêm sương trắng đè nặng mặt sông Cửu Long Giang. Đứa con hư ấy « đã từng bẻ lấy cơm năm gạo... ăn với những mẩu đầu cá... trong không khí bạc béo của mấy nơi đề lao. Và bạn bè cùng nằm ăn với mình lại rất là những người có trái tim cần cỗi. Ở

những trái tim ấy tưởng chừng như không bao giờ có một tiếng vang của tình cảm, những trái tim đó thỉnh thoảng có lên tiếng nhưng một cách dữ dội và tàn ác. Những cuộc xô sát giữa tù và tù, giữa bữa cơm mâm nhà nước phát, thường bắt đầu từ việc tranh dành một quả ớt. Quả ớt đỏ đã nhuộm đỏ những năm cơm đỏ bị những bàn tay vấy máu mân mê».

Sau này, lúc Nhật đến Đông Dương, đứa con ấy làm báo «Văn Hóa» với Dương tự Giáp, Phùng bảo Thạch, Vũ Chung, Lưu văn Phụng lại nếm mùi tù đầy nữa, cùng một lúc với bọn Khái Hưng, Nguyễn Tường Long... nhưng dầu sao thì Nguyễn Tuấn vẫn thấy nỗ lực vượt lên của mình vô ích và bao nhiêu cố gắng nhằm phá tan những màng lưới vây quẩn lấy anh vẫn cứ chặt cứng như thường. Và càng cảm thấy như thế, Nguyễn Tuấn càng uất ức, và càng uất ức anh lại càng điên lên, y như con hổ trong thơ Thế Lữ ; biết những ngày êm đẹp của một thời xa xưa nào đó người ta sống tự do, độc lập, người ta sống cho người ta và bởi vì không còn được thấy cái ngày xưa ấy nữa, anh khóc tiếng khóc phẫn uất, phóng túng hình hài, sống đời phiêu bạt, mặc kệ thế nhân và dùng thuật thôi miên trị mình cho mình ngủ đi « *Hãy ngủ đi em ơi ! Ngày mai cuộc đời sẽ đổi khác. Sớm mai, ánh sáng vừng dương sẽ đổi lại cuộc đời* ».

Đời như thế là chiến đấu tiêu cực, là tự nhận bại trận trước khi lâm trận. Nguyễn Tuấn đau khổ là vì đã không có một phương châm tranh đấu. Đó cũng là cái đau khổ của hầu hết những chàng trai cùng lớp với Nguyễn Tuấn muốn «làm một cái gì mà không thể nào làm được» cho nên thấy Nguyễn Tuấn nói lên được cái tâm sự u ầu ấy, thấy Nguyễn Tuấn làm thông ngôn cho lòng họ qua những tác phẩm như «*Một chuyến đi*», «*Thiếu quê hương*», «*Chiếc lư đồng mất của*», «*Tùy bút*», «*Nguyễn*»... phần đông cảm thấy hả hê và cái tên Nguyễn Tuấn nổi bật lên bằng chữ lửa trong làng văn bút không làm cho các thức giả ngạc nhiên. Và người ta sẽ không ngạc nhiên nữa khi thấy Nguyễn Tuấn đi vào trong văn học sử, bởi vì không bán khoán đau khổ tâm linh, những cố gắng vượt

... người thời đại không phải chỉ

có trong giai đoạn nhưng sẽ còn mãi mãi với thời gian và còn làm những lớp người của Ngày Mai đau khổ và băn khoăn như thế hay hơn thế.

CẢI NHAU HAY ĐÁNH NHAU

Vì vậy tôi nghĩ rằng yêu Nguyễn Tuân rồi đây người ta sẽ không đề ý đến những thói hư tật xấu của Nguyễn Tuân bởi lẽ có tài thì có tật. Đó là một lẽ rất thường mà cũng rất nhàm mà người ta vẫn thường thấy trong văn học sử không những của ta mà của cả thế giới. Chính các nhà văn như thế không cần ai bênh vực cả, riêng cái tài của họ sẽ bênh vực họ mà người đọc sách sau này không những không trách cứ họ mà lại còn thương yêu họ hơn nhiều nữa vì họ đã đem cuộc đời họ ra đánh bạc — và đánh bạc thua cháy túi — để rút lấy những kinh nghiệm, những đau khổ, những băn khoăn thời đại để nói giùm cho người cùng thời những đau khổ, băn khoăn của đại chúng muốn vươn lên, muốn hủy diệt buồn tẻ, bất công, muốn sống một cuộc sống công bằng hợp lý, hợp tình, hợp với ý muốn của Hóa Công lúc tạo ra Con Người.

Có nhiều phần chắc chắn hiện nay có nhiều người hiểu Nguyễn Tuân hơn, cảm thông với Nguyễn Tuân hơn, nhưng ngay trong thời ấy thì số người đó tương đối ít, mà những người có tâm hồn thấp kém » lại tương đối nhiều hơn. Vì thế, ta không lạ khi thấy Nguyễn Tuân uất ức, hờn giận và tuy sống giữa anh em mà cảm thấy mình cô độc. Mặc dầu nói giọng « ông cụ », nhiều khi vì tức giận quá mà không làm gì được ai, anh xử sự như một đứa trẻ con, lấy những màu nền cháy đỏ, đem hơi nóng, cho chảy ra, chuốt thành những hình người có đủ tứ chi. « Nhưng tôi chỉ tạo nên những hình người quái gở dữ tợn, tay chân và thân thể không cân nhau... Nhưng tôi không lấy thế làm chán nản. Vì chủ định của tôi khi nặn hình người sáp, có phải là để khéo léo tạc hình ảnh người sống vào khối nền với sự kính yêu đâu... » Nên những pho tượng ấy, Tuân đã có ác tâm bắt chước người *gitane* nặn mấy người bằng

sáp mang lấy tên tuổi, ngày sinh, tháng đẻ của họ « Tôi đã cắm vào mỗi phe lương sáp một cái tăm vót nhọn. Tôi đã trù, ếm điều, hài họ bằng phép hư linh học của dân *Bohémiens*. Mỗi ngày tôi khẽ ần tăm nhọn vào trái tim họ. Cứ như tục mê tín bô-hê-miêng thì bao giờ vật nhọn ngập lút vào tim, kẻ kia sẽ thở hơi cuối cùng. Nhưng than ôi ! phép đó chẳng mầu ! Vì đến ngày nay, những kẻ đó vẫn được nghênh ngang hít gió, tắm ánh sáng và đầu độc không khí xã hội lành ».

Nguyễn Tuân lại càng thấy mình bất lực. Mà anh lại thấy trong người nhiều sức khỏe quá chừng « nếu không dùng nó vào một việc gì thì có lẽ phải cho nó tiết ra ngoài bằng một cuộc cãi nhau lớn và đánh nhau cũng nên » Với ai ? Với những người trong bọn mà từ trước tới giờ anh chỉ lạng lẽ khinh bỉ. Với tất cả những người « mà đời là một con chim sơn ca ăn và bay bổng đề tống ra ngoài những chất thừa của tiêu hóa, và hát và hát chán lại ăn. Với những người mà cuộc đời là một « câu chú thích dài » về những cái gì gọi là thói tha, quay quắt với những người không bao giờ dám thoát ly khỏi hoàn cảnh tù mún của cuộc đời đứng yên mãi mãi một chỗ, thoát ly khỏi sự trói buộc bản tiện của cuộc đời hàng ngày dậy mãi cho người những thói quen nô lệ. Nhưng rồi rút lại anh chẳng cãi nhau mà cũng chẳng đánh nhau với ai. Anh thấy mình lại buồn cười cho mình và kêu lên « Ôi ta ưi là ta ưi ! » Có lẽ anh là một thứ người *demi-dément* thật. Nhưng đặc biệt là một người như anh, tóc bù như tổ quạ, suốt đời tự hủy diệt đời mình, không lúc nào không phóng túng hình hài, đi bí tất kỳ cho đến rách thì mua đôi mới chứ không thèm giặt, một người như thế lại tỏ ra rất thận trọng trong những việc rất thường ; thí dụ mua một cái ca vát thì chọn đi chọn lại đến hàng tháng mới vừa ý, may một bộ quần áo mà đơm cái khuy cao quá cũng bỏ không lấy, dù rằng đã trả hết tiền, thấy cái tàu thuốc nào đẹp phải xin kỳ được, mà

một bài thơ cổ phong ngũ ngôn của anh gửi về nhà cho vợ nhân một đêm cuối năm sống ở nơi đất khách :

*Bốn bề cũng là nhà
Tết này lại ở xa.
Hồn quê theo lá rụng,
Đất khách đóng trò ma !
Gió bụi quên ngày tháng,
Biền hồ góp xông pha...
Đừng cho đàn trẻ biết,
Rối ruột khách thiên nhà.*

Thực ra, theo chỗ biết của riêng tôi thì, không cứ thơ gửi cho vợ, bất cứ cái gì viết ra giấy in ra chữ, Tuân đều thận trọng, ít ra cũng thận trọng hơn nhiều nhà thơ, văn khác. Vì nghề nghiệp bắt buộc, tôi đã từng được đọc bản thảo của nhiều anh em già có, trẻ có, làng nhàng có, nổi tiếng có, mà bị số phận « dìm » tài cũng có, thực quả tôi chưa thấy có bản thảo nào sạch sẽ và viết chữ kiểu cách, nắn nót như bản thảo của Nguyễn Tuân. Trong khi đa số anh em khác viết trên những tờ giấy nham nhỏ, cắt sén sô bồ, có tờ to tờ nhỏ khác nhau, bao giờ Tuân cũng viết trên những tờ giấy trắng thượng hạng, cắt sén rất đều kèm kẹp cẩn thận và không bao giờ quên đóng ở trên đầu một cái dấu xanh in một cách buồn « *Gió đã lên* » và thường thường đến cuối bài lại ký một chữ bay bướm và đóng một cái dấu son đỏ màu cánh sen. Sau này có nhiều người cũng bắt chước lối chơi lập dị đó để đến bây giờ cái chuyện đó hóa ra thường, nhưng nếu trí nhớ của tôi không lầm thì Tuân là một nhà văn trẻ đầu tiên bắt chước các cụ in nhãn hiệu và đóng dấu vào bản thảo và sách vở. Đến cái chữ viết của anh cũng cầu kỳ. Anh viết như nhà nho viết câu đối chữ thảo, uốn éo, lên xuống rất « điệu » ấy là chưa kể anh viết cũng như ăn, cần đòi hỏi nhiều điều kiện thuận lợi, nên không được thể thì thà là đi chơi tiêu hay là « cốc » bạn còn hơn, chớ viết bất đắc dĩ cũng như giang hồ bất đắc dĩ thì không thể nào chịu nổi. Đi giang hồ phải vui vẻ, viết thì phải làm thỏa cái lòng mình. Giang hồ bất đắc dĩ thì ở nhà còn hơn ! « Chao ôi ! tôi muốn gọi

đến linh hồn của bao nhiêu cái bậu cửa, ngưỡng cửa và cánh cửa
thiên lương, hô chúng khép cả lại và trách chúng đã thiếu bổn
phận canh gác gia đình an cư để những đứa con hoang toàng nửa
mùa như thế nay được xồng ra ngoài ».

Có lẽ vì quan niệm văn chương như thế cho nên truyện ngắn
nào, tùy bút nào hay truyện dài nào của Nguyễn Tuân cũng có
đóng một thứ dấu riêng, mà nếu không hay vừa đi nữa thì cũng
phải có cái gì độc đáo, không giống các nhà văn khác. Chính thực
ra Nguyễn Tuân không trước tác được nhiều, nhưng anh có một
địa vị trong đàn văn trận bút, một phần lớn dường như cũng vì lẽ
đã tìm được một lối đi riêng biệt, anh đã tìm ra được một cái
mỏ và đã cắm một cái móc vào đấy và viết lên chữ « Nguyễn »,
anh đã mặc nhiên thành một người chỉ đạo trong phạm trù văn
chương. Khề Khà, khinh bạc, dài dòng mà tế nhị, hơi điên điên
nhưng lại thành thực lạ lùng, nặng về kỷ niệm và tư tưởng hơn
tả cảnh, khai thác tâm tư như Dostoiersky nhưng lại phong phú,
tế nhị như Marcel Proust.

LỘT XÁC ĐƯỢC KHÔNG ?

Tôi ít gặp Nguyễn Tuân sau khi báo « Tiểu thuyết thứ bảy »
đóng cửa. Trước đó, anh về ở Hà nội, lập một cái nhà treo biển
nhỏ đề ba chữ « Am sông Tô » sống với người vợ hiền chỉ biết thờ
chồng nuôi con và đi chợ, làm các thức ăn rất lạ, rất « An nam »
rất đặc biệt cho chồng đãi khách. Đến lúc Nhật tới, tôi không
gặp Nguyễn Tuân. Gõ cửa « Am Sông Tô » thì chủ nhà đi vắng đã
lâu không về. Máy chấu đổ quyền và la hán, không có người tưới
bón đã vàng lên cả lá. Hỏi thăm anh em thì Nguyễn Tuân sau một
thời gian hợp tác với tờ « Văn Hóa », đặt trụ sở ở đường Hàng
Đẫy, đã trốn đi xa, nhưng ít lâu sau thì có tin anh bị bắt. Kể
từ đó, anh em không còn gặp nhau. Phải đợi đến tận
lúc kháng chiến chống Pháp, về Đò lên làm tờ báo
« Giết giặc » của Đặng thái Mai, tôi mới lại gặp Nguyễn Tuân.

thoạt đầu rất to rồi đột nhiên ngừng lại không kèn không trống với một bàn tay che lấy cái miệng tròn như thề chữ O, vẫn cái giọng nói lè nhè, thỉnh thoảng «nhát gừng», Nguyễn Tuân tuy vậy khỏe hơn trước không phải vì bộ quần áo kháng chiến thâm màu nâu non và nón lá trên đầu, cái gậy cầm tay, nhưng khỏe vì anh ta béo quá, béo như một ông chánh tổng. Đã không biết thuốc nhưng lúc nào cũng chỉ chờ có người nào ồm ồm đoán mò bệnh tật, tôi đồ rằng Nguyễn Tuân đau gan đã đến thời kỳ trầm trọng vì ngoài cái béo trệ, da anh lại mét vàng mà mắt thì cũng vàng. Nhưng cứ mỗi chiều gặp nhau ở Uỷ Ban Kháng Chiến về anh lại bấm tôi rủ đi đến nhà Ngô Khởi uống rượu lậu nhắm với lạc, rang. Có khi anh em uống như thế cả tiếng đồng hồ mà không anh nào nói với anh nào. Chúng tôi chơi với nhau lâu nhưng mỗi người mang một tâm sự riêng, chẳng ai ngỏ với ai — và như thế lại hay vì chúng tôi «xung khắc», không gặp nhau thì nhớ nhưng hễ nói chuyện thì chưa hết câu trước đến câu sau đã «sổ siên» nhau rồi. Bởi lẽ dễ hiểu cả hai đứa chúng tôi cũng «chướng», chẳng thẳng nào nhin thẳng nào, nhưng nói thực công bình, chỉ riêng về mặt viết lách thì chúng tôi phê bình nhau thẳng thắn.

Nói phê bình cho có «mẽ»; thực ra trong hai đứa chúng tôi đứa nào viết một bài dở thì đứa kia lơ đi như không biết, nhưng đứa nào viết được một bài hay thì đứa kia khen thẳng thắn và có khi đọc lại từng đoạn và cười mỉm một cách vô cùng đặc ý.

Sau đó ít lâu, tôi về Đội Đẹp, cách vài ngày lại đi bộ hàng hai ba chục cây số về thăm Thượng Sỹ ở làng Kẹo. Nguyễn Tuân cũng ra đây thăm chúng tôi một hai lần.

Thế rồi từ đó, tuyết mù tăm tích. Tất cả tin tức nhận được cho chúng tôi biết rằng sau khi viết bài về những con chuột cống ám chỉ những đồng bào trở về thành, đăng trên tạp chí «Văn nghệ», Tuân bị «chỉnh» một dạo và một dạo anh đã tự phê bình, kiểm thảo và phủ nhận tất cả những trước tác cũ của anh. Sau đó ít lâu, có người đọc báo cho tôi biết thêm anh viết về phở và nhớ phở, đứng trên một đỉnh đồi vọng về Hanoi mà ngửi thấy mùi phở thơm ngon... và trong thời kỳ lang thang trên khắp các nẻo đường đất

nước, anh có viết nhiều bài tùy bút sau này gom lại thành cuốn « Sông Đà ». Tôi không được đọc những sáng tác phẩm ấy của Tuân, nhưng thú thực là tôi hơi ngạc nhiên khi mới nghe thấy nói Tuân phủ nhận những sáng tác phẩm cũ của anh. Có lẽ thật. Là vì tôi biết tính Tuân « đồng bóng » lắm. Rất có thể không do ai bắt buộc, mà nhằm vào lúc « bốc đồng », Tuân có thể tự phê bình, tự kiểm thảo, tự mình phủ nhận các tác phẩm trước đây của mình, nhưng nếu quả như thế thật thì chắc chắn một ngày buồn nào đó anh sẽ hối hận về công tác của anh vì rút bỏ những tác phẩm trước đây của Nguyễn Tuân đi, anh không còn gì hết — nghĩa là anh không còn gì hết. Tuân sở dĩ có một địa vị xứng đáng trên văn đàn như hiện nay chính là vì anh có một cá tính riêng, một « dấu » riêng, một cách nhìn riêng, suy nghĩ riêng, diễn tả riêng.

Nếu anh phải theo các anh em khác dùng văn chương để phục vụ như người khác, chắc chắn anh không thể bằng ai, ấy là chưa nói có thể kém người ta là khác. Vì thế tôi tin rằng dù có thiện chí đến mấy, yêu kháng chiến đến mấy, anh cũng không, sẽ không « lọt xác » được và Tuân sẽ vẫn cứ là « Tuân mũi to » nửa điên nửa tỉnh, nửa ác nửa thiện, có một lúc nằm đêm không ngủ đã phải chọn lấy một trong hai con đường. « Nghệ Thuật hay thể tử ». Kết cục Tuân đã chọn con đường nghệ thuật.

Tuân sẽ chọn con đường ấy cho đến khi nào bệnh gan làm cho anh không còn thể lê gót giang hồ khắp đó thì đây và cầm cây bút để ghi lại những sự việc và suy tư với giọng văn lẽ nhẹ đọc đáo trên những trang giấy trắng cắt sén đều và đẹp.

Tôi tin như thế. Nếu tình cờ mấy giòng này lọt đến dưới mắt Nguyễn Tuân — ở dương thế cũng như nơi âm phủ — rất có thể anh sẽ lại « tây nặng » tôi như khi còn gặp nhau hàng ngày, nhưng chắc chắn là đêm khuya đóng cửa kỹ lại, hút cái tẩu thuốc phi phèo, anh sẽ tặc lưỡi nói một mình : « Hờ hờ, thằng cha ấy sạo nhưng mà nhiều khi nói về tâm lý của mình, và cũng không đến nỗi sai nhiều quá ».

VŨ - BẢNG

(1-12-69)

MỘNG TUYẾT

Lần đầu tiên gặp Nguyễn Tuân nói thêm về cái « Bệnh giang hồ » của nhà văn ấy

Nhà văn của thời đại là Nguyễn Tuân chứ không phải Lê văn Trương, mặt dầu nhà văn sau này rất nhiều độc giả hơn.

Nếu ai có cửa hàng sách, tất cũng nhận thấy là sách Nguyễn Tuân rất kén độc giả. Sách kén độc giả là cố nhiên tiêu thụ ít.

Vì ai có hiểu Nguyễn Tuân mới đọc sách của ông.

Ở đây, Mộng Tuyết không nói đến « Vang bóng một thời » ở đây, là một Nguyễn Tuân khác nữa.

Hiểu Nguyễn Tuân, tức là phải luôn luôn nhớ nhà văn ấy lúc nào cũng say sưa thờ phụng theo đuổi « Nghệ-Thuật viết hoa ».

Ở đó, ông đem giải phẫu tâm hồn cá - tính, xấu cũng như tốt của ông đến triệt để.

Nhờ nghệ thuật tinh vi của ông, do câu văn gò gập cầu kỳ, tuy thế vẫn khúc chiết rành rọt, khi ông tả những cái tốt cũng như cái xấu, cái tốt đã dành là tốt lắm, đến cái xấu độc giả cũng

đâm ngờ không thấy xấu mà cứ mê mãi, đề cho những dòng văn chương của ông lôi cuốn.

Ai thấy nghiện nha-phiến là xấu, bỏ nhà lưu-luyến với cô đầu là hư, thế mà đọc Nguyễn Tuân người ta chỉ thấy đây là hai cái nét thông-thường không tội không phước của « mọi đấng nam nhi ».

Nguyễn Tuân sở dĩ là Nguyễn Tuân là chỗ say sưa với nghệ thuật và thành thật với tâm hồn, không giấu những hành lạc xấu xa, những hành vi ích kỷ. Ông chỉ cần phủ qua đây một lớp sương nghệ thuật mà thôi.

Ở báo Ngòi Bút, ông Trương Tửu đã án mạch gọi tên « chứng bệnh Giang hồ của Nguyễn Tuân » bằng những câu :

« Ở Nguyễn Tuân, du lịch đi trốn loài người để hưởng thụ một mình những vui sướng tục tằn trong phạm vi tòn mún của một linh hồn cơ quắp. Sự du lịch kiểu Nguyễn Tuân là một sự chết mòn về cả phần xác lẫn phần hồn. Cho nên ở Nguyễn Tuân, sự Giang hồ đã thành một chứng bệnh. Cái bệnh nhân tạo của một người ích kỷ, truy lạc và tội lỗi. »

Có quả như thế chẳng khi mà tác giả Một chuyến đi đã từng ngâm đến câu thơ :

Nhất niên tường tận dạ

Thiên lý vị qui nhân

Đêm tàn năm sắp hết

Nghìn dặm khách chưa về

và đã thấy : « ngày năm tận, ở đất khách với một tâm hồn uể-oải theo ngày tháng trôi đi » và đã nói « đêm hôm giao thừa vừa rồi buộc tôi lấy sự trác táng hình hài làm cơ thoát ly. »

Vì đâu mà muốn thoát ly, vì đâu mà tâm hồn uể-oải : Mấy giọt máu lạnh đã rỏ trên mặt đất khách ; mấy giọt nước mắt cũng muốn rỏ theo xuống thềm nhà... vì có biết thế này từ những lúc « con tàu say rượu » chưa nhờ neo rời bến Sáu-Kho. »

Như thế thì, một chuyến đi nó đã không là một chuyến đi theo

... là hình thức quay quắt kết án vôi. Non-văn-

nên « Cái bình nước múc ở sông « Hoàng Hà » đó mới vẫn đầy màu truy-lạc.

Yếu vi thiên hạ kỳ nam tử,

Tu lịch nhân-gian vạn lý trình.

Chỉ giang-hồ ngày xưa, lịch vạn lý trình, đã đủ. Nhưng văn sĩ giang-hồ ngày nay có cả cái ý muốn « xáo trộn hải giác thiên nhai »...

« Đi đến đâu múc lấy một gáo nước ở lòng con sông lớn xứ ấy, nước sông Tiền-Đường, sông Hoàng-Hà, sông Cửu-Long, và mọi sông sông lớn của tân cựu lục địa. »

Đề rồi một ngày kia, đem trả hết cho mọi người chung quanh bao nhiêu cái mình thu được, những người muốn phụng-sự nghề trứ-thuật như chúng ta lại càng nên đi nhiều lắm.

Đề rồi một ngày kia, « ngồi ở trong thư phòng nhỏ hẹp... tập trung tư tưởng. Cái phản động-lực của tinh-thần, mình ký thác ý nghĩ lên giấy sẽ mạnh mẽ vô cùng ».

Trên sân ga hàng cỏ Hà nội, chiều hôm 2-11-1939 tôi đã gặp Nguyễn-Tuân, và đã kể trong đoạn nhật ký : Hà nội Tây thi ngày năm nọ : « một người bắt tay anh Đông Hồ, ông Nguyễn Tuân... đứng trước nhà văn ấy, tôi muốn nói ít nhiều. Nhưng chỉ nghĩ mà không nói gì cả, vì đang hận so-sánh trong ý nghĩ một Nguyễn-Tuân trong tưởng tượng từ lâu : Nguyễn Tuân trong tưởng tượng chắc chắn của tôi phải là một anh chàng hơi gầy mà cứng cáp, da đen xạm, vì nắng gió, đầu tóc không được chải gỡ cẩn thận vì thường gội bằng nước lã, và gỡ bằng năm ngón tay lùa, quần áo bám đầy hạt bụi giang hồ, đứng gần người đó phải đánh thấy mùi thơm mặn của nước và gió biển khơi.

Hơn nữa, người đó phải có bộ quần áo xốc xếch mà lượm có màu huyền bí như bọn du khách ở các vùng sa mạc miền cận đông thiêng liêng. Nếu không thì cũng phải có bộ quần áo

của anh làm tàu, thứ quần áo có bám bụi than và khói và dầu mái. Lại hơn nữa, người đó khi đưa ngón tay ngoáy vào lỗ mũi thì phải rút ra một "thoi mực tàu"

Thế mà lạ lùng thay ! không một chút nào y như tôi đã tưởng tượng. Nguyễn-Tuân bữa ra ga đưa bạn Hà-tiên chạy loạn về Nam thì kẻ là được một trang thanh-niên diêm-dứa, nhất là Nguyễn-Tuân bấy giờ đang đứng bên Lư-Trọng-Lư đơn giản và chảnh mảng việc ăn mặc.

Bữa chiều hôm đó là bữa chiều to lớn cũng là buổi chiều oi bức thế mà tác giả « những ngọn đèn xanh » vẫn nét mặt hồng hào tư nhuận và rất bình tĩnh, quần áo thẳng nếp, cổ còn là cứng và trắng tinh, cravate thắt khéo và cẩn-thận, vẫn nói chuyện một cách kiêu - cách và đường hoàng như giáng điệu. Nguyễn-Tuân khi đó giống như câu văn của ông hơn là ý văn của ông.

Đứng với anh Đông Hồ, lúc bấy giờ ông Nguyễn-Tuân có vẻ như cô em gái của nhà thơ phương Nam đó đang có những ý tưởng so-sánh ngộ-nghinh về mình.

Vị lương-y muốn kê một đơn thuốc đòi chứng với cái bệnh giang-hồ đó, do y-án của ông Trương-Tửu, không gì bằng khuyên con bệnh trước khi « Cho vào bình những gáo nước múc ở các dòng sông lớn trong tân cựu lục địa » thì nên gạn bỏ những cái những cặn trước đi, mà chỉ lọc lấy phần trong sạch.

Và như thế, Nguyễn Tuân sẽ khỏi mất nhiều lòng kính yêu những cái thiêng liêng trong trẻo của kỹ thuật mình ở độc-giả, mà nhất là ở nữ độc - giả.

MỘNG - TUYẾT

(Tuần báo Gió Mùa, số 1 ngày 29 Nov. 1951)

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

Gác dì Năm

Hà Nội ! Dưới mắt tôi, chưa bao giờ Hà Nội trầm-buồn tê-tái bằng cái năm từ khắp nẻo cửa-ô thiên hạ lũ-lượt hồi-cư sau 36 tháng "chạy loạn". Cũng là 36 tháng "đi kháng chiến". Ôi ! « đi... » với "chạy... ", chẳng nào chả thế; hơi đâu bắt-bẻ chuyện danh-từ !

Giữa mùa dao động nửa cười nửa khóc ấy, tôi đã gặp lại Dì Năm. Cũng chính là Chu Ngũ-Nương, người mà giọng ca sắc ngang khoé mắt, từng gây và chịu bao nhiêu nỗi đứt ruột, nhưng lại có tình tri kỷ với đôi ba kẻ mài bút hay mài gương.

Cùng ôn chuyện xưa... Mới bấy lần xuân phai mà tưởng như tất cả — người và việc — đều rơi rụng vào một dĩ vãng xa vời...

— Lâu ngày bỏ bê xênh phách, tôi quên gần hết những câu hát xưa rồi anh ạ ! Mà có nhớ lồm bồm được ít câu, thì hát lên cũng thấy nó lạc - loài sao ấy ; chẳng đâu vào với đâu ! ... Hay là anh đặt giúp cho vài bài ? ... Nhé, Hoàng nhé !...

*Từ phen sóng nước gieo neo,
Mấy hoa tan tác mấy bèo nổi trôi.*

Ba chữ "hoa tan tác", tôi hạ bút mà ngập ngừng ; chỉ sợ Ngũ Nương phật ý. Vì trong truyện Kiều chẳng đã có câu :

*« Xưa sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường » ?*

Nhưng, suy đi gẫm lại thì... mình chẳng đã tự ví với « bèo nổi trôi » đó ư ?... Hân cũng đáng được miễn trách !

Thế là tôi đề mặc cho bút lia trên giấy, hoàn tất 4 câu Mưỡu đầu :

*Thú xưa còn bấy nhiêu thôi.
Hồn thi nhân với giọng người danh ca.*

Ngũ Nương nhìn tôi như biểu đồng tình ! Phải mới ngót 7 năm mà trước mắt bao là chó xanh mây trắng. Cuộc đời thay sắc diện ; cái thú làm bài hát, cái thú nghe hát và cả cái thú hát cho người ta nghe đều đã trở thành « xưa ». Lúc này, thi nhân còn đâu phong độ công tử vương tôn ; mà danh ca thì... cũng xẽ chiều xuân sắc !... Tôi chỉ còn lại bất quá một chút « hồn », và Ngũ Nương của tôi may ra còn chút « giọng » ; ôi giọng hát từng sắc bén mê người!...

Qua một tuần trà, Ngũ Nương trầm ngâm nhìn xuống lòng chén. Gian gác bỗng đứng có vẻ huyền hoặc như ai vừa nhắc bóng nó đặt vào một không-thời-gian vào trong Dị Sử Đông Phương. Chiếc hỏa lò vẫn đầy than hồng và ấm nước đặt trên đó vẫn tiếp réo sôi, nhưng làn khói đậm đặc vừa nâng chiếc nắp ấm cho kênh lên để tìm đường giải thoát đã tự pha loãng dần màu xanh, và tỏa rộng tỏa rộng mãi... Gian gác sao mà hoang vắng ; trời nước đâu đây tâm sự bồng bênh !

Tiếng nói của Ngũ-Nương, hay chuông chùa Hàn-San phá vỡ khung cảnh Đường thi lên vào thánh-giác tôi đó ?

— Anh còn nhớ câu « yên nhị, trà tam... » không nhỉ ? Chúng ta chỉ có 2 người, uống trà khó vui được phải chăng ?

✓ Tôi ngo-ngác, như trong cơn mê hoảng triền-miên, vừa mới kịp hoàn hồn đã lại bị kéo trở vào, chìm sâu xuống tận đáy ảo giác...

« Yên nhị trà tam... » ; câu nói này nghe quen quá ! Ai ? Một gã bạn thân nào... ? Có gì Ngũ-Nương lại bỗng đứng thốt ra ? Thần giao cách cảm ư hồi anh chàng tốt phúc ?

Và giữa phút nhập đồng bất chợt, tôi đã kê mảnh hoa tiên lên mặt trống, viết một hơi trọn vẹn Khổ Đầu :

*Mặt nhìn mặt còn ngờ trong giấc mộng
Phải rằng đây «vang-bóng-một-thời» xưa ?
Gác Dì Năm thuở ấy hợp bình thơ
Người-trong-cuộc bây giờ đâu nhận cá !*

Cầm mảnh giấy trên tay, Ngũ-Nương chưa vội đọc, mà khoan-thai gọi cô cháu nhỏ, ra hiệu cho biết tuần-trà đã thưởng xong, và đã đến lúc triệt bỏ chiếc hỏa-lò bên trong than chỉ còn cháy thoi thóp...

— Anh ạ, « Vang bóng một thời »... nhắc đến nữa làm chi vậy ?

Nhìn theo chiếc lò than vạc dầu, tôi thẩm thía câu hỏi của Ngũ Nương, hỏi đấy mà thật ra là van vỉ, oán trách...

Ôi ! trước đây 7, 8 năm, danh ca họ Chu đã gá nghĩa « vợ chồng hò » với Thang thủy Nhất Lang, người viết tập tùy bút nổi tiếng kia, và tôi lúc ấy — hồn danh Hoàng Say — đang là người ban ít tuổi thân thiết của gã. Mấy phen tôi phải dìu gã lên xe — một bộ mặt lăm lè đáng sợ, một thân xác kèn càng nặng chịch những bị phần, một tâm hồn nổi loạn vì cô độc chán chường — đề rồi xe cũng như 2 kẻ ngồi xe, ngất ngưỡng say khới say men, trực-chỉ miệt Cống Trắng. Biết sao hơn ! anh chồng phóng đảng thật, nhưng phải đưa về xóm Khâm-Thiên mà trả cho chị vợ u-sầu chứ ! không lẽ trả cho dì Tuyết, dì Hồng... ?

Tuy vậy Nhất-Lang—khi phùng trường tác hỷ thường được gọi là Nguyễn — lại khéo tổ-chức những buổi bình thơ. Trên Gác Dì Năm, dĩ nhiên rồi ! Đếm sao xiết lũ người-trong-cuộc ! Riêng chữ người-trong-cuộc » đặt ở câu-hát của tôi thì ám-chỉ đặc biệt có hai thôi. Một là Nguyễn ; và một nữa là người tôi đang vấn-vương, người đẹp mang tên loài hoa quân-tử. Gác Dì Năm thuở ấy, giờ vẫn nguyên vẹn, nhưng trong số bốn người đồng điệu chỉ còn trơ lại nữ chủ - nhân và tôi, cả hai cùng lẻ cặp. Ngay trong lòng Cổ-đô !

— Hỡi ơi ! Bạch-Liên thư-thư đã « về với đêm dài », Còn

GÁC DÌ NĂM

Nguyễn thì đang thực hiện những chuyến « giang hồ vật » giữa khoảng núi rừng cát bụi — Tuyên Quang ? Bắc-Kạn ? — ai biết được gió có lên hay không đây !

Và Khò Giữa của bài hát đã viết ra bằng nước mắt :

*Gani-nhân hoàn bội quy trường dạ
Danh-sĩ phong trần tẩu mỹ nhiêm.
Trên tang-thương cùng đau-đớn nỗi niềm
Nấp xén phách lại càng thêm gọi nhớ.*

Chữ « hoàn bội », dành rằng mượn của Đỗ Thiếu-Lăng :

*« Hạp đồ tinh thức xuân phong diện
Hồi bôi không quy dạ nguyệt hồn »*

nhưng Chửu Quân đời Hán, trong thơ họ Đỗ, thì « hoàn bội không quy... » ; nghĩa là : vòng xuyến ngần ngợ theo hồn về lúc đêm trăng. Còn Bạch Liên của tôi thì « hoàn bội, quy trường dạ » ; nghĩa là : Vòng xuyến về với đêm dài. Về một cách cụ thể !...

Ngậm ngùi xiết bao ! Khoảng 1948, Chợ Đại bị oanh tạc bằng phi cơ. Bạch Liên cũng là một trong số những nạn nhân của chiến cuộc. Liên — tuổi không còn trẻ nữa nhưng thói đóm-dáng vẫn y như thuở sen ngó đào tơ — đã đòi cho được vòng vàng xuyến ngọc đeo đầy tay, phấn son thật lộng lẫy yêu kiều.... rồi mới chịu nhắm mắt. Có phải ngẫu nhiên mà tôi hạ chữ « hoàn bội » đâu !

Cũng như chữ « mỹ nhiêm » ở câu kể. Anh bạn Nhất Lang họ Nguyễn có bộ ria mép khá lịch sự ; các văn hữu thường gọi đùa là Mỹ nhiêm công, biệt danh của Quan-Vũ đời Tam quốc, Trong Tam quốc chí, hồi thứ 27 kể việc quan Vũ đưa hai bà chị dâu để tìm Lưu Bị đã được tóm tắt bằng 2 câu thơ : « Mỹ nhiêm công thiên lý tẩu đơn kỳ ; Hán-thọ-hầu ngũ quan trăm lục tướng ». Ở trường-hợp Nguyễn thì chỉ là « thiên lý tẩu phong trần », nhưng gian nguy chắc cũng không kém.

Dầu sao, tác-giả Vang bóng một thời cũng chưa đến nỗi chỉ là « vang » với « bóng ». Con người bằng xương bằng thịt của gã

« Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về »

Ca-dao đã tiên đoán chắc nịch.

Chỉ Bạch-Liên thư-thư là « ra đi không về »... Cho nên Khò Xếp đã viết được 2 câu, đến câu Keo thì không thể không dành cho Liên, gọi người thiên cò bằng ngay những âm hưởng ma quái của y thuở sinh tiền ; chẳng phải mượn đến chùm phương thảo !

Lệ trên tiệc những hơn người chan chứa

Xót cho nhau mang lấy chữ Tài chi !

Đâu đây chợt vắng tiếng Tỳ...

Ồi ! tiệc nào đây, nếu không là bữa tiệc trần gian với toàn những mùi cay vị đắng ? Nguyễn có tài viết tùy bút. Liên có tài đờn ca, lại thêm sắc nghiêng nước. Đúng là :

« Sắc đành đòi một, Tài đành hòa hai ».

Lúc tại-thế, Liên dạo đờn Tỳ có hồn biết bao ! Lại có-tình nữa ! Còn nhớ như in ký-ức buổi họp bình thơ hôm ấy trên Gác Dì Năm :

« Mơ xanh đẳng vị thu già

Sắc vàng chen, ngón tay ngà gió mưa. »

Liên ngồi ôm đờn nơi một góc chiếu; ngọn đèn dầu lung-linh đã khiến cho mỗi âm đờn có hiệu-lực một bàn tay Tạo-hóa xếp đặt lại bao nhiêu nét phù-du :

« Lòng hoa nghiêng dáng cầm trăng

Phút giây bừng thức cung Hằng áo xiêm.

Lẳng tai càng vắn nỗi niềm

Theo dõi mau, thoát buông chìm tiếng tơ »...

Còn đang sống lại mấy câu Lục-bát khởi thảo từ buổi họp 7,8 năm xưa, tôi bỗng giật mình nghe tiếng nói của Dì Năm vang lên, nửa xót xa nửa hờn trách :

— Sao lại « Gác... Dì Năm » ? Chữ với nghĩa cái anh này mới hay chứ ! Thời xưa đi thì là phạm tội Khiếm trang đấy, biết không ?...

Ngoài kia nắng chiều hôm đã « tác quái » trên thành Cổng Trắng.

Mấy tháng sau khi tôi trao bài hát này cho Ngũ-Nương th danh-ca họ Chu cũng bụi hồng rũ sạch, theo gót Bạch-Liên. Còn lại tôi với Nguyễn, bên này bên kia sông Bến-Hải giờ đây, đều không cùng một thế-giới, một thời-gian với 2 người danh-ca gác Cuồng-Ngâm thuở nọ. (1)

VŨ - HOÀNG - CHƯƠNG

Nam - đô 1969

(1) Vì câu nói của Ngũ-Nương, tôi đành thay chữ « Gác Dì Năm » bằng chữ « Gác Cuồng Ngâm » :
Gác Cuồng-Ngâm thuở ấy hợp bình thơ

TRỌN VẸN BÀI HÁT NHƯ SAU :

(MƯỠU :)

Từ phen sóng nước gieo neo
Mấy hoa tan tác mấy bèo trôi
Thú xưa còn bấy nhiêu thôi
Hồn thi nhân với giọng người danh ca

(KHỔ ĐẦU :)

Mặt nhìn mặt còn ngờ trong giấc mộng
Phải rằng đây vang bóng một thời xưa
Gác Cuồng Ngâm thuở ấy hợp bình thơ
Người trong cuộc bây giờ đâu nhận cá.

(KHỔ GIỮA :)

Giai nhân hoàn bội quy trường dạ
Danh sĩ phong trần tẩu mỹ nhiêm
Trải tang thương cùng đau đớn nỗi niềm
Nhịp xênh phách lại càng thêm gọi nhớ

(KHỔ XẾP :)

Lệ trên tiệc những hơn người chan chứa.
Xót cho nhau mang lấy chữ tài chi
Đâu đây chợt vẳng tiếng Tỳ.

DƯƠNG THIỆU THANH

Nguyễn - Tuân

Mấy chàng « trai thế hệ... » trước (*)

Tác giả cuốn *Một Chuyến Đi*, kể lại cuộc xuất ngoại từ Hải Phòng sang Hồng Kông đóng phim của nhóm Nguyễn doãn Vượng, ghi những phút nhục, vinh, phản bội, kiêu hãnh, ti tiện, ích kỷ của một chuyến đi. Kẽ viết chỉ xin đưa ra đây vài đoạn trong nội dung cuốn sách mà kẻ viết nhận thấy, nếu không lầm, mang ít nhiều ảnh hưởng của số nhà văn Nga trong thời kỳ tiền cách mạng vô sản.

(Trang 10) : ... Nhưng chuyến đi vừa rồi, kéo nhau đến một hòn cù lao vẽ râu, kẻ mày, mượn đến công việc một anh tài tử màn ảnh chỉ là một cái cơ để thỏa mãn một thói tật giang hồ cũ, tôi đã thấy cái tầng sâu nơi lòng tôi và ở nơi lòng những người cùng thuyền...

Nói ra thời khi phụ đến cái tình tri ngộ của hai ông bạn Đàm Quang Thiện và Nguyễn doãn Vượng, nhưng sự thật thì lúc đáp tàu qua Hoa Nam làm phim, tôi không lấy gì làm nặng lòng. Tôi chỉ biết đó là một cơ hội giang hồ...

(Trang 54) : Đối với tôi, sự đời chỗ trong không gian là một cái thoát ly màu nhiệm nhất, thoát ly khỏi hoàn cảnh của cuộc đời

(*) Nhan đề sách của tác giả I T S

đứng yên mãi một chỗ, thoát ly mãi sự trói buộc bần tiện của cuộc đời hàng ngày, dạy mãi cho đời những thói quen nô lệ...

(Trang 31) : Đến rồi, riêng tôi thì ngơ ngẩn nhớ tiếc cái gì quý giá đã mất. Cái gì quý giá đó ư là thi vị ngụ trong sự đi mà không bao giờ ngừng...

(Trang 93) : Những luồng khói ấy tự do trên những khoảng trời vô hạn, còn có những thứ khói bị bó buộc trong phòng chật hẹp kín bưng như khói thuốc lá, khói thuốc phiện, khói lư trầm. Rộng, hẹp, cao, thấp có khác nhau, nhưng tất cả khói đều cảm tôi một cách thấm thía... Khói gợi cho người ta cái hình ảnh của thoát ly và gây một lý tưởng cho kẻ bực rọc với hiện tại mong đi gấp đến chỗ tận thiện, tận mỹ... Khói muôn năm...

(Trang 96) : Khan tiền... thiếu thuốc... từ chối bạn Kim điều thuốc... thấy thẹn lòng ... Lòng vị kỷ là một giọt dầu cứ thấm mãi... Điều thuốc đã súi người ta ăn gian nói dối cả với bạn hiền... nói ra thương tâm lắm, nếu ông không phải là người nghiện thuốc lá, đã có đêm không đọc nốt một cuốn sách vì chưng hết thuốc !... thì nên ngưng lại, coi cái thiên chuyện này là không có — và đừng đọc tiếp.

(Trang 202) : Nếu thực vinh quang, đã phải mua bằng cực nhục và một số nhiều người đeo chiến công bội tinh là mang lấy vết sẹo di tích những ngày chiến bại... Đêm qua thấy sự rời rạc ghẻ lạnh trong đoàn, tôi có tặng tôi một câu : Ơi ta ơ là ta ơ ! Viết đến đây, tôi nghĩ tôi nói xấu cả tôi và làm quảng cáo cho sự ti tiện.

(Trang 207) : Tàu cập bến Hải Phòng... Vụt nhớ đến phận làm cha, làm chồng của tôi ở mãi nhà kia, gần hai tháng nay thiếu một người so đũa bên mâm hàng ngày. Mái nhà kia trong phút nào, đã là tượng trưng của tin yêu và chẳng gì, ít ra cũng là một bệnh viện tạm thời cho người ốm.

Luận điệu mác - xít sẽ phê bình đoạn này mang nặng tình cảm gia đình... cũng như đã phê bình một nhà văn khác viết : « Em bé chăn trâu thấy bông hoa bên bờ cỏ, em bé nhẹ nhàng hái mang về, tìm cái lọ cũ, rửa sạch, đổ nước vô rồi cắm hoa vào đó. Em ngồi một mình nhìn ngắm bông hoa như thế... » là tư tưởng sai lệch, chưa gột sạch được đầu óc tiểu-tư-sản...

DƯƠNG THIỆU THANH

(Trích trong *Mấy chàng "trai thể hệ..."* trước, trang 59-97)

SÔNG THAI

Nguyễn Tuân

sau ba mươi năm cầm bút

L T S. Bài này đã được đăng trong Văn học số 10 tháng 8-1963 dưới nhan đề "Nói về Nguyễn Tuân, từ Vang bóng một thời tới sông Đà nhìn dịp nhà Cảo Thơm tái bản Vang bóng một thời." Nay, do lời yêu cầu của tòa soạn, tác giả đã sửa chữa và bổ sung thêm một ít chất liệu mới để phù hợp với chủ đề của số báo này và cũng là đóng góp thêm vào việc tìm hiểu chính xác một nhà tùy bút ưu tú nhất của nền văn học hiện tại nước ta.

NGUYỄN TUÂN VÀ TÁC PHẨM TRƯỚC 1954

Có những văn-nghệ-sĩ, trong suốt cả cuộc đời, chỉ cần một tác-phẩm xuất-sắc là đủ chiếm một địa-vị rực-rỡ và tên tuổi của họ được ghi đậm nét trong lịch-sử văn-học. Đó cũng là trường-hợp Nguyễn Tuân với VANG BÓNG MỘT THỜI.

Viết về Nguyễn-Tuân — hầu hết các nhà phê bình đều nhất trí nhận định rằng ông là một nhà tùy bút thâm niên, thành

thạo, có một cá tính sắc sảo và một phong cách độc-đáo nhất trong làng văn.

Quả vậy, trong văn học hiện đại Việt Nam, có lẽ Nguyễn Tuân là người đầu tiên dùng đến thể tùy bút và cũng nhờ ông, thể loại tùy bút ngày càng phát triển và được nâng lên một bước mới cơ hồ tạo thành một thứ tùy bút tiểu thuyết. Đặc biệt, Nguyễn Tuân lại có một giọng văn khinh bạc, tài hoa, một ngòi bút trữ tình lai láng, rất thuận tiện cho việc mượn ngoại cảnh để gợi gắm tâm tư của mình cũng như dễ dàng biểu hiện cái tâm trạng bồn chồn, chán ngấy, bi quan, thứ tâm trạng điển hình của giai cấp trí thức tiểu tư sản trước cuộc sống bế tắc và cảnh trời ngớt ngát dưới chế độ xưa.

Mặt khác, dưới chế độ thực phong xưa, nếu như có những nghệ sĩ đã tìm về quá khứ vàng son để rồi ngất lịm trong những « thú đau thương », thì Nguyễn Tuân đã đi vào dĩ vãng với thái độ của một lữ khách đi tìm những cảm giác lạ, những cái đẹp nghệ thuật, như Vũ Ngọc Phan đã nói : « *ĐỌC VANG BÓNG MỘT THỜI* của Nguyễn Tuân, chúng ta có cảm tưởng như ngắm những bức tranh cổ, như một nhà nho theo chủ nghĩa tả thực mỹ thuật. » (réalisme pittoresque) Thái độ ấy, đối với chúng ta ngày nay, cũng cần được cảm thông sâu sắc.

Một đặc điểm nổi bật khác của con người Nguyễn Tuân mà không một nhà nghiên cứu phê bình văn học nào không ghi nhận là tác giả *VANG BÓNG MỘT THỜI* là người có một đời sống nội tâm rất phong phú, nhưng lại hay tổ ra hoài nghi, dao động; một trí óc thông minh, hiểu biết sâu sắc về cuộc đời, về lòng người; một khiếu quan sát rất tinh vi, tế nhị cộng với những giác quan rất nhạy bén. Ông lại hay la cà, tỉ mỉ, lẩn thẩn, ham đọc, ham chơi, thích đi sâu vào chi tiết của sự vật, ngõ ngách của lòng người. Cho nên người ta không lấy làm lạ rằng có những điều mà nhiều người chưa được biết, ông đã phát hiện ra trước tiên hoặc có những cái rất bình thường nhưng dưới ngòi bút của ông đã thành ra to chuyện. Hay nói cách khác, ông đã biết « *lấy một tia sáng nhỏ rồi từ đó cho cháy bùng lên.* » Về sau này, chính Nguyễn

Tuân cũng đã tự nhận rằng trước kia ông đã sống tuyệt đối bằng cảm tình, chỉ dựa hoàn toàn vào những cảm xúc bản năng và phản ứng tình cảm để đánh giá cái tốt, cái xấu, cái thiện, cái ác. Cũng trong một bản tự phê (1) Nguyễn Tuân đã bộc lộ « Trước kia tôi là người của thuyết hư vô và nhiều lúc đã quan niệm rằng người trí thức chân chính là người phải hoài nghi tất cả. » Thật ra, trước đó hơn mười năm, nhà phê bình Nguyễn Ngọc Phan cũng đã thấy rằng Nguyễn Tuân « có khuynh hướng về chủ nghĩa vật chất và gần như muốn tin ở cái ma lực ở bản năng » (2)

Về sự nghiệp của Nguyễn Tuân, không những *Vang bóng một thời*, tác phẩm đầu tay của ông (1940) là một văn phẩm gần tới sự toàn thiện, toàn mỹ (3) mà còn là một chứng từ chính xác, súc tích về một nhà văn lấy sự phát triển bản năng làm lẽ sống cho đời mình.

Nội dung chủ yếu của *Vang bóng một thời* phản ánh một cách có hệ thống những sinh hoạt tinh thần của lớp người phong kiến đã tàn tạ, lớp nhà nho mà cuộc đời đã tới giai đoạn xế chiều : một gia đình án sát sa sút trong loạn lạc, một viên tướng cò đen oai phong lâm liệt một thời nay làm nghề địa lý, có một nếp sống khá ly kỳ : « Hai móng tay út lá lau của y luôn luôn phải rửa bằng chanh, mỗi ngày hai bữa rửa, và mỗi phiên chợ lại một bữa thuốc phiện », một cụ thượng Nam-Ninh về trí-sĩ, một cụ ấm sáng nào cũng uống trà và mỗi lần uống xong lại bắt người trượng nam giới tập Cờ Ván ra bình lại mấy bài « Trà Ca » của Lư Đồng » ; một ông phủ già, góa vợ, chết con về hưu làm nghề thả thơ ; một cụ ký « nguyện đem cái quãng đời xế chiều của một nhà nho để phụng sự lũ hoa thơm cỏ quý gọi là kiếm một công việc nhàn nhả cho quãng chót một kiếp dư sinh ». Tóm lại, viết *Vang bóng một thời*, Nguyễn Tuân làm việc của một người đi khơi lại đóng tro tàn của dĩ vãng để tìm cái đẹp, cái vui trong

(1) Tạp chí Văn Nghệ số tháng Năm 1958.

(2) Nhà văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan.

(3) Báo Tận Dân Hà Nội 1940.

những « bữa tiệc đầu lâu », bữa tiệc « Hương cuối », trong những cuộc « Đánh thơ », trong những « Chén trà trong sương sớm », « Những chiếc ấm đất », những « Chữ người tử tù », tất cả những nét đẹp xưa đã mất hút.

Ngòi bút ưu tú, dí dỏm của Nguyễn Tuân đã dồn cả linh hồn vào việc chất chiu, gạn lọc những nét đẹp trong lúc biểu hiện cuộc sống, vì thế nên những nhân vật trong tác phẩm đầu tay của ông cũng có những cá tính và phong cách đặc biệt của họ.

Loại nhân vật thứ nhất là những ông phủ, ông nghè, ông thượng, ông ấm. Họ không phải là lớp quan lại háms danh lợi, lớp người tiêu biểu cho giai cấp phong kiến hào cường mà chính là những kẻ biết sống thanh cao, ưa nhàn hạ, biết hưởng thụ, nhắm nháp một cách khá trịnh trọng... Trong nếp sống cầu kỳ của họ, Nguyễn Tuân đã bắt gặp những cái đẹp khả ái. Đây là một cụ ấm thích uống trà trong sương lạnh buổi sáng và chưa bao giờ ông già này dám cầu thả trong cái thú chơi thanh đàm này. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ ấm đã đặt vào đấy bao nhiêu công phu, những công phu đó đã trở nên lễ nghi, và, « nếu trong ấm trà pha ngon, người ta chịu nhận thấy một chút mùi thơ và một tý triết lý và tâm lý » ; kia là một cụ kỹ đã trút cả quãng đời tuổi tác của mình vào việc chăm sóc một vườn hoa quý. Cụ thường nói : « Người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành, chí tình ra mà đối đãi với cả đến cái đẹp không bao giờ lên tiếng nói. Như thế mới phải đạo, đạo của người tài tử ».

Loại nhân vật thứ hai được tác giả trêu mếu là một số giang hồ lãng tử, phiêu bạt đó đây, đóng vai trò « nghệ sĩ » trước cuộc đời. Đây cũng là loại người hiện thân cho niềm khát vọng xê dịch của Nguyễn Tuân. Trong cuộc sống lang thang của họ, Nguyễn Tuân cũng thấy một cái gì đáng nâng niu, một lối thoát thỏa đáng trước cuộc sống bế tắc của xã hội nói chung. Phó Sứ và Mộng Liên là một đôi tài tử đã lê chân khắp một giải Trung Kỳ để làm nghề đánh thơ. Mỗi tuần trăng, cặp tài tử này có mặt ở một tỉnh. Cuộc đời họ bênh bồng trôi giạt khắp nơi và cuối cùng, người

chồng nghệ sĩ kia đã phải nhắm mắt già biệt thế gian ở cái chân đèn Ngang trên con đường vô định. Cả hai người đều mang nặng một tâm hồn lãng tử. Lối sống của họ cũng chịu ảnh hưởng khá nhiều của nhân sinh quan Lão Trang. Ông sống « cuộc đời hình như người ta chơi vậy thôi. » Quả là một người không có lấy một giây phút trịnh trọng đối với nhân sinh : « Cái hành trang của người nghệ sĩ không chịu sống cho người khác và hòa theo với những người chung quanh ấy thực khó mà dò hỏi. » Tiếp đến phó Sử và cử Hai chính là tiền thân của anh chàng Nguyễn « Thiếu quê hương » đã trút bỏ cuộc đời mình vào địa dư của trái đất và luôn luôn thêm đi để hưởng thụ thật nhiều cái « bất thành linh và mọi cái không chờ đợi. »

Qua những loại người khác nhau, Nguyễn Tuân trước sau cũng đến tìm thấy ở họ những nét đẹp của nghệ thuật, ngay cả trong những lối sống khá lập dị, cầu kỳ. Ở đâu và bao giờ Nguyễn Tuân cũng tìm thấy cái đẹp nên đôi khi cái đẹp của ông xuất hiện vào những trường hợp khá oái oăm, và tàn nhẫn : Đó là cái đẹp của nghệ thuật ném bút chì, cái đẹp của những dòng chữ của một người tử tù, cái đẹp của nghệ thuật chém treo ngành rất ngọt.

Tóm lại, qua Vang bóng một thời, người đọc đã thấy Nguyễn Tuân đã dựng lại một hình ảnh thời đại đã chìm khuất trong những bức tranh cổ bằng những màu sắc, đường nét rất đậm đà. Nguyễn Tuân đã đưa người đọc tìm về với những gì khả ái của dân tộc mà những biến chuyển của thời đại đã che mất. Thấp thoáng sau cái không khí cổ kính của tác phẩm, vẫn là nhân vật có một phẩm chất cao quý — một viên quan coi ngục, một người tử tù viết chữ đẹp, một cô tú tần tảo nuôi em ăn học — và một vài phong tục, tập quán rất gần gũi chúng ta như uống trà, chơi chữ, chơi đèn kéo quân, đáng cho chúng ta trân trọng nâng niu.

☛ Hoài niệm dĩ vãng và ham muốn xê dịch chính là đặc điểm của con người Nguyễn Tuân. Như trên đã phân tích, sống giữa xã hội thực dân bán phong kiến ngọt ngào và tù túng, cái thú thích được xê dịch chính là thái độ phản ứng tiêu cực của những người bất lực. Đối với họ, xê dịch còn có nghĩa như một phương

tiện giải thoát. Đặc biệt, Nguyễn Tuân quan niệm việc xê dịch như một lễ sống thiêng liêng. Ngay những năm đầu bước vào nghề, ông đã chủ trương *“Đi để viết”* vì *“chỉ có đời sống rộng rãi mới dạy cho con người ta viết được những câu đẹp đẽ. Và ở một người, viết văn để yêu sống, để tìm nhân loại, để tìm mình trong nhân loại, để được thấy nhân loại trong mình, cái phòng làm việc của người ấy đặt ngay giữa cuộc đời. Tấm lòng kẻ sĩ ở giữa cuộc sống muôn hình đã đủ là một cái thư viện rồi.”* (4)

Nguyễn Tuân *“nguyện đem cả một kiếp sống để phụng sự xê dịch”* (5) vì theo ông : *“không gì thiết thời bằng trung thành với một chỗ ở”*. (6) Và cũng theo Nguyễn Tuân thì *“muốn đi đâu thì đi, miễn là đừng ở mãi chốn này. Phải thay đổi!”* (7) Ông nghiện xê dịch đến độ không những muốn được đi trong lúc sống mà còn muốn được đi cả sau khi chết : *“Ta muốn sau khi chết, người đời thuộc địa ta làm va li.”* (8) Ông còn đưa ra nhiều lý do khác để biện minh cho cái sở thích nay đây mai đó của ông ; nào là *“vì số tử vi có sao thiê mã cư mệnh”*, nào là *“vì sản nghiệp tinh thần di truyền do tổ phụ lưu lại”* nào là vì *“ở đây nhiều người trong chỗ cổ giao đã chán tôi lắm và tôi cũng đã lấy làm ngán nhiều cho vô khối người trong cái đám tri kỷ rồi”*. (9) Một dịp khác, ông tuyên bố : *“Trong cuộc thi đường trường, của rơ kia buồn rầu một khi hấn đến đích”* và trích dẫn câu nói của Beaudelaire như một thái độ ủng hộ lập trường của ông : *“Mais les vrais voyageurs sont ceux-là seuls qui partent pour partir”*. (Chỉ những kẻ đi để mà đi mới là những nhà du lịch chân chính).

Nếu như ngày xưa, gót chân lãng tử của Nguyễn Du, trong hàng chục năm, chỉ xê dịch trong cái trục giao thông Vinh —

(4) Tùy bút II. Lượm lùa vàng xuất bản, 1943.

(5) Tùy bút I, Cộng lực xuất bản, 1941.

(6) Sách đã dẫn, trang 10.

(7) Sách đã dẫn, trang 19.

(8) Thiếu quê hương, Nguyễn Tuân,

(9) Tùy Bút I, trang 36.

Thanh Hóa — Hà Nội, thì từ sau ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp, hoàn cảnh lịch sử đã làm cho ông thỏa mộng sông hồ một phần nào.

Cũng như phần đông văn nghệ sĩ yêu nước, Nguyễn Tuân đã chuyển mình đứng dậy, từ bỏ cái tôi bé nhỏ để hòa mình vào cái ta lớn lao của dân tộc. Ông vác ba lô lên đường vào tận mặt trận Tuy Hòa. Ngoài giờ công tác, ông say sưa với cái thú « ngày ngày ăn vã thịt công bắn được, nói truyện rồi lại đánh cò với anh Đại đội trưởng » hoặc thỉnh thoảng « uống một chén cà phê nóng sau những ngày hành quân. » Từ Khu V, Nguyễn Tuân lại mang ba lô trở ra Khu VI, tham gia vào một đoàn kịch tuyên-truyền lưu-động. Những ngày tháng sống ở Nghệ-An, trong lúc đó đây vắng tiếng đại-bác, cốt mìn, hoặc khói lửa ngùn-ngụt bốc cháy từ một thôn ấp hẻo lánh, Nguyễn Tuân vẫn bình thản, ung-dung nhắc đến cúc « đại bác » hoa « lay ơn », hoặc nói đến cái « gió Lào » bằng một giọng văn rất mực tài-hoa son trẻ và rất tự-do hòa bình :

« Tháng Tư âm lịch, gió Lào đêm ngày nối tiếp kêu gào. Có lúc gió rống lên như đàn chó già sủa bóng. Bị lực địa xua rượt từ Trảng Sơn thốc ra bề Đông gió chạy một chiều rất nhanh, rất bạo, qua một cái bình vắng rỗng.

— Khi trời ong ong, khi người ráo kiệt. Chao ôi ! Còn thứ giống đực giống cái nào dám nghĩ đến nhau lúc gió Lào đang về này ! Thật chỉ là một nỗi khát nước vô cùng tận, nó mê sảng, khổ đau gấp bội lúc bị trúng đạn máu ra nhiều. Giờ đang cấp bức lên đường, đang chui bừa qua những dãy phố gạch không một cái nào còn cửa mà ngăn mà đóng ! Một đàn bướm trắng xập xòe trên cái tay chơi thắm của cánh son cánh phượng, không rõ từ đâu hiện ra, cánh bướm do dự trên đầu mình, trên tầm mình bay không mỏi và cả đàn lấp lánh, nhấp nhóang giống hệt chất đũa-ra tầm bay. Đàn bướm mới dò dẫm đặt chân lên lưng gió Lào, nhưng gió tron, gió lần mạnh quá, đàn bướm trắng liền nhào vào một toa xe lửa chỉ còn vịn vịn có khung hoa sắt nằm tênh hênh bên đồng đá trước kia là đường thiết-lộ » (10)

(10) Bài gió Lào dài 8 trang, đăng ở tạp chí Văn Nghệ xuất bản trong kháng chiến.

Từ khu IV, Nguyễn Tuân lại khoác ba lô ra khu III, lên Việt Bắc. Nơi đây lạ cảnh lạ người, cái khiếu quan sát của ông lại có dịp phát triển, như khi « qua suối » ông lần thần nhìn « thấy hiện ra một người đàn bà Thái nọ dòng váy nhẽ nhãi nước suối, không phân biệt được đường viền ngũ sắc mép xiêm đúng là màu cầu vồng gì, bên hông thông xuống một lẳng rêu mượt » hoặc giác quan ông được kích thích đến tột độ trước cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ : « Ngày lại ngày, sớm đi chiều ngừng, chân tôi cộng những cây số, cộng những giờ đi rừng, cho tới một lúc không thềm đếm nữa. Kề cũng đã khá thời gian và cũng đã nhiều không gian Việt-Bắc. Nhưng tôi vẫn không thoát được núi rừng. Tôi vẫn là người tù của thung-lũng. Tôi lúng-túng bé nhỏ trong những lòng chảo bậc thang. Mặt trời chỉ còn mọc và lặn trong thói quen của kỷ ức tôi... Ở đây xanh đến phát bực lên được. Cây xanh, lá xanh, đá xanh, đất xanh, quần áo lam xanh, da bệnh xanh, và gặp ngày phiên thì cả cái chợ ấy cũng xanh um một màu chàm. Đi sâu vào núi rừng chỗ cao chót vót có những điểm trắng lốm-đốm nhà Mán nó làm cho mắt tôi được đôi món. Ở đây xanh mãi, xanh vĩnh-viễn, xanh tất cả, chỉ có lửa lớn đốt rừng làm rẫy mới thỉnh-thoảng đôi màu sắc đi đôi chút ». (11)

Suốt gần chín năm chống Pháp Nguyễn Tuân đã có mặt trong hầu hết các vị-trí kháng chiến. Khi thì trà trộn vào đám người buôn lậu ở Đồng-Quan, Cống Thần, những nơi mà ông cho rằng « cọ chạm với nhiều thứ tâm-lý tiêu-cực của thời-đại. » Rõ ràng là ông đã được chứng-kiến đủ các nếp sinh-hoạt của mọi tầng lớp nhân dân nhờ những chuyến ngược xuôi đó đây : « Thuyền tôi qua cầu Bồ, thuyền tôi qua quán Bồng, thuyền tôi trôi xuống cống Đồng-Quan-tôi là khách lạc điệu giữa một chuyến dò đông — Khoang dò chặt thế mà cũng có người cố cời được cái váy ra để bán buôn cho người khác vừa ăn giá xong. Vải rộng đúng bày bực. Sột sệt thứ vải đen Mỹ rộng thước một Tây. Dép bán, váy bán, đèn pin bán, người đàn bà mặc quần lót ấy còn bán những gì nữa ?!!! (12)

(11) Tùy bút kháng chiến 1948.

(12) Sách đã dẫn.

Nếu như dưới chế-đô Pháp-thuộc, hoàn cảnh o-ép đã khiến Nguyễn-Tuân trở nên khinh-bạc, phóng túng hình-hài thì ngay từ sau ngày kháng-chiến toàn quốc bùng nổ, tâm hồn ông trở nên bình dị và giọng văn cũng ấm-áp, đôn-hậu hơn. Nhất là đối với các trẻ nhỏ, tiếng nói của ông rất đỗi triu-mến như một lời ru hiền hòa : *"Tôi muốn ôm các em vào lòng mà thủ-thỉ : Rồi đây trường kỳ kháng chiến sẽ lấy mất của các em những cái gì là thân nhất của ấu thơ. Các em, rất có thể lắm, sẽ lạc mất cả cha mẹ. Mất cha mẹ, anh em nhưng không nô - lệ và rồi các em sẽ được trưởng thành trong độc-lập của dân-tộc"*. (13)

Người ta vốn biết Nguyễn-Tuân là một nhà văn chủ quan hạng nặng. Ông thường nhìn ngắm, ghi chép cảnh vật qua cái màn sương tâm tình. Nhưng khi ông quan sát hiện thực bên ngoài cũng chỉ là để chú ý đến tâm tình của người hay cảnh mà thôi. Có lần ông đã đưa phương châm sáng tác đó ra phổ biến như một kinh-nghiệm quý báu : *"Tôi đã có được ít nhiều kinh-nghiệm về việc sống, tài liệu sáng tác vào những dịp theo đơn-vị đi nhỏ các đồn. Cái chính không phải là đi xem đánh đồn và vào cái đồn cháy cho nó thỏa-thích hiếu-kỳ của mình. Cái quý giá nhất về tài-liệu mỗi đồn đánh là ở chỗ không khí chuẩn bị cho trận đánh và sắc thái sinh-hoạt của dân chúng quanh cứ diêm. Sau trận đánh trước trận đánh, và nhất là cái phần phối-hợp giữa quân và dân chính giữa lúc đánh. Nếu không nhận kỹ mấy diêm căn-bản này thì theo đơn-vị đi dự rất nhiều lần đánh, sự thu-thập tài-liệu cũng không tiến được mấy. Cái đồn cháy nào mà chẳng có súng nổ. Cả hai phía và bao giờ mà chẳng có khói lửa nghi-ngút cùng tiếng reo hò"* (14)

Nhà văn chủ quan Nguyễn-Tuân lại là một nghệ-sĩ, một thi-sĩ. Vì thế, bao giờ và ở đâu ông cũng không thể bỏ qua những hiện tượng có thể gây xúc-cảm. Chỉ một cái bánh sắt ô-tô oằn lên ông cũng thấy giống như một cái bánh đa uót. Ở rừng, ông chú ý đến nắm than, nắm mỗi mọc lên sau kỳ mưa. Giữa chiến dịch, ông

nói chuyện « *câu được một con giải to gần bằng cái nong, thịt giải ngon, ăn uống ròn-rã ba ngày, vui quá.* » Mùa Xuân đến, ông nhớ tới chuyện bẻ lộc, bàn tán về hoa đào v. v... Do những suy-nghĩ chủ quan, ông lại thường gán cho người khác tâm tình của mình. Trong bài « *sau đêm 19 tháng Chạp* », có đoạn ông viết : « *Giăng tháng Chạp trong sáng như giăng đêm hè. Lặng lẽ bên chường-lũy, người chiến-sĩ bồn-chồn lấy cái lưới lê đâm vào mặt trăng in rõ nơi vũng nước đọng hăm đào* » (Tùy-bút kháng chiến). Cũng do cái bệnh ham mê thanh sắc ưa ngắm nghĩa cái đẹp hình thức nên đôi khi Nguyễn Tuân chợt thấy khoái cảm trước một hiện tượng chẳng lấy gì là thơ mộng. Chẳng hạn có lần ông đã thi vị hóa một cái nhìn đã lỗi thời : « *Cô bé bị hăm hại rục rười những loang lõn nằm gọn như lá đông hồng* » hoặc dưới mắt ông, trái tim rách nát của một du kích quân bị giặc mổ bụng trông lại thấy đẹp : « *Một quả tim dân quân bị hy sinh nằm trên bụi dứa khướn nẻo lại giống như một củ thủy tiên nấu hẹ của ngày khai hạ* » (Đường vui).

NGUYỄN TUÂN VÀ TÁC PHẨM SAU ĐẤT NƯỚC CHIA ĐÔI

Dù con người cũ thỉnh thoảng có thức dậy trong bản thân Nguyễn Tuân song nói chung, vào những năm đầu kháng chiến, khả năng của ông vẫn không bị thui chột và nhất là đời sống tinh thần của họ Nguyễn lại trở nên lành mạnh hơn theo nhịp trống chống xâm lăng.

Phải đợi cho tới ngày tiếng súng kháng chiến toàn quốc ngừng nổ, Nguyễn Tuân mới bắt đầu đi vào bước ngoặt của đời mình. Nếu hiệp nghị Genève đã phủ xuống nhân dân miền Bắc một màu tang thê lương thì đồng thời cũng đã xô đẩy văn nghệ sĩ bên kia vĩ tuyến 17 vào con đường sa lầy, tắc nghẽn như mọi người đã thấy rõ.

Ngay sau khi tiếp quân Hà nội, chính quyền Hà nội miền Bắc đã khôn khéo o bế, mua chuộc các văn nghệ sĩ tiền chiến bằng cách

hai giai cấp đối địch nhau, tức lãnh đạo văn nghệ và quần chúng văn nghệ. (15) Nguyễn Tuân thuộc vào giai cấp thứ nhất tức là thành phần "trình trọng thất cà vật đồ đi gậy đi vòng, đợc đít-cua và nhóm nhòam ăn tiệc rồi lại xách va li đi đi đi đây". (16) Trong hai năm hòa bình, họ là những « nhà văn có tài bị buộc chặt vào địa vị bằng những sợi lụa có tằm thuốc độc » và « tác phẩm của họ ngày nay chỉ là chủ thị, kế hoạch, công văn » (17). Nguyễn Tuân được cử vào phái đoàn đi dự hội nghị hòa bình thế giới tại Helsinki. Trở về Hà Nội ông viết tùy bút Phở cho đăng vào trên tuần báo Văn (số ra ngày 10-5 và 17-5-1957). Ở đây, Nguyễn Tuân lại có dịp ủy thác tâm tình của mình, cái tâm tình tha thiết với quê hương, gắn bó với những phong vị đặc sắc của giang sơn. Thế nhưng bài tùy bút này đã không làm hài lòng giới lãnh đạo vì họ cho rằng nội dung chẳng có tác dụng phục vụ gì cả. Đoạn văn tiêu biểu nhất cho sự suy nghĩ深沉 thâm và ngòi bút óng ánh mượt mà của tác giả như : « Trong một giọt nước rơi lóng lánh có cả câu truyện của vầng thái dương, trong một miếng ăn cũng thấy rộng được ra những điều cao cả ; yên vui trên đất nước bao la, giàu có, tươi đẹp. Tôi thấy tổ quốc ta có núi cao vòi vọi, điệp điệp, có sông dài dằng dặc, có biển bờ thâm thẳm, có những con người Việt Nam xây đắp lịch sử, quơng vinh, có những công trình lao động thần thánh như chiến thắng Điện Biên, nhưng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng tổ quốc tôi còn có phở nữa » cũng bị gán ghép cho là những tình cảm vụn vặt, tiêu tư sầu và ngạo mạn dám đặt phở lên ngang hàng với đảng. Thái độ phê phán trịch thượng và máy móc ấy được cụ thể hóa trong bài xã luận của Thế Toản nhan đề « Tuần báo Văn và con người thời

(15) chữ của Phan Khôi trong bài « Phê bình lãnh đạo văn nghệ »

— Giai phẩm mùa Xuân.

(16, 17) Thư gửi Đại hội văn nghệ thứ II của Hoàng Huế, đăng trong Giai phẩm mùa thu.

đại" đăng trên tạp chí Học tập, cơ quan lý luận của trung ương đảng (18) không những khiến cho Nguyễn Tuân bất mãn mà còn thúc đẩy cả một số nhà văn khác đứng vào thế đối lập với lãnh đạo. Đại diện cho những nhà văn chống đối này là Nguyên Hồng. Trong một bài bình vực cho tùy bút Phở, Nguyên Hồng đã viết một cách nhiệt tình : " Một ngòi bút cách đây 15 năm với những Chiếc lư đồng mắt cua, Nguyễn đã làm người đọc rợn hết cả tâm trí lên vì những ê chề rũ rượi quần quai, dầy đặc của một tâm trạng bế tắc trong lòng một chế độ ngột ngạt đến cùng tột, giờ tha thiết tin yêu, hết lời ca ngợi một hương vị của tổ quốc : phở. Cũng là những sự việc, cũng là những suy nghĩ, cũng là kiểu nói của Nguyễn nhưng cả một say xưa và niềm tin lấp loáng trên trang giấy — Hương vị phở vẫn như xưa xưa, nhưng cái tâm hồn người ăn phở ngày nay đã sáng sủa hơn, lành mạnh hơn — Nguyễn cũng vẫn chỉ lấy mình ra viết. Nguyễn cũng vẫn chỉ muốn gửi gắm một tâm sự, một cách nghĩ thật của mình cho độc giả, cho con người. Nhưng trong những giòng chữ mới viết này, thấy có hẳn một cái gì khác, một cái gì đứng đứng như của con nói với mẹ... Tùy bút Phở, những dòng chữ đề ca ngợi một phong vị của đất nước với một điệu suy nghĩ và thể hiện đặc biệt của mình, Nguyễn Tuân viết như thế có phải là « xa lánh cuộc sống » không ? viết như thế có phải là « ngồi một góc phở mà phát hiện ra nhiều vấn đề quá quan trọng » không ? hay nói một cách tủn mủn vụn vặt, riêng lẻ không ? Chúng tôi xin trả lời thẳng ngay tạp chí Học tập nhận được như thế là không đúng (19).

Cũng bắt đầu từ đây, Nguyễn Tuân dần dần sáng mắt sáng lòng để nhìn thấy những mâu thuẫn gay go quyết liệt giữa chính quyền và các tầng lớp nhân dân bị trị. Như phần nhiều văn nghệ sĩ khác, Nguyễn Tuân cảm thấy mình bị lừa dối, bị phản bội một cách trán tráo. Về sau, trong một bài tự phê, Nguyễn Tuân đã cho biết chính trong thời kỳ này, lập trường nghệ thuật vì nghệ thuật của ông lại được phục hồi. Trước những hiện tượng đen tối về hộ khẩu, về thị

(18) Học tập, số tháng 7-1957.

(19) Tuần báo Văn, số 15 ra ngày 16-8-1957.

trường của phần kinh tế quốc doanh và đời sống cơ cực bộ đội phục viên, về mức sinh hoạt thấp kém tại các công trường, xí nghiệp về sự tàn ác của chính sách cải cách ruộng đất đợt 5, về cảnh đe dọa thê lương, những tình cảm nhân đạo của ông đã bùng lên với rất nhiều oán tiếc căm giận. Nguyễn Tuân còn cho biết thêm rằng trong hệ thống tư tưởng của ông đã có những luồng sóng ngầm, nó quật lại, nó dội lên, sau một giáp 12 năm bị chìm xuống. Xu hướng tách rời văn nghệ ra khỏi chính trị và đối lập với chính trị cũng bắt đầu dấy lên trong Nguyễn Tuân. Trung thành với chủ trương nghệ thuật phải tuyệt đối phục tùng chính trị sao được khi Nguyễn Tuân được nhìn tận mắt cái số phận bi thảm của quần chúng và đã từng là nạn nhân khốc liệt của cái chế độ người áp bức bóc lột người. Có lần, trong một bài bút ký nhan đề Cây Hà nội, Nguyễn Tuân đã vạch trần "... ở đây con người đối với con người cũng chưa đủ mức chú trọng, nói chi đến truyện cây cối. Đôi lúc có nhớ đến người này người nọ thì ta chỉ quen nhớ những lúc họ đánh đòn hoặc đánh vỡ một cái gì ». Đúng là giá trị con người dưới chế độ là dân chủ nhân dân không hề được bảo đảm; nhân phẩm con người trong cái gọi là xã hội chủ nghĩa không hề được tôn trọng. Đời sống quần chúng cơ cực, chính sách chính trị nham hiểm, vai trò độc tôn của đảng, rõ ràng là hiện thực phũ phàng tại miền Bắc không thể không có tác động sâu sắc đến tình cảm và tư tưởng của nhà văn. Những tiếng oán than rên rỉ của quảng đại nhân dân không thể không vang dội mạnh mẽ vào tâm tư của họ Nguyễn. Thế nên, cho dù Đảng tìm mọi cách, vận dụng mọi thủ đoạn, biện pháp để trói buộc tinh thần họ Nguyễn cũng như để khống chế tầng cấp ông, Nguyễn Tuân vẫn chờ cơ hội để thoát ly ra khỏi hệ thống xiềng xích man rợ ấy. Bởi vậy, khi phong trào đòi trả tự do cho người cầm bút xuất hiện, Nguyễn Tuân đã xông xáo tham gia cùng với những người đề xướng là Phan Khôi, Hoàng Cầm, Trần Dần... Một mặt, Nguyễn Tuân cho tái bản «Vang bóng một thời» và một số tác phẩm cũ của ông, những đứa con tinh thần mà tại đại hội văn nghệ lần thứ nhất họp ở

phải tuyên bố «đoạn tuyệt» chúng; mặt khác, ông viết bài đăng báo chống đảng một cách rất hăng say.

Một trong số các bài báo đáng chú ý của Nguyễn Tuân trong thời kỳ văn nghệ sĩ đòi tự do sáng tác là bài xã luận «Phê bình nhất định là khó». Trong bài này, trước hết Nguyễn Tuân cực lực phản đối việc đảng sử dụng uy quyền để khủng bố người cầm bút. Ông viết «Trong việc đánh giá, các ông đã có những thái độ trịch thượng và lối nói đao to búa lớn. Tôi cũng đồng ý với ông thư ký tòa soạn bên Văn về cái nhận xét này. Thêm nữa, cá nhân tôi lại còn cảm thấy mấy ông đó đã làm cho nhiều người đọc phải hiểu rằng các ông lấy Đảng ra để «dọa» anh em viết báo... Các ông há chẳng nhớ câu thành ngữ «ai muốn giết con muông của mình thì qui cho nó là chó dại» ư? Các ông có nghĩ đến cái sinh mạng chính trị của những người đồng chí đồng nghiệp của các ông khi họ bị vu cáo như vậy không? Tôi rất phản đối cái thói phê bình có tính chất xuyên tạc và phá hoại có tính chất thô bạo, đàn áp ý kiến đó». Tiếp theo Nguyễn Tuân thẳng thắn buộc tội Đảng bằng cách cho rằng nguyên nhân khiến cho văn nghệ miền Bắc không phát triển lành mạnh được là do đường lối chỉ huy độc tài của lãnh đạo. Đường lối chỉ huy độc tài đó thường được thể hiện qua hoạt động của giới cán bộ phê bình. Nguyễn Tuân đã phân tích một cách sâu sắc: «Theo chỗ tôi biết thì đã có một số hiện tượng hách dịch đối với văn nghệ phẩm, xuất phát từ một số người phê bình cũng như từ một số cán bộ chính trị. Tôi rất đồng ý là văn nghệ sĩ, nhất là văn nghệ sĩ có tài càng cần phải khiêm tốn. Nhưng chung quanh, nhất là những người có trách nhiệm về phán đoán cái này cái kia, đề nghị cũng làm như vậy cho. Tôi tán thành cái ý kiến là những «sĩ» của các ngành văn nghệ chúng ta chưa có gì là ghê gớm lắm đâu, về trình độ tư tưởng, trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp còn phải học cho nát xương lòi da ra, học cho đến chết mà chắc gì đã nắm hết được qui luật của sự sống. Nhưng cũng không nên vì nó chỉ là «sĩ» của Việt Nam mà đánh giá nó quá thấp

vừa gieo neo vừa lớn lao hiện nay của chúng ta. Trong mọi thực tiễn Việt Nam, nói chung các mặt, nếu đã có những tác giả còn non nớt, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng thì cũng đã có những cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm. Đối với nghệ phẩm, anh đến với nó (nhất là thứ tạo ra ở bản xứ) mà anh tham lam quá đáng hoặc hung hăng một cách không cần thiết thì nó biến mất. Một như thế rồi kết quả là gì? Là thiệt cho cả văn nghệ lẫn chính trị, và quan trọng hơn nữa là thiệt ngay cho cái cuộc sống muôn màu một hương mà chúng ta đang động viên nhau mà phục vụ hết lòng (20). Trường cũng nêu nhắc lại rằng Nguyễn Tuấn viết « Phê bình nhất định là khi » nhằm trả lời « Tuần báo văn nghệ và con người thời đại » đăng trên tạp chí Học tập với luận điệu chụp mũ, bôi nhọ, kết tội như cho rằng « nội dung báo Văn còn nghèo nàn, tách rời nhiệm vụ trang tâm cách mạng » (21). Lúc này Nguyễn Tuấn giữ chức vụ phó chủ bút, và tổng thư ký là Nguyễn Hồng, dưới sự điều khiển của Nguyễn công Hoan. Văn là tuần báo do Đảng tổ chức nhằm thay thế tuần báo Nhân văn của Phan Khôi và các tạp Giai phẩm mùa xuân, Giai phẩm mùa thu của nhóm Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao. Hoàng tích Linh đã bị đảng ra lệnh đóng cửa. (22)

Kể từ sau ngày phong trào Nhân văn Giai phẩm bị bóp nghẹt, toàn thể văn nghệ sĩ miền Bắc đều lần lượt bị cưỡng bách tham gia Lao động tại các hầm mỏ, xí nghiệp, công trường để cải tạo tư tưởng. Dĩ nhiên, Nguyễn Tuấn không thoát khỏi số phận đen tối đó. Sau nhiều tháng « thâm nhập thực tế, » thỉnh thoảng người ta mới bắt gặp những phản ứng tình cảm của tác giả vang bóng một thời được diễn biến một cách tế nhị dưới hình thức tùy bút quen thuộc của ông. Không kể một ít bài viết với dụng ý tô son trát phấn cho chế độ một cách miễn cưỡng, hay những bài vu khống xuyên tạc thô bỉ tình hình miền Nam một cách vừa

(20) Văn, số 23, ngày 11-10-1967.

(21) Học Tập, số đã dẫn.

(22) Xin tham khảo bài « 10 năm tạp chí miền Bắc » của tác giả, Văn học số 62.

ngây ngô, vừa đê hèn, Nguyễn Tuân đã viết được một vài trang có sức nặng lời cuốn độc giả yêu văn nghệ. Đó là những trang viết về đề tài thống nhất đất nước. Trong lĩnh vực này, người ta thấy rõ sức tưởng tượng phong phú đa dạng luôn luôn như bay bổng, cộng với số lượng từ ngữ rất tạo hình cổ hủ của nhà văn, dễ gây cho độc giả những cảm xúc thẩm mỹ thật mới lạ, và trước hết là, chỉ trong phạm vi miêu tả những vấn đề ít liên hệ đến chính trị, chủ nghĩa, cụ thể như chuyện tình yêu quê hương, cảnh trí đồng ruộng, núi non, ngôi bút của Nguyễn Tuân mới có điều kiện vẫy vùng thoải mái, ung dung đi về trong vòm trời cảm giác để thể hiện đậm đà cái phong cách độc đáo mang nặng màu sắc trữ tình của một nhà tùy bút ưu tú. Ta hãy đọc một đoạn trong thiên tùy bút « con sông tuyến Hiền Lương » của Nguyễn Tuân nhân dịp ông đi thăm vĩ tuyến 17 :

«... Đi trên bờ sông giới tuyến cứ thấy nó thế nào ấy. Cứ thấy nó canh cánh bên lòng, cứ thấy hình như nhân dân đôi bờ đang luôn luôn hỏi mình, đòi mình, cứ thấy cảnh vật đất nước như quở trách mình... Ở giới tuyến Vĩnh Linh thật là nhiều chuyện. Chuyện đau khổ, chuyện căm thù, chuyện đấu tranh quyết liệt và nhất là chuyện chia rẽ, chia lìa, chia cắt. Ở tuyến đây cái gì cũng phân ra làm đôi, cũng thành ra trái khoáy, ngược chiều cũng bị vắn chéo, bẻ queo đi, rồi cái gì cũng thành ra 2 thứ. Một cái cầu mà hai thứ sơn, hai kiểu sơn, hai đợt sơn. Một con sông mà hai thứ đò, một thứ tiếng mà hai cách nói, hai cách phát thanh... một con sông mà hai dòng nước, một nước mà hai cây cò. Bắc Nam một nhà mà hai chế độ. Một cái cầu bỏ trống, một cái bức đá bến nhỏ người đi chợ sang ngang. Hai cái bến bầy sâu hoắm nhìn thẳng sang nhau như hai khẩu súng đối pháo. Người rửa rau bến này lặng lẽ nhìn người vo gạo bến kia. Hai gốc đa cổ thụ hai bờ im lìm đổ bóng nhau như chờ một cơn gió nó rung họ cánh tay lá. Con cá rô bẻ chốc chốc lại quẫy mạnh vọt lên mặt sông mẩn. Chưa bao giờ thấy khát vọng sự hợp nhất. Chưa bao giờ thấy sự thôi thúc của... một cách đôi lên đôi xuống như những

tuyển Hiền Lương đây. (23)

Thử đọc thêm một đoạn văn nữa của họ Nguyễn, vẫn với đề tài thống nhất đất nước, người ta lại có dịp, nhìn thấy rõ nơi ông, cái năng khiếu quan sát tỉ mỉ nhưng tinh tế cộng với một tâm hồn nhạy cảm. Hoặc nói cách khác, qua bút pháp của Nguyễn Tuân, độc giả thấy nổi bật sự kết hợp nhịp nhàng giữa khiếu quan sát kỹ lưỡng của một nhà văn giàu vốn sống và sự cảm thụ nhạy bén của một nghệ sĩ lớn thường tỏ ra nắm bắt kịp thời những vấn đề mới và đòi hỏi được giải quyết cấp bách.

Với cái tên bài rất bình thường « Cắm cột mốc giới tuyển » nhưng Nguyễn Tuân đã làm cho người đọc dễ dàng bồi hồi rung động hoặc bắn khoăn ray rứt về những cảm xúc cụ thể và chân thật được gọi lên từ cái thực trạng oái oăm của đất nước : « Bây giờ ta nói chuyện về một con sông ở nước ta. Con sông tuyển ấy, lạ thật đó. Lạ mất, nghịch tai. Chả cứ gì các cô lấy làm lạ mà ngay như tôi ra ra, vào vào Vĩnh Linh nhiều lần, tôi vẫn chưa hết ngạc nhiên về dòng sông không bình thường đó của cuộc sống giữa quê hương ta.

Sao mà không lạ được cho một con sông không đủ cả hai bờ sông mà lại chỉ có một bờ sông. Sao mà không ngạc nhiên được cho một con sông chỉ có một nửa cái cầu vồng vồng trên dòng như ống tay áo thông anh thương binh cụt tay. Sao mà không lạ được cho một con sông mà bất cứ người lái đò nào cũng đều thấy vướng vướng nơi đầu mũi chèo và cứ phải miết thuyền mình vào cái bờ của mình. Thà nó là biển cả như Thái Bình Dương ngoài kia mà mình chỉ có được một bờ, một tí bờ, thì nó cũng đành một nhẽ. Dòng này, chèo mà sao hai cái bờ song hành cách nhau chỉ một mái biền biệt dằng dằng như mù sương trên bề rộng. Bờ này sông đông người cày cấy, chài lưới, bờ kia sông cũng nhan nhản ruộng vườn, hai bên bờ cùng một ngôn ngữ, một giọng nói, cùng người một tỉnh, một chuyện bờ bên này có bến thì bờ bên kia cũng có chợ.

Sao mà không lạ được, khi giữa hai bờ đó, đã bảy năm nay, không một tiếng gọi đò nào cất lên? Vào những dịp hội hè hàng năm, bờ bên này thắp điện, bờ bên kia cũng thắp điện. Và hai bờ sáng lên như hai chiếc tàu buôn lớn mạn, tàu đầy hàng hóa gần cọ vào nhau, ồn ào, nhưng cuộc đối thoại vẫn chưa thành vì mỗi tàu bề nói một giá và nói riêng một thứ tiếng. Tiếng nói nhân dân ở đâu bao giờ cũng giàu, ngày càng giàu. Nhưng ở góc sông lạ này, từ vị con người ven sông đã mất hẳn đi danh từ «đò ngang», động từ «sang ngang».

Nếu không có một lối nhìn kỹ lưỡng cộng với một lối viết duyên dáng, không dễ gì mà ngòi bút nào cũng miêu tả được một cách hấp dẫn như Nguyễn Tuân: « Tên thật sông giới tuyến là Bến hải và còn một tên nữa là Rào thành. Bề rộng chỗ rộng nhất như quãng đôn Tùng luật tới 200 thước, chỗ cầu cắm Hiền Lương 170 thước, chỗ lười cát cửa Tùng, con sông ả ra biển chỉ có 30 thước, hình như sông cũng thắt bụng mình lại để hai đồn gác chung nơi hai bờ tiện việc kiểm soát thuyền cá ra vào những lúc buồn buồn chiều hôm cửa biển. Quãng Bến Tắt sát khu vực đi dạo và nhà thờ dòng ép xác Phước sơn, hai bờ sông đã hoang đại nguyên thủy lắm, và hai bờ cách nhau chỉ có 20 thước Cừ Bến Tắt mà ngược lên nữa thì gặp những quãng vọt mạnh qua được mà không ướt đến mũi giày vải. Có chỗ hẹp quá, nhân dân ngồi ở bờ Bắc quãng cái dây câu mà lười câu lại mắc vào bụi gai bên bờ Nam. Có chỗ hẹp quá, trẻ em muốn lấy mảnh vỏ dừa khô ném thia lia, thì mặt nước không đủ nước cho mảnh thia lia trượt đi. Lòng sông tuyến rộng hẹp đại khái là như vậy. Còn chiều dài của nó, tính theo đường chim bay, từ nguồn từ núi Tây ra biển Đông, thì sông Bến hải chỉ dài có 60 cây số cái dài của đoạn đường nhựa quốc lộ 1 nối dài Hà nội với thị xã Phủ Lý. Đi theo sát bờ đường sông uốn khúc quanh co lượn núi thì sông dài chừng 100 cây số ».

Ngoài cái khiếu quan sát tỉ mỉ, Nguyễn Tuân còn thu hút độc giả bằng những hình tượng nghệ thuật sắc cạnh và những cảm nghĩ đột xuất nhờ ở khả năng phát hiện các chi tiết tiêu biểu trong đời sống. Nếu là người chỉ có một khối lý trí lạnh lùng, một trái tim nguội lạnh, thì hẳn hẳn mắt hàng quan nhất định không thể nhận ra

Trích Tuần báo Văn của Hội Nhà văn Việt Nam số 1 và 2
ngày 10-5-1957 và 17-5-1957 xuất bản tại Hà Nội (Bắc Phần)

NGUYỄN TUÂN

Phở

Xứ Phần Lan rừng thông trùng trùng xanh ngắt, nước hồ biếc biếc, phụ nữ da trắng một màu tượng tuyết, gái trai quần áo len ngũ sắc người nào cũng như nai nịt sắp biểu diễn diên kinh. Mình thành ra lạc lõng vào một thế giới vật chất nó sạch sẽ quá, sạch đến cái mức tạo cho tôi một thứ nghi ngờ nơi đây là một ấn tượng giả tạo. Cảnh và người Hen - xanh - ky, ví phỏng đây đó lem nhem đi ít chút, có lẽ tôi dễ thân gần hơn. Chúng tôi ở đây mười ngày, mỗi ngày họp trả tiền ăn mỗi người là sáu đồng đô la, nó là cái tiêu chuẩn đã khá cao của đoàn đại biểu ta đi hoạt động quốc tế. Mỗi ngày ăn ba bữa, khẩu phần thừa thãi bỏ béo nghi thức lúc ăn thật là trang trọng : đồ sứ, pha lê, khăn bàn trắng nuốt, quanh bàn ăn chốc chốc lại cử nhạc; nhưng chị đưa món ăn trông đẹp như rượu rót trong các truyện thần thoại phương Bắc này. Tôi hào hứng làm việc liên liên ở Đại hội Hòa bình thế giới, cơ thể nhịp đều, tâm trí có nhiều sáng kiến. Nhưng ăn uống sao không thấy ngon. Người ta thường nói rằng những bậc vĩ nhân hoặc hiền giả có chí lớn chỉ biết có sự nghiệp mà rất coi nhẹ miếng ăn. Nhưng

trường hợp tôi kể ra đây chỉ là cái trường hợp của tôi và nó chỉ là cái trường hợp thông thường của một con người bình thường thôi.

Chúng tôi là mấy anh em trong đoàn đi, mỗi người một công tác chuyên môn, nhưng đều cùng đã gian khổ với nhau trong kháng chiến và cũng là người Hà-nội cả. Quanh hồ khu Ô-ta-ni-ê mi, chúng tôi ngồi dưới rừng thông xanh phân tích với nhau xem tại sao lòng dạ mấy người đang thấy nhớ thương một cái gì xa xôi lắm. Từ hôm xách va-ly ra tàu qua nước này nước khác, thế là mấy tháng rồi; ở nhà đã hoàn thành tiếp quản Hải-Phòng rồi, đất đai miền Bắc giải phóng toàn bộ rồi... Nhưng mà chúng tôi đã kéo cuộc nhàn đàm xoáy vào chuyện ẩm thực và muốn giúp đỡ nhau tìm hiểu vì đâu mà lâu nay ăn uống kém ngon. Có người bèn chỉ tay xuống thẳng bờ hồ Phần-Lan, buông thõng một câu : « Bây giờ có ngay một gánh phở đồ bên hồ này, thì tớ đã luôn năm sáu bát ! » Tất cả đều rao lên. Thì ra gần đây chúng tôi héo hắt đi, vì xa đất nước, khẩu vị lạc điệu, thấy nhớ nhà nhớ nước, trong cái nhớ nhà nhớ đất nước, có cả một sự nhớ ăn phở nữa. Hình ảnh bát phở quê hương đưa ra lúc ấy giải quyết đúng vào thắc mắc chung của mấy người. Tất cả đều thi nhau đề cao những đức tính của phở dân tộc. Dưới đây liên tiếp những mẩu chuyện góp về một bát phở, về một miếng ăn kỳ diệu của tất cả những người Việt - Nam chân chính.

— Này, các cậu có thấy món ăn ở Phần-Lan có nhiều cái rất kỳ quặc không. Thịt bò rán, lại phiết mức công-phi-chưa ngọt sất lên trên. Cam chanh lại ăn kèm với cá gỏi. Lợn lại ướp vào tử nước đá, mình thấy đĩa cơm có khói, lúc ăn buốt đến chân răng. Nghệ thuật ẩm thực ấy tôi gọi tên là lối nấu nướng của trường phái lập thể. Cho nên tôi càng thấy cần phải trở về với một món quà cổ-diễn rất tính chất dân tộc của ta, tức là phở.

muốn ăn phở ngồi hay là đứng lù lù ra giữa hiệu mà ăn cũng không ai nói, ăn ngồi ăn đứng, tùy thích. Phở là món ăn bình dân. Công nông binh trí, các tầng lớp nhân dân lao động, thành thị nông thôn không mấy ai là không biết ăn phở. Người công dân Việt-nam khi còn ẵm ngửa, cũng nhiều vị đã nếm phở rồi : chỉ có khác người lớn là cái bát phở của tuổi ấu trĩ chưa biết đau khổ ấy chưa cần phức tạp: không cần hành hăng, chanh chua, ớt cay. Con nhà nghèo, nhiều khi lại không cần cả thịt nữa, mà cần bản phở nhi đồng vẫn là bánh và nước dùng thôi.

— Phở ăn bất cứ vào giờ nào cũng đều thấy trôi được cả. Sớm, trưa, chiều, tối, khuya, lúc nào cũng ăn được. Trong một ngày ăn thêm một bát phở, cũng như lúc trò chuyện ăn giọng nhau mà pha thêm một ấm trà, cùng thưởng thức với bạn bè. Hình như không ai nỡ từ chối một người quen rủ đi ăn phở. Phở giúp cho người thanh bạch đủ điều kiện biểu hiện lòng thành theo với bầu bạn nó hợp với cái túi nhỏ của mình. Phở còn tài tình ở cái chỗ là mùa nào ăn cũng thấy có ý nghĩa thâm thúy. Mùa nắng, ăn một bát, ra mồ hôi, gặp cơn gió nhẹ chạy qua mặt qua lưng, thấy như giời quạt cho mình. Mùa đông lạnh, ăn bát phở nóng, đôi môi tái nhợt thắm tươi lại. Trong một ngày đông của người nghèo, bát phở có giá trị như một tấm áo kép mặc thêm lên người. Đêm đông, có người ăn phở xong, tự coi như vừa nuốt được cả một cái chăn bông và tin rằng có thể ngủ yên đến sáng, để mai đi làm khỏe. Dùng những hình ảnh bình dị để nói lên mùa đông ở Việt-nam, tôi cho không gì nên thơ bằng cái hình ảnh một bếp lửa hàng phở bên ô tô nhiều hành khách quây quanh chờ đợi bát mình, vai rụt xuống một tí, người nhún nhảy như trẻ em đang thú đời. Tết, nhà ai cũng bánh chưng, cá kho, thịt đông nhưng vẫn rất đông người tình cờ mừng tuổi nhau ở những hiệu phở khai trương từ mừng hai Tết.

— Vì hay la cà với phở, mà tiếng nói của tôi được chính xác và giàu có thêm lên. Trước kia tôi cứ tưởng chữ “xương xẩu” là

một tiếng đôi và chữ xầu chỉ là một tiếng đệm. Ông hàng phở đã làm cho từ ngữ tôi hôm ấy thêm lên một danh từ. Xầu khác với xương, dùng để chỉ những cái đầu xương phở có dính thịt và gân róc chưa hết. Tôi đã thấy những người phu xe kéo vào hiệu phở gọi một chén rượu với một bát xầu. Tôi lại còn được nghe một ông phở khác nói đến mỡ gầu, cái tảng thịt dắt mỡ quý giá nó không béo quá, mà lại quánh như sáp, ròn và mềm ấy mà gọi là một cánh gầu; và lúc cầm vào cân thịt tái, thịt tươi còn nhầy lên dưới làn dao, mà gọi là một quả thăn. Trong tiểu - thuyết Việt - nam trước đây, nhớ như người ta có viết cái truyện *"Anh hàng phở lấy vợ cô đầu"*. Tôi còn được nghe một cô điểm ngày xưa ví von than đời tàn «đời hồi này như một bát phở bánh trưng mỡ nguội đóng váng». Phở nguội tanh thật là còn buồn hơn cả cái sự đời con gái thập thành bị ma-cô lừa bỏ. Chữ nghĩa của ta hay thật! Người ta bảo chữ phở là xuất xứ từ chữ «ngưu nhục phấn», và ta đã Việt nam hóa chữ phấn thành ra chữ phở, chữ phở nguyên là một danh - từ, còn chuyển thành một hình dung từ: cái mũ phở. Chữ nghĩa của ta hay thật!

— Đố biết thế nào là mũ Phở? Lại cứ phải dựng chân dung những người bán phở gánh chân chính ngày xưa thì mới tìm nguyên ra được. Những người bán gánh phở xưa kia có người đó ở đầu phố này, hoặc giữa phố nọ, hoặc ở tít trong cùng một cái ngõ cụt, mỗi người một «giang sơn nào, anh hùng ấy», người mua quen mặt người bán, và người bán thuộc cả thói quen và sở thích người ăn trong phố. Những anh hàng phở «hùng cứ một phương» này lại còn thuộc cả nhân số từng bộ khẩu và ngày giờ tết trong từng gia đình khách hàng quen của mình. Họ thường là những người làm ăn chân thật, hay mặc một cái áo vành-tô vải vàng hoặc dạ màu cứt ngựa của ông binh khổ đở thải ra, trên đầu là một cái mũ cát mắt cả núp chòm, và nhất là hay đội những cái mũ dạ méo mó đã mất cả băng hoặc rách mắt cảbo. Những cái mũ này đặt lên

Những bác phở gánh là có một ý nghĩa. Không những thế, cái mũ phở ấy, còn là một dấu hiệu tập hợp, một cái hình thức gây tín nhiệm nữa. Những con người đội mũ rách ấy thường là người làm phở ngon, nếu không ngon thì chỉ ít cũng phải là ăn được. Phở gánh với ông đội mũ phở nay thấy hiếm, chỉ còn phở xe, phở hình tàu thủy có ống khói phở, phở quán, phở hiệu. Đồ chơi trẻ con ngày xưa làm bằng sắt tây sơn màu, ở phố Hàng Thiếc, có ghi lại dáng ông phở gánh, bánh xe đồ chơi càng chuyển càng cử động cái cánh tay cầm dao nhắc lên thái xuống.

— Phở cũng có những quy luật của nó. Như tên các hàng phở, hiệu phở. Tên người bán phở thường chỉ dùng một tiếng, lấy ngay cái tên cũng con người chủ hoặc tên con mà đặt làm tên gánh tên hiệu, ví dụ phở Phúc, phở Lộc, phở Thọ, phở Trường Ca, phở Tư... Có khi một cái tật nguyên trên thân thể người bán phở được cảm tình quần chúng thân mật nhắc lại thành một cái tên hiệu : phở Gù, phở Lấp, phở Sứt... cái khuyết điểm trên hình thù ấy đã chuyển thành một cái uy tín trong nghề bán miếng chín mà lưu danh một thời trên cửa miệng những người sành. Quần chúng nhân dân, nhất là nhân dân Hà-Nội có nhiều sáng kiến đề đặt tên cho những người họ yêu tin. Anh hàng phở ấy hay đứng ở đâu bán hàng, họ lấy luôn cái địa điểm ấy mà gọi thành tên người. Bác phở Nhà thương, ông phở Đầu ghi, anh phở Bến tàu điện, anh phở Gầm cầu... Có khi lấy một vài nét đặc thù trong cách phục sức mà gọi. Cái mũ tàu bay trên đầu một ông phở thời Tây xưa, đã thành cái tên một người làm phở trứ danh của thủ đô sau này. Có lẽ vì gần với quần chúng trung lưu và người nghèo, nên cũng như "ông chủ" hiệu hót tóc, hiệu cà phê, tên anh hàng phở cũng chỉ có một tiếng gọn gàng. Tôi chưa hề thấy ông bà hàng phở nào nổi tiếng trong nghề mà tên lại dài lê thê, chẳng hạn như phở Tôn-thất Khoa gì gì, hoặc phở Trần thị Kim Anh gì gì đó. Cái tên càng độc âm ngắn cộc, càng đáng cho người mua tin cậy ; cái tên một chữ, gọn như một nhát dao thái

xuống thịt chín. Vả lại, những biển hàng hiệu phở dù là ở giữa đất Hà nội văn hoa mỹ tự, cũng chỉ đặt tên một cách nôm na, không kể những chữ huyênh hoang. Tôi chưa thấy biển hiệu phở nào mà lại đề tên một cách quá trầm bổng du dương cả. Ví phỏng có ai mở phở mà nổi máu hay chữ lên mà đề biển thì tôi cũng không bao giờ chọn những hiệu phở có tên như « Thu-Phong » « Bạch Tuyết » « Nhất Chi Mai » mà vào ăn. Trong nghề phở, nó cũng có những cái nền nếp của nó.

— Nhưng khoa phở đã có những việc nó đòi phá cả những khuôn phép của nó. Theo tôi nghĩ, cái nguyên tắc cơ bản của phở là làm bằng thịt bò. Có thể có nhiều thứ thịt loài bốn chân, loài ở nước, loài bay trên trời, nó ngon hơn thịt bò, nhưng đã là phở thì phải là bò. Có phải là vì muốn chống công thức mà người ta đã làm phở vịt, phở xá xíu, phở chuột ? Cứ cái đà tìm tòi ấy, thì rồi sẽ có những hàng phở ốc, phở ếch, phở dê, chó, khỉ, ngựa, tôm, cá chép, bồ câu, cắc kè... nghĩa là loạn, phở nổi loạn. Có lẽ ngày ấy thiên hạ sẽ gọi là đi ăn một thứ phở Mỹ miếc gì đó ? Trong năm đói 1945, ở đây nổi nước phở của thời đại, ở Hải phòng và Hà nội, đã có thùng phở có cả những bàn tay trẻ con ; nhưng đó lại là một chuyện khác.

— Lại còn phở ngẫu pín. Chắc thứ phở này chỉ những người năm bảy vợ hoặc thích lén phéng mới hay ăn. Tên thứ thịt phở này, còn gọi lại một thứ roi của bọn Tây độc ác hay đánh cu ly đến thối thịt tím xương..

— Lại còn phở gà. Muốn đòi cái hương vị chính thống của phở bò, ăn một vài lần phở gà trong đời mình cũng không sao. Nhưng có một hàng bán phở gà ở Hà nội mà nhiều người thủ đô không bằng lòng chút nào. V' bán vào buổi sớm, người xúm lại kêu ăn gặt đi không hết. Cái người bán hàng khinh khỉnh như một quý tộc đó, cũng đã khéo chọn một góc cái phố mang tên một bà chúa mà dọn hàng ! Nói của đáng tội, gà ở đây trông ngon mắt thật. Đã có những ban lưu dung khen ông hàng là nhất nghệ tinh nhất thân vinh, và khen tay ông lách vào con gà béo vàng như tay một

bác sĩ mổ sẽ thuộc lâu từng khớp xương thớ thịt. Cái đầu gà, cái cẳng giò gà, cái cổ, xương mỏ ác, ông hàng thản nhiên vớt nó xuống một cái thùng, không phải để vớt đi, nhưng chắc là đã có những bọm rượu khu phố ăn giá sẵn từ trước rồi để chốc nữa đem ra nhấm nháp. Thực ra khi mà có người ăn bát phở gà không tiếc tiền dám gọi đến cái thứ phở từ một ngàn năm trăm đồng một bát, thì bát phở ấy cũng khó mà không ngon được. Hãy đứng ở đây một buổi sớm mà xem người ta ăn phở gà. Sốt ruột đáo đề. Người ăn mẽ gà, người ăn đùi, ăn thịt đen chứ không ăn thịt trắng nó chua, ăn lá mỡ, phao câu, ăn đầu cánh. Miếng ăn ở đây đích thị là một miếng nhục, nhục theo cái nghĩa một miếng thịt ngon hợp khẩu vị, và cũng đi theo với cái nghĩa nhục nhản túi bụi. Ở vỉa hè đường ấy, cứ nhao nhao cả lên quanh một ông hàng mặt phớt tỉnh như đế quốc Ăng-Lê và bán hàng rất cửa quyền, khách phải đi lấy bát. Có người đã dặt sẵn từ nhà đi một củ hành tây, có người quả trứng gà... đập trứng bỏ hành tây vào cái bát mình đã thủ sẵn và đánh dẫu vào bát, dúi dúi bát vào trước mặt ông hàng, cười cười, nhắc nhắc, xuýt xoa nói to nói nhỏ, cứ như là sợ cuộc đời nó quên mình, nó nhầm mình... Bên cạnh tiếng thái tiếng chặt của gánh phở gà, chốc chốc có những tiếng nổ xe bình bịch lái xuống tận đây ăn quả sớm. Khói phở phảng phất dây lát ít mùi ớt cay. Có người vừa húp vừa kể lại cái thời oanh liệt của cửa hàng này, hồi còn đế quốc và bù nhìn, ô-tô cứ nổi dít xuống đây mà điềm tam, nhiều bà Hà Nội tứ chiếng cầm vào bát phở gà, mười ngón tay lóng lánh nhẫn vàng tằm, vàng trắng, cà-rá kim cương, miếng phao câu lúc ấy còn mọng lên biết mấy nữa kia.

Trong kháng chiến có những tay phở nổi tiếng ở vùng tự do như phở Giời, phở Đất, phở Cống, (tên vẫn một tiếng thôi) nhưng cũng có những bát phở chưa được đúng cách thức lắm mà ăn vào vẫn cứ thấy cảm động. Ví dụ, phở ở căn-cứ địa, làm ngay trong cơ quan. Một vài cơ quan ở quanh trung ương, chung nhau giết

bò để bồi dưỡng theo kế hoạch hàng tháng. Thịt sẵn xương sẵn, nhưng thiếu nước mắm, thơm, hành mùi, bánh lại là bánh đa khô. Nhưng cứ làm. Những châu phở ngày chúa nhật ở bên bờ suối cơ quan, thật là đầu đề phong phú cho báo liếp.

— Hình như Thạch Lam trước đây cũng có bàn về phở, nhưng vẫn còn phiến diện. Thạch Lam có nhắc đến vấn đề phở cải lương ở Hà nội văn vật. Đầu năm 1928 ở Phố Mới, cái phố trước đây mang tên thực dân Đồ phố Nghĩa, có một hàng phở cho cả húng liu, cả đầu vừng, đậu phụ. Nhưng những cái lỗi tìm tòi ấy không thọ, vì trình độ nhận thức của quần chúng phở không sa đọa như người chế tạo. Quần chúng vẫn đòi hỏi những cái cố hữu của phở. Ngày nay cũng còn có người cho cả tương tàu l. p. chiu-chương vào phở, nhưng đây là cái quyền của người có tiền, ai muốn bày vẽ ra thế nào, nhà hàng cũng chiều trong phạm vi có thể của phở. Nhiều người bảo nên ăn phở tái thì bổ hơn phở thịt chín. Có thể là như thế đấy. Nếu cần bổ thì cũng có thể uống Pan-tô-cờ-rin Liên xô hoặc làm tễ thuốc Bắc, còn kết quả trông thấy rõ hơn là ăn phở tái. Thật ra, ăn phở cho đúng, đúng cái "gu" của phở, phải ăn thịt chín. Thịt chín ngon hơn thịt tái, mùi thơm miếng thịt chín mới biểu hiệu đúng cái tâm hồn của phở. Thêm nữa, về mặt nhơn thức tạo hình, người thẩm mỹ bao giờ cũng thấy miếng thịt chín đẹp hơn miếng thịt tái. Thường những hiệu phở không tự trọng, hay thái sẵn thịt chín, thái cứ vụn ra không thành hình thù gì cả, ai đến gọi là đem rắc vào bát. Có thể việc ấy không hề gì với khách hàng cần ăn no vội. Nhưng cũng trong một cái hiệu vẫn thái thịt vụn ra ấy, ông chủ phở rất là phân biệt đối xử và không san bằng các thứ khách ; đối với những khách quen, với những người có thể ông chưa biết quí danh nhưng ông đã thuộc tính ăn, những người cầu kỳ ấy mà bước vào hiệu, là ông đã đặt ngay tay dao vào những khối thịt chín đặc biệt như khối nạm tròn, nạm dẹt hoặc khối mỡ dẫu, thái ra những miếng

người được tỏ bày cái sở trường của mình trong nghề. Ông nào ăn phở mà có chất họa thì thấy muốn vẽ tranh tĩnh vật ngay. Có những lúc ông phở ấy gắt, gắt với vợ ông, vì vợ ông thái không đẹp. Một ông làm đầu bếp hiệu chim quay trong hội Hà nội chiêm đông, nay cũng ra mở phở và thích múa dao nói chuyện với khách về cái khoa thái. « Chặt thịt loài có cánh đã khó, mà thái vào miếng thịt bò không xương còn khó hơn. Tôi dạy mãi mà đàn bà nhà tôi không làm được, đàn bà thường chỉ thái bánh thôi ».

— Trong những sở thích mắc của một số ông Hà nội trí thức dở người ta có nhắc đến một ông lo sau này ta tiến lên kinh tế hoàn toàn xã hội chủ nghĩa, kinh tế phân tán không còn nữa, thì hết mất phở dân tộc, và rồi sẽ phải ăn phở đóng hộp, mỗi lúc ăn bỏ cái hộp phở ấy vào nồi nước sôi trước khi đun ra ăn, và như thế thì nó trương hết bánh lên. Cũng ngay trong hiệu phở, có người đã đập ngay lại : « Thôi đốt ông đi. Ông đừng có làm cái chuyện lo giới sập ấy đi. Hiện nay phở phát triển mạnh ở thủ đô Hà-nội, lớn nhỏ gánh rong, bán trong nhà, bán ngoài hè, có đến trên dưới hai ngàn chủ phở. Người Việt nam còn thì còn phở bát, bát phở trong tương lai vẫn nóng sốt như bây giờ. Phở bát của ta không thể thành một thứ đồ hộp đâu, người công dân Hà nội này xin trả lời ông là một nghìn lần không, không, không thể có sự thô bạo ấy »

— Cái thế giới phở Hà nội trước đây hình như cũng có những thứ nhân vật nghiệp dĩ của nó. Làng chơi, học trò, ông binh, thầy kỹ sở buôn, ông phá sở tòa, con bạc, chủ hiệu nhỏ, những người lao động vận tải, những người làm nghề tự do... Có những lính lê dương chạy đến hàng phở, ăn xong tính tiền, lật ngay cái mũ đỏ trong mũ có cái quần lĩnh vừa cướp ở nhà chứa ra ; người khách hàng lính đánh thuê đó đã vắt quần lĩnh đó xuống quầy hàng thay một thứ tiền trả, rồi ù té chạy... Có những tay giầu sụ nhưng tính nết hấp lìm, mua bánh mì thả vào nước phở béo mà cứ gọi là

ăn cơm Tây bình dân. Có những người đàn bà trái duyên trộn bát cơm nguội vào bát phở nóng, mà ăn một cách ngon lành, nhưng người ngoài trông vào thì thấy nó thô lương thế nào ấy. Có những người sống không nhà cửa, chuyên môn đứng đường, chạy hàng sách chợ đen đủ các thứ, lúc tính tiền hoa hồng, lấy bát phở tái năm xu làm đơn vị giá cả, "việc này mà trôi chảy, ông anh bà chị cứ cho em một trăm bát tái nạm, vân vân..."

Hương vị phở vẫn như xa xưa, nhưng cái tâm hồn người ăn phở ngày nay đã sáng sủa và lành mạnh hơn nhiều... Ngày trước, anh hàng phở có tiếng rao, có người rao nghe quạnh hiu như tiếng bánh dày giò đũa đông tội lỗi trong ngõ khuất : có người rao lên nghe vui rền. Tại sao, bây giờ Hà nội vẫn có phở, mà tiếng rao lại vắng hẵn đi ? Có những lúc tôi muốn thu thanh vào đĩa, tất cả những cái tiếng rao hàng quà rong, của tất cả những thứ quà miếng chín trên toàn cõi quê chúng ta. Những tiếng rao ấy, một phần nào vang hưởng lên cái nhạc điệu sinh hoạt chung của chúng ta đấy.

Chúng tôi ngồi trên bờ một cái hồ xứ Bắc ở ngoại thành Hen-xanh-ky tưởng nhớ đến một bát phở quê hương, và đối với món ăn đó của dân tộc đáng yêu chúng ta ở Đông Nam Châu Á, chúng tôi đã phát hiện những đức tính dồi dào của phở, tự mình cho đó là những cơ sở vững chắc để dựng lên một nền lý luận cho món phở. Sau đó mấy tháng trở về nước, đặt chân lên đất Hà nội, bữa cơm đầu tiên của tôi là một bữa phở. Về sau này, hay rủ nhau đi ăn phở, tôi được đi sâu vào ý nghĩ một anh bạn nó đã thành một ám ảnh : « Mình khen phở mình là một món ăn ngon, nhưng trước khi khẳng định giá trị dân tộc của phở, có nên tranh thủ thêm ý kiến của bạn bè, quốc tế của ta không ? Bạn Liên xô, bạn Ba-lan, Hung, Tiệp, Đức sẽ có cảm xúc gì

Nhưng còn phải cho bạn mình “ thấy ” phở nữa, bởi vì phở cũng là một thứ tiếng hát yêu đời của tất cả những tấm lòng con người Việt Nam chân chính và bình dị. Thế rồi một hôm khác, cũng trong một quán phở nổi tiếng Hà nội, tôi đã nghe được mẩu chuyện giữa hai nữ sinh một trường phổ thông cấp 3 gần đây :
« Phở hiệu này, ăn mê quá, Thế đổ chị biết Hồ chủ tịch và các lãnh tụ Đảng có thích phở không ? — Làm thế nào mà biết được. — Này, nói đùa chứ các cụ mà đến ăn cho hiệu nào, thì chủ hàng, thật là sung sướng vô bờ đấy chị nhỉ ! » Hai cô rút túi lấy gương con chiếu lẫn vào hàm răng nhau xem có vương tí hành tí rau mùi nào không, cười riu rít như chim đàn nháy quanh bàn phở. Mẩu chuyện hai cô học trò như giúp tôi hiểu thêm nữa về phở, và giúp tôi nhận thức đến những cái nó quan trọng hơn cả phở nữa.

Ít lâu nay, chúng ta hay nói đến thực tế Việt nam, đến vấn đề thực tiễn Việt nam, đến những đặc tính của Việt nam trong mọi điều kiện chuyển mình tiến lên. Tôi thấy rằng trong muôn vàn thực tế phong phú của nhân dân Việt Nam, có một cái thực tế mà hằng ngày ít ai nỡ tách rời nó, tức là cái thực tế phở. Cái thực tế phở ấy lồng vào trong những cái thực tế vĩ đại của dân tộc. Trong một giọt nước rơi lóng lánh có cả câu chuyện của vàng thái dương ; trong một miếng ăn, cũng thấy rộng được ra những điều cao cả yên vui trên đất nước bao la giàu có tươi đẹp. Tôi thấy tổ quốc chúng ta có núi cao vòi vọi điệp điệp, có sông dài dang dặc, có biển bờ thăm thẳm, có những con người Việt Nam dũng cảm xây đắp lịch sử quang vinh, có những công trình lao động thần thánh như chiến thắng Điện biên, nhưng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng Tổ quốc tôi còn có phở nữa. Trong những năm chiến tranh giải phóng, kẻ thù bay trên bát phở, có những bát phở phải húp vội trong đêm tối tăm, quệt ngang ống tay áo mà nháy xuống lỗ hăm ; có những bát phở bị bom, bánh trương lên mà người ăn không còn thấy trở lại một lần nào nữa. Nhớ lại cái hồi tôi về công tác ở vùng sau lưng địch, tôi không thể quên được mấy cái quán phở khuya trên con đê miệt lấy vùng căn cứ du kích những bát phở nóng ăn sau những đêm vượt

vành đai trắng và xuyên qua vị trí địch, ăn cổ một hương vị đặc biệt, sau này nó tổng cần, nó hất hết các quán trên đê, không biết người bán phở đêm đó, có còn sống hay đã chết trong chuyến ấy rồi? Lại còn cái lần đi chiến dịch với tiểu đoàn Lũng-vài, tôi không quên được những cuộc hành quân với đồng chí cấp dưỡng ban chỉ huy; đồng chí gánh rất nhiều nồi niêu ga-men và thực phẩm công kênh, các chiến sĩ đều đùa gọi là "ông hàng phở của tiểu đoàn". Trước kháng chiến đồng chí ấy vốn mở hiệu phở; nay hòa bình rồi đồng chí có còn sống mà mở phở lại? Nhiều hình ảnh phở trong những năm gian khổ đã hiện về. Giờ ngồi an tâm mà ăn bát phở nóng sốt giữa ban ngày, bất giác thấy cần nhớ ơn nhiều người. Rồi mỗi cảm xúc phở vụt chốc bay ra xa rộng mênh mông. Bỗng nghĩ đến những vùng chăn nuôi xanh rờn áng cỏ sữa khu tự trị Thái-Mèo, những đàn bò Lạng Sơn, Thanh Hóa đang cúi xuống ngốn cỏ ngon trên đất nước. Gạo mấy vụ liền lại được mùa bột bánh mịn và dẻo. Rau cỏ vùng ngoại thành Hà nội: mở rộng mãi những diện tích xanh ngon vô tận, rau thơm hành hoa phụng phức cái hương vị thổ ngơi.

Đêm Hà-nội, hay thức khuya nhất vẫn là những hiệu phở. Xưa kia phở ông Trường Ca bán đến bốn giờ sáng ở đình Hàng Bạc - cái nơi tập trung nhân dân Hà-nội năm đầu kháng chiến để rút ra khỏi vòng vây của địch. Đình cũ không còn ông Trường Ca nữa, nhưng nay đã ông có phở Sủi sai thay ông mà thức khuya. Người Hà-nội đặt tên đến là hay.

Trước đây ông nấu bếp hiệu cao lâu Tàu; rồi ông ra mở phở. Rồi ở quê ông quy nhằm ông, ông phải về quê, giao lại quán phở cho bạn. Nay ông được sửa sai, lại trở lại thủ đô, chính quyền khu phố miễn thuế cho ông một thời hạn và tìm một chỗ lợi địa thế cho ông mở hiệu. Món quà của ông phở « Sủi sai » càng thơm ngon một cách chất phác hơn bao giờ. Có thể là cảm tình của khách hàng, đối với một người phở quen nay được khôi phục càng làm cho bát phở giải oan có thêm nhiều dư vị nữa. Những bát phở hồn hậu ấy cũng chỉ là một sự đền bù công bằng đối với những người làm ăn lương thiện khu phố đi xem hát về hoặc họp hành bình bầu học tập xây dựng vừa xong.

Trích báo Văn số 23, xuất bản tại Hà Nội ngày 11-10-1957

NGUYỄN TUÂN

Phê bình nhất định là khó

Trong quá trình biểu hiện thực tế nhiều mặt ở miền Bắc, tuần báo Văn đã được ông Thế Toàn xây dựng thêm cho bằng một bài luận đăng ở tạp chí Học Tập số tháng 7-1957.

Ông Nguyễn Hồng liền trả lời (báo Văn số 15) có những câu :

“... Sự nhận định của tạp chí Học Tập về con người về sáng tác thể hiện trong tuần báo Văn không những làm ban biên tập của tờ báo không đồng ý mà cả nhiều quần chúng cũng phải đề ra những câu hỏi : — Tại sao sự nhận thức và thái độ phê bình của tạp chí Học Tập lại như thế ? — Có phải vì giáo điều, sơ lược, công thức, nên mới có sự nhận thức và phê phán như thế ? — Có phải vì tác phong quan liêu, thái độ trịch thượng và cái lối đao to búa lớn nên mới có sự nhận thức như thế ?...”

(Tôi cũng xin hỏi tại sao ông Nguyễn Hồng lại không gọi thẳng tác giả bài đó ra mà nói, mà lại cứ gọi một cách trùm lợp là báo Học Tập ? Mặc dầu đầu bài đã nêu là trả lời bài viết của tác giả Thế Toàn, nhưng bạn đọc vẫn có thể hiểu nhầm).

Tiếp theo đó, trong Học Tập số tháng 8-1957 lại có một bài bút ký của hai ông Hồng Chương và Trịnh Xuân An với những câu:

«...Chúng ta cũng kiên quyết phản đối thái độ của một số đảng viên phụ trách văn nghệ phạm khuyết điểm sai lầm được báo chí Đảng giúp đỡ phát hiện khuyết điểm sai lầm mà không chịu khiêm tốn kiểm điểm và thành tâm sửa chữa, trái lại, lại đã kích và mạt sát báo chí đảng...»

Ấy là thâu tóm ít nét diễn biến của vấn đề, và dưới đây là một số ý kiến nhỏ của tôi về công việc phê bình văn học trên cái cơ sở cụ thể của việc vừa nêu trên.

Tôi phải nói ngay rằng mười số Văn phản ảnh con người mới lên báo còn yếu. Nguyên nhân ? Cũng là do trình độ biểu hiện con người thời đại còn thấp mức, còn kém đầy thôi. Ấy cứ tìm quanh quẩn chỗ lý do trình độ ấy, cứ xoáy vào đó, thì giải quyết dùng vào vấn đề, bằng không thì sẽ lạc mất tính chất khách quan trong việc đánh giá.

Trong việc đánh giá, đặc biệt nhất là ba ông Thế Toàn, Hồng Chương, Trịnh Xuân An đã có những « thái độ trịch thượng và cái lối nói đao to búa lớn ». Tôi cũng đồng ý với ông thư ký tòa soạn báo Văn về cái nhận xét này. Thêm nữa, cá nhân tôi lại cảm thấy mấy ông đó đã làm cho người đọc phải hiểu rằng các ông lấy Đảng ra để « dọa » anh em viết bài báo. Dù muốn hay không muốn, hậu quả của cái cách nhìn cách viết của mấy ông là đã tạo ra ấn tượng kia.

Hắn ông Hồng Chương còn nhớ buổi họp mở rộng của tòa soạn tuần báo Văn đề kiểm điểm báo, mà ông có dự ? Có những ý kiến đưa ra để hỏi xem bài của ông Thế Toàn đăng ở Học Tập số 7-1954 là tiếng nói chính thức của Đảng, hay đó chỉ là tiếng nói của một người viết bài ? Riêng tôi vẫn nghi (và có nói ngay lúc ấy) rằng đây không phải là tiếng nói thật sự của Đảng, mà đây chỉ là một bài của một người, và tòa soạn đã nêu lên đầu bài một vài ý kiến gì đó của tòa soạn (cái việc này là một chi tiết nhưng

rất quan trọng và người phụ trách tạp chí không thể không thận trọng, nhất là tạp chí của Đảng đều về thấu tới các chi bộ cơ sở). Ông Hồng Chương có trả lời ngay là cũng xin cứ coi nhau như là một bạn đồng nghiệp và phê bình giúp đỡ lẫn nhau. Kế sau đó ông về rồi cùng ông Trịnh Xuân An cho ra một bài bút ký đăng số 8-1957, quy cho báo Văn đã "đã kích và mạt sát báo chí Đảng. Cái gì mà lại có tính cách hăm dọa như vậy ? Cứ vào những chứng cứ gì mà hai ông quy cho người khác là mạt sát báo Đảng ? Các ông há chẳng nhớ câu thành ngữ : « Ai muốn giết con muông của mình thì quy cho nó là chó dại » ? Các ông có nghĩ đến cái sinh mệnh chính trị của những người đồng chí đồng nghiệp của các ông khi họ bị vu như vậy không ? Tôi rất phản ứng với cái « thói phê bình có tính chất xuyên tạc và phá hoại có tính cách thô bạo, đàn áp ý kiến đó ». Tôi gạch dưới câu này, chính cái câu của đồng chí Trường Chinh trong văn kiện mà hai ông đã dẫn ra và trong bài bút ký hai ông còn nhắc thêm « chúng tôi đã thu hoạch được sau khi đọc bài nói chuyện ấy ». Cũng trong bài bút ký lịch sử của hai ông, sau khi đã gấp lửa bỏ tay người ta như vậy rồi hai ông còn đề nghị : « Anh chị em văn nghệ sĩ chúng ta không nên e ngại phê bình, mà nên làm quen với lối phê bình thẳng thắn... ». Thế này thì quá quắt quá mất. Có phải bây giờ chữ nghĩa dùng nó khác cả đi rồi không ? Có phải vì một số danh từ và hình dung từ của chúng ta bị lâm vào tình trạng lạm phát không ? Cái cách làm như vậy, nó thuộc vào loại con người cũ, hay là ta lại cũng gán cho « cái con người mới » để mà tô hồng hoặc bôi đen trát xám ? Làm như vậy rồi, mà hai ông vẫn còn kêu (cũng trong bài ấy) rằng : « ... Cảm thấy phê bình một số anh chị em văn nghệ sĩ là một việc « khó quá ». Mong rằng các anh chị văn sĩ sẽ hăng hái ủng hộ... » Xin nói ngay rằng bản thân tôi không những không thể ủng hộ được cái cách làm như hai ông đã làm mà tôi còn có bổn phận nói toạc ra rằng như thế là không tốt, không hay, không đúng.

Hai ông kêu phê bình là khó, có phải tại các ông đã tin vào cái

câu của nhà phê bình Boa-lô nói rằng : « Phê bình là dễ dàng, và sáng tác là chật vật », cho việc ấy là quá dễ dàng mà nay thấy nó đựng phải nhiều thực tế phức tạp (nhất là thực tiễn Việt Nam trên con đường phức tạp gian lao của chủ nghĩa xã hội ở xứ ta), mà các ông rên khó không ? Tôi chỉ là một người sáng tác trung bình, nhưng tôi cũng cảm thông được với hai ông về cái khó khăn của công tác phê bình. Nếu dễ làm, làm không vấp, làm đến đâu cũng là hay là giỏi cả rồi, thì sao người ta đã lợi dụng được hai ông, đã lợi dụng được chúng ta ?

Nhiên nói đến cái khó khăn của phê bình mà những nhà phê bình khách quan chúng ta sẽ vượt được lên, tôi muốn nêu ra đây cái vấn đề kỷ luật phê bình. Ta mới chỉ nói đến kỷ luật sáng tác thôi mà sao chưa nói đến kỷ luật phê bình ? Kỷ luật phê bình nêu ra đây, là tất nhiên cũng là một thứ kỷ luật tự giác, cũng như mọi thứ kỷ luật lao động, kỷ luật sáng tác, kỷ luật tuyên truyền khác ta vẫn làm.

Phê bình thật là khó. Theo tôi nghĩ, có khi còn khó hơn cả sáng tác (chứ không như Boileau nói đâu) vì chính bản thân cái công tác ấy, nó rất có tính chất sáng tạo, và nó cần phải được như thế. Làm đúng làm hay, nó có giá trị cả hai mặt : trước là đánh lùi và đánh chết cái hư hỏng và cái ác, và mặt khác, nó đưa cái tốt lên, nó làm yên tâm và gây hào hứng cho những thiện chí và, nói theo tự vị kinh tế, thì nó đẩy mạnh lực lượng sản xuất, mức sản xuất và chất lượng sản phẩm. Trong một số khó khăn gây thêm ra do phê bình, về mặt tiêu cực của công tác phê bình, gần đây, chúng ta cũng đã có một số kinh nghiệm xương máu nữa-kia đó.

Theo chỗ tôi biết thì đã có một số hiện tượng hách dịch đối với văn nghệ phẩm, xuất phát từ một số người phê bình cũng như từ một số cán bộ chính trị. Tôi rất đồng ý là văn nghệ sĩ mà nhất là nghệ sĩ có tài, càng cần phải khiêm tốn. Nhưng chung quanh, nhất là những người có trách nhiệm về phán đoán cái này cái kia, đề nghị cũng làm như vậy cho. Tôi tán thành cái ý kiến này là những « sĩ » của các ngành văn nghệ chúng ta chưa có gì là ghê

góm lăm đầu, về trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp còn phải học cho nát xương lòi da ra, học cho đến chết mà chắc gì nắm hết được quy luật của sự sống. Nhưng cũng không nên vì nó chỉ là "sĩ" của Việt Nam mà đánh giá nó thấp quá tồi về khả năng nhạy cảm đối với thực tế khách quan, cho nó là mít xoài tất trong mọi cảm xúc phiền toái và vĩ đại vừa gieo neo vừa lớn lao hiện nay của chúng ta. Trong mọi thực tiễn Việt Nam nói chung các mặt, nếu đã có những tác giả còn non nớt nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm. Đối với nghệ phẩm, anh đến với nó (nhất là thứ tạo ra ở bản xứ) mà anh tham lam quá đáng hoặc hung hăng một cách không cần thiết, thì nó biến mất (như là một cái sự gì là duy tâm vậy !) Mà như thế rồi kết quả là gì ? Là thiệt cho cả văn nghệ, cả chính trị, và quan trọng hơn nữa, là thiệt ngay cho cái cuộc sống muôn màu một hướng mà chúng ta đang động viên nhau mà phục vụ hết lòng.

Lại vẫn theo tôi nghĩ, cái đạo đức cách mạng lớn nhất của một người phê bình cách mạng và đức độ. Không phải đức độ sẽ ảnh hưởng này nọ đến lập trường giai cấp, mà trái lại, cái đức độ bao dung người ấy sẽ làm cho lập trường giai cấp chúng ta nhuần nhị hơn, mềm mại hơn trong cách làm mà vẫn cứng rắn về nguyên tắc. Đức độ sẽ giúp cho người phê bình (dù là lão luyện hoặc mới viết lởi) đỡ chủ quan. Mà khuôn vàng thước ngọc của nhận định của phê phán là gì, nếu căn bản không đi từ khách quan mà đặt vấn đề ?

Kết thúc một số ý kiến của tôi, tôi xin trân trọng gạch dưới một câu trong một đoạn của đồng chí Trường Chinh, ở ngay cái văn kiện các đồng chí Hồng Chương, và Trịnh Xuân An đã dẫn ra : "... Chúng ta mong rằng trong quần chúng thường thức văn nghệ sĩ gây thành một tập quán mới đón chào và phê bình nhiệt tình những tác phẩm mới ra đời ».

Trích tạp chí Văn Nghệ số 12 tháng 5 năm 1958 xuất bản tại Hà Nội

Nguyễn Tuân tự phê bình

Trước Cách mạng tháng Tám và trước ngày kháng chiến, tôi sống tuyệt đối bằng tình cảm, chỉ dựa hoàn toàn vào những xúc cảm bản năng và phản ứng tình cảm để đánh giá cái tốt cái xấu cái thiện cái ác. Tôi nghĩ rằng thời kỳ ấy, tôi đã là người của thuyết hư vô và nhiều lúc đã quan niệm một cách nguy hiểm rằng người trí thức chân chính là phải hoài nghi tất cả. Đối với mọi vấn đề đảng phái và hoạt động đảng phái kể cả Đảng ta, lúc ấy, tôi hết sức tránh, nghĩ sai rằng nghệ thuật là ngoài chính trị và còn ở trên cả mọi chính trị mọi hoạt động chính trị. Về những vấn đề lớn thuộc về vận mệnh dân tộc, tôi nghĩ rằng cái biểu hiện yêu nước của tôi ở tôi, tôi chỉ xin khung nó gọn vào vấn đề xây dựng tiếng nói dân tộc mà bản thân mình sẽ cố công đóng góp vào ít nhiều, qua những tìm tòi sáng tác văn học của bản thân mình. Trước mọi biểu hiện, và mọi tương quan với cuộc sống chung quanh, tôi tự cho tôi là một đơn vị. Đối với chủ nghĩa cộng sản, con người duy tâm và tự do vô chính phủ của tôi đã là người tán thành cái thuyết viển vông được làm người cộng sản mà không ở trong tổ chức Đảng.

Về quan niệm nghệ thuật, trước đây, tôi là người của phái nghệ thuật, tức là tôi đã chủ trương nghệ thuật không phục vụ chính trị. Vì một số sách và tiểu thuyết của những tác giả Tờ-rốt-skit hoặc có quan điểm Tờ-rốt-skit về tư tưởng nghệ thuật, đã ảnh hưởng phần nào đến cái nhìn của tôi đối với Xít-ta-lin, đối với những hoạt động chính trị, và cụ thể rất có định kiến nghi ngại đối với tổ chức Đảng nói chung trên thế giới cũng như có ở ta. Tôi cho rằng làm chính trị thì không tránh được thủ đoạn này, thủ đoạn khác và trên cái nhận thức sai lệch ấy, tôi càng tách con người văn nghệ ra khỏi bất cứ hoạt động chính trị gì.

Có thể nói rằng vẫn còn kéo dài cái sống phiêu lưu ngay cả thời kỳ cách mạng tháng Tám đã thành công rồi, và sự cải tạo tư tưởng của tôi chỉ mới bắt đầu có từ ngày kháng chiến. Cuộc đấu tranh võ trang khắp nước đã cho tôi những điều kiện khách quan và chủ quan để dần dần nắn uốn lại một cách nhân sinh quan đời bại ở trong tôi, cụ thể là giải quyết bước đầu cho tôi về cái mặt tư tưởng hoài nghi. Trong những năm kháng chiến, công tác và sáng tác của tôi, tuy chưa có là bao nhiêu nhưng đều chứng minh cái kết quả bước đầu của cuộc cải tạo đó. Và tôi thấy cần phải nói thêm rằng có được cái kết quả ấy, cũng là nhờ ở phần khách quan nhiều hơn là phần chủ quan, và nhất là nhờ có cái phần Đảng dìu dắt cho. Cuộc sống kháng chiến có gian khổ về mặt vật chất và thể xác, nhưng có những thuận lợi khác về mặt chau dồi tinh thần cầu tiến và nhiệt tình cách mạng. Tuy chưa được toàn tâm toàn ý, nhưng tôi cũng đã gắn bó rất nhiều với Đảng với nhân dân và tìm cái lẽ sống còn của bản thân mình trên cái cơ sở tập thể lớn lao ấy. Và mọi băn khoăn cá nhân chủ nghĩa, về căn bản, đã được dẹp xuống. Hòa bình trở lại đây, điều kiện khách quan đổi khác cả. Cách mạng chuyển giai đoạn đã mấy năm nay, tư tưởng tôi không những không chuyển theo kịp mà lại còn có những điểm ngoặt trở lại với những nếp cũ của thời kỳ trước Cách Mạng tháng Tám.

Cũng như nhiều anh chị em cán bộ khác về làm việc ở thành thị ngay từ ngày tiếp quản, tôi cũng vẫn nói với tôi là đấu tranh

hòa bình gian khổ phức tạp; phản đế, phản phong trong kháng chiến, thế mà còn dễ hơn các giai đoạn cách mạng này có đánh thẳng vào con người trí thức tiểu tư sản. Nhưng đồng thời tôi lại vẫn bảo cả tôi và cả nhiều người khác cùng một thành phần giai cấp : « Tư tưởng tư sản và lực lượng tư sản ở ta, có gì mà làm ghê đến thế ? ». (Tôi lại nhớ rằng trong hội phát động quần chúng đề cải cách ruộng đất, hình như tôi cũng đã kêu rằng giai cấp địa chủ và tư tưởng địa chủ ở ta thực hiện ra có gì mà ghê đến thế ?).

Từ sau hòa bình, con người cầu an hưởng lạc ở tôi dần dần hồi sinh lại với cái nếp trước của người thị dân cũ trông tôi vào những ngày đầu của Cách mạng tháng Tám. Tôi kêu cái khác đòi hỏi cách mạng phải thế này thế kia, tiếng kêu phù hợp với cái tiếng nói của chủ nghĩa hòa bình của cái số người cho rằng : « miền Bắc ta làm mạnh quá, tốc độ chính sách đi gấp đi dữ như vậy, e khó mà tranh thủ được miền Nam ». Lập trường tôi bấp bênh, nên tôi mâu thuẫn với tôi ; vừa lo mình dồn đẩy nhanh quá, lại vừa sốt ruột cho tình hình ỉ ạch đủ các mặt. Đối với hiện tượng này hiện tượng khác về hộ khẩu, về thị trường của phân kinh tế quốc dân, về đời sống anh bộ đội phục viên về mức sống công xí nghiệp, về đợt năm của cải cách ruộng đất, và đê vỡ, những tình cảm tiểu tư sản trong con người động dao của tôi lại vùn lên rất nhiều đoán tiếc hờn dỗi nó kết lại thành một cái cách nhìn phiến diện để dẫn tới một cái cách nhìn khác bất công và u uất, bất mãn và nghi kỵ. Chuyện trong nước đã thế, nhìn ra cả trong phe trong khối ta, thì thấy toàn là những sự việc hiện tượng nó vượt qua cái trình độ nhận thức vốn lệch lạc của mình, và vượt qua cái khả năng đánh giá vốn một chiều và cực đoan của mình. Đứng trước những khó khăn của cách mạng chuyển mạnh giai đoạn, cái chất hoài nghi cố hữu ở trong tôi đã ngóc dậy rất mạnh nhất là sau đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô.

Lần lại cái mạch tư tưởng của tôi ngược lên hồi cách mạng tháng Tám, tôi thấy trong hệ thống tư tưởng của tôi đã có những

nó bị chìm xuống. Trong cơn khủng hoảng này, vì lạc phương hướng mà có lúc tôi đã nói đã nghĩ đã viết ra như là một người không phải là đảng viên. Một đôi khi, còn bắt được mình đang thoát ly Đảng trong tư tưởng. Nay giật mình nhìn lại, thấy mình đã có trời lên cái dốc của quan điểm chủ nghĩa xét lại. Lòng tự tin bị sức vỡ cho nên đối với sự việc này, sự việc khác, đối với tài liệu khác, hay đòi lật ngược lại, học tập lại tình hình thế giới còn dễ thông hơn tình hình trong nước. Nguồn tin chính thì tiếp thu có điều kiện, các nguồn tin khác thì nhận và phát đi một cách dễ dàng. Lập trường tư tưởng đã có sự lẫn lộn, cho nên nghiêm ngã với ý kiến của đồng chí, của bạn, cho nên dễ hòa theo với lời xúc siểm dèm pha tán tỉnh của bọn ác bọn xấu. Cái phần vắn đục trong con người hoài nghi của tôi đã là một miếng đất thuận tiện cho sự nảy nở của những tư tưởng do các nguồn đối địch gieo vào. Và muốn hay không muốn, trong một số công việc nhất định, tôi đã trở nên cái bình phong cho bọn xấu dùng được.

Về phần sáng tác, gần đây tôi đã gặp những khó khăn trong tư tưởng sáng tác, cũng là do bị quan hoang mang tác động và hạn chế cái nhiệt tình của người nghệ sĩ cách mạng. Cũng là do cái phương pháp tư tưởng nặng nề hiện tượng vụn vặt mà không nhìn thấy cái đại thể của cách mạng và cái hướng của sự vật trong quá trình phát triển cách mạng. Cũng là do lẽ này lẽ khác, nhưng cái chính là cái nguyên do ngờ vực. Chính vì sa sút đi sai lạc quan cách mạng đó, mà trên một số bài tôi viết ra ít lâu nay, tôi đã đi vào chỗ lệch, chỗ sai đã lạc hướng về tư tưởng và lẫn lộn về chỗ đứng của người đảng viên văn nghệ. Tôi đã có xu hướng tách văn nghệ ra khỏi chính trị và đối lập văn nghệ với chính trị. Ví dụ ở tuần báo Văn dưới đầu đề "*Phê bình nhất định là khó*" tôi đã viết:

"Nếu đã có những tác giả còn non nớt, nếu đã những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không cao tay gì lắm..."

Đối với tác phẩm in lại, tôi đã tự tiện gạt đi cái

phần chính trị của vấn đề đề chỉ còn thấy, có phần nghệ thuật. Đề tựa cho tập sách Thạch Lam và vở kịch Kim Tiền của Vi Huyền Đắc, tôi chỉ có đề cao tác phẩm và tác giả mà không đứng trên cái quan điểm văn học vô sản của người phê bình cách mạng mà vạch ra những nhược điểm khuyết điểm và sai lầm của tác phẩm. In lại tập *Vang bóng một thời* của tôi, tôi cũng thiếu mất cái trách nhiệm của người tác giả đối với độc giả mà xác định thái độ của mình về nội dung tư tưởng của tác phẩm cũ. Thậm chí, còn đưa vào sáng tác cả cái bức bối, cái hờn dỗi với thực tế chi chiết cạnh khóe điều này điều nọ như ở trong bài *Cây Hà Nội*; "... con người ở đây ít chú trọng đến cây... ở đây, con người đối với con người cũng chưa đủ mức chú trọng, nói chi đến chuyện cây cối... Đôi lúc có nhớ đến người này, người nọ thì ta chỉ quen nhớ những cái lúc họ đánh đồ hoặc đánh võ một cái gì..." Thực ra chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chúng ta không bao giờ dạy con người tự mình tách khỏi tạo vật chung quanh và chà đạp hoa cỏ cây cối. Thực ra Đảng ta quan tâm đến trình độ văn hóa cần nâng cao dần cho quần chúng nhân dân, trong ấy mặc nhiên là có cái phần giáo dục thẩm mỹ dạy con người yêu quý hoa cỏ quả cây và hướng nó vào cuộc sống cần lao của tập thể. Những câu đại đề như ở bài *Cây Hà Nội*, với cái lối nói ồm ờ đó đã phần nào biến mùa Xuân miền Bắc thành ra những ngậm ngùi kích động đến những tâm sự sửa sai, tạo thành những cái đơn chiếc và bất công trong rách nhìn ra thực tế sinh động trên đất nước. Cách nhìn không lành mạnh ấy thật là không xứng đáng với bất cứ nhà văn nào muốn đóng góp giấy mực của mình vào cái quyết tâm cùng chung sức xây dựng miền Bắc của mọi người. Cách nhìn và cách viết ấy không giải quyết gì cho sự sống nặng nề đang cần phải bốc lên đầy lên. Nó có phần nào đã làm đầu têu cho một số mồm và bút sẵn sàng mượn khéo văn chương để nói cạnh và chửi đồng, móc máy việc này việc khác.

Nhưng trong cả một mớ lộn xộn lẫn lộn sai của tôi ít lâu

... tôi cha trách nhiệm trong hơn hết. tức là cái

sai lầm của tôi đối với nghị quyết của bộ chính trị của Đảng nhận định về tình hình văn nghệ. Nghị quyết phân tích sâu sắc, tổng kết đầy đủ rõ ràng về sự lúng đoạn của nghị quyết này, tôi vẫn cứ khẳng khẳng cho rằng văn học phần tử đối địch trong văn nghệ. Tôi được phổ biến nhiều lần về nghệ thuật ta ít lâu nay có vấn đề và đang có những vấn đề cần phải giải quyết sớm, tức là có nghiêm trọng về tình hình, nhưng không đến nỗi nghiêm trọng đúng như tinh thần và con chữ đã vạch ra trong từng chương mục của nghị quyết. Tại sao phải trải qua hơn ba tháng ròng học tập liên hệ, phải trải qua rất nhiều khó khăn của diễn biến tư tưởng và qua bao nhiêu công sức của đồng chí và đồng nghiệp giúp đỡ cho mà nay tôi mới nhất trí được với toàn bộ nghị quyết của Đảng về tình hình văn học nghệ thuật ?

Chính là vì tôi đã mơ hồ về lập trường, không phân rõ địch ta nên không nhìn thấy vấn đề tranh đấu giai cấp trong lĩnh vực văn học nghệ thuật giữa lúc cách mạng tiến lên đang đánh vào tất cả những cái gì dám chống đối và phản lại nó. Chính vì tôi non yếu và mơ hồ về chính trị nên không thấy cái mặt chính trị của vấn đề văn nghệ đây. Bản chất cầu an hưởng lạc nghỉ ngơi ở tôi đã làm tôi mờ nhạt về sự tất yếu của cuộc đấu tranh này và quên cả cái tinh chất của tổ chức Đảng ta là một tổ chức chiến đấu và đang cần chiến đấu quyết liệt trên mặt trận tư tưởng (Cuối 1956 đóng cửa Nhân Văn. Tôi là một chữ ký trong bản kiến nghị của nhiều anh văn nghệ sĩ ký ngày 13. 12. 1956, nhưng trong tôi vẫn còn phân vân vì biện về biện pháp hành chánh dùng với Nhân Văn. Nay tôi đã thấy rõ là không thể thuyết phục cải tạo tờ báo đó và biện pháp ấy là biện pháp duy nhất). Chính vì tôi có xu hướng tách văn nghệ khỏi chính trị nên tôi không nhận ra khía chính trị của vấn đề. Tôi thường còn hay kêu là một ít lâu nay ta bán chính trị quá nhiều trong văn nghệ và nên dành thời giờ để bàn về chuyên môn thì đúng hơn. Tôi không thấy rằng tình hình địch ta nghiêm trọng đã như thế, thì cái yêu cầu cấp bách của văn nghệ hiện nay là giải quyết về chính trị đã rồi trên cái cơ sở trắng đen đã phân rõ ấy, trong nội bộ nhân dân của văn nghệ, mới thanh thoát được cho sự thảo luận

chuyên môn văn nghệ. Không nhìn nhận ra được chỗ sáng suốt của nghị quyết của Đảng về tình hình văn nghệ bị lũng đoạn, tôi cho cái nguyên nhân chính còn nằm ở cái chỗ lòng tin của tôi đối với Đảng. Từ sau Hòa Bình và nhất là từ sau Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô, lòng tin của tôi đối với Đảng đã có thêm những mảng đen của sự nghi ngờ. Thời kỳ mở phong trào chống chủ nghĩa sùng bái cá nhân cũng là thời kỳ tôi đi sâu vào một bệnh sùng bái khác. Tức là tôi đã tự phụ tự túc, tự ái, tự đại mà sùng bái cá nhân trí thức tiểu tư sản của tôi. Tôi cho là phải phát triển tới cái độ cao nhất về việc suy nghĩ độc lập, lấy tư duy độc lập ra mà làm cái thừa trừ cho cái kiêu mà tôi vẫn gọi là : « Cách nghĩ một chiều của nhiều đồng chí chúng ta ». Ngông nghênh với sự phát triển bừa bãi đó, tôi đã tự huyền hoặc mình về cái kiến thức bản thân thối phồng bơm to lên, tự phỉnh nịnh mình đến cái mức bọn ác bọn xấu dùng được mình mà không nhận ra, đến cái mức chỉ thấy có mình mà không thấy phương hướng trong tư tưởng. Qua một lần kinh nghiệm tôi tự phát trên một cái cơ sở cá nhân bấp bênh, nay tôi đã nghĩ rằng Đảng ta, trên con đường từ nay kiện toàn chuyên chính vô sản song song với mở rộng dân chủ, Đảng ta không những không hạn chế sự nghĩ độc lập của đảng viên và anh chị em trí thức, mà lại còn khuyến khích mọi người đóng góp cái phần trí tuệ chân cảm của mình vào cái khối trí tuệ vĩ đại của Đảng, Riêng tôi, qua một trận thử thách vừa rồi, qua cái bài học chóng vánh vừa rồi đề phân rõ thiện ác trong giới văn nghệ phức tạp, tôi thấy sáng lên cái chân lý này :

— Muốn suy nghĩ độc lập, cần phải có cái vốn phong phú về thực tế đấu tranh, cộng với một căn bản lý luận cách mạng chắc chắn.

— Khi mình đã ngộ vực Đảng, thì dễ nghĩ sai và làm sai. Những cái tôi nói đó, thực ra không có gì là mới cả, nhưng riêng với tôi, nó có cái giá trị của một lần « suy nghĩ » vừa đau xót, vừa yên tâm, vừa lành mạnh, viết ra đây cái điều trên, tôi thấy thoải mái trong sự khiêm tốn thành khẩn và càng thấy gần Đảng hơn bao giờ.

(TIẾP THEO TRANG 58)

và ghi lại được những sự vật nhỏ nhoi song mang một ý nghĩ sâu sắc, như người đọc thường bắt gặp trong các tùy bút của ông cụ thể như bài « Cắm cột mốc giới tuyến ». Ở một đoạn sau, Nguyễn Tuân viết :

« Nguồn sông lao xuống đồng bằng thường thường hay đổi lòng thay lòng. Theo vớ lượm mưa, đà lũ, đà lụt, vớ chất đá lót lòng sông, chất đất cạp dòng sông, con sông hay nắn lại cái phong cách chảy trôi của mình. Đờn nguồn sông có lúc ăn bớt được một kẽ núi nách đồi vượt qua, có lúc phải vòng quanh mua thêm đường. Thế kỷ này, có thể thân con sông dài ra, để đến thế kỷ khác, thân nó lại rút ngắn đi. Thời Lý, thời Trần, Thời Lê, Thời Trịnh — Nguyễn, triều Tây sơn, con sông Bến hải dài hơn hay ngắn hơn con sông Bến hải của cuối thế kỷ hai mươi bây giờ ? Câu hỏi bác học này vượt quá kiến thức và sức trả lời của tôi. Nhưng nếu hỏi tôi rằng sau hôm bữa riu lịch sử đóng mốc giới tuyến lên hai bờ sông này, sông tuyến thêm ra hay bớt đi những khuỷu, những khúc uốn của nó, thì tôi có thể dứt khoát mà trả lời rằng : con sông đã dôi thêm ra nhiều khuỷu nhiều vòng. Cũng dễ hiểu thôi. Ai đã dẫm xéo lên một con giun thì biết. Con giun quăn lên. Nếu ví sông tuyến như một con trăn gió, trườn từ núi ra biển thì gần ba trăm cái mốc ấy đóng lên thân nó, sao mà nó không quăn quại được. Trong cảm nghĩ của tôi, con sông không thể không là một sinh vật hữu cơ của tổ quốc, và nó cũng có cái cách phản ứng của nó. Chúng ta đau như thế nào vì chia cắt hai miền thì con sông ấy cũng quăn lên như thế, khi người ta muốn lâu dài chia dòng và cắt bờ. Trong máu lũ ta hiện nay, tôi dám cho phép tôi nghĩ rằng vẫn vóc cục lại, vẫn ứ lên cái máu phân dòng tách bờ của một con sông Bến Hải. Và nói đến sông tuyến cũng là lịch sử giải phóng dân tộc ta, thỉnh thoảng tôi hay nghĩ đến câu nói mang máng của một cụ lái đò Ai cập chở khách du lịch trên dòng sông Nin : « Theo dòng sông, các dân tộc tự kiểm tra lại mình. Dọc theo những con sông của họ, họ chứng minh cuộc sống dân tộc họ. Tên mỗi dòng sông tóm tắt lại những chặng lịch

sử họ, vừa tóm tắt một đoạn lịch sử vừa khần cầu đa diết đến lịch sử ». (24).

Rõ ràng là dưới cái nhìn của Nguyễn Tuân, thực tại khách quan cũng như tâm lý con người được trải ra một cách linh động, không phải ở mặt đơn giản, bằng phẳng, dễ dãi mà là ở những mặt rắc rối, gai góc, phức tạp. Và cũng chính vì thế mà văn của ông vừa chân thật lại vừa có chiều sâu để gây được sự đồng tình đồng ý của bạn đọc. Nói đúng ra, quần chúng độc giả yêu tùy bút của Nguyễn Tuân không hẳn là vì cái bút pháp cầu kỳ một cách duyên dáng mà còn do ở chỗ tác giả có khả năng làm toát ra ý nghĩa khái quát của vấn đề mỗi lần ghi lại một cảm xúc, một sự việc cụ thể qua những xung đột tiềm tàng trong cái thực tế phức tạp của cuộc đời. Cũng cần lập lại một lần nữa, rằng Nguyễn Tuân là một nhà văn đi nhiều, hiểu sâu và biết rộng, nên trong quá trình tiếp xúc, cọ xát với thực tế thiên nhiên và xã hội, ông dễ làm nảy bật ra những chi tiết sù sì gai lửa vốn thường hay ẩn kín từ những ngõ ngách của cuộc sống và những nẻo sâu thẳm của lòng người. Chính những chi tiết quý báu ấy đã trở nên những viên ngọc lấp lánh, óng ả làm đẹp cho tùy bút của Nguyễn Tuân, và đồng thời cũng làm tăng thêm sức thuyết phục cho các tác phẩm của ông. Điều ghi nhận này đã được chứng minh qua những dòng « *Cẩm cột mốc giới tuyến* » trên đây. Thật khó mà phủ định rằng nếu không sẵn có một năng khiếu quan sát, và chủ yếu là một lối viết tài hoa, Nguyễn Tuân làm sao có thể biểu hiện được cái thực trạng vừa phi lý, lại vừa bi đát của cái hiện tượng đất nước chia đôi đã từ năm này qua năm khác tồn tại sừng sờ trên quê hương ta, bằng một dòng văn quyến rũ và một niềm khắc khoải suy tư chín mùi, lắng đọng ? Và điều đáng quý hơn nữa là chính Nguyễn Tuân đã viết giùm ta, nói hộ cho ta những cảm nghĩ thấm thía về cảnh tượng trớ trêu đó, nếu không muốn nói rằng

(24) Tuần báo Thống Nhất, số 254 ra ngày 13-4-1962.

Nguyễn Tuân đã gián tiếp buộc tội Đảng là nguồn gốc gây ra tất cả mọi ngăn cách chia lìa phũ phàng trên lãnh thổ và trong đời sống của nhân dân ta.

Như mọi người đều nhận thấy, chỉ những khi viết về quê hương, đất nước, ngòi bút của Nguyễn Tuân mới có cơ hội phát triển thoải mái cũng như tâm tình của ông mới gặp điều kiện thuận lợi để gởi gắm trọn vẹn. Mặt khác, trên cơ sở đề tài của những cảnh đẹp thiên nhiên Nguyễn Tuân phần nào dễ dàng che giấu được quan điểm chính trị không phù hợp với đường lối của đảng. Có lẽ cũng vì thế mà Nguyễn Tuân đã cho xuất bản Sông Đà, (25) tác phẩm văn học đáng kể nhất của ông trong suốt chặng đường chạy theo đảng.

Sông Đà gồm tất cả 15 bài tùy bút, tập trung chung quanh một chủ đề duy nhất : tác giả lấy miền Tây Bắc để làm mục tiêu cho những chuyến đi đồng thời làm cái cớ để ký thác tâm sự của mình. Ở đây, Nguyễn Tuân chỉ viết về những gì thuộc về vốn cổ hữu của dân tộc : tỉnh lỵ Lai Châu, Sơn La, cái di tích lịch sử, một bản Mèo trên núi đá, cái khe nước biên thù Lào Việt, và con sông Đà « nằm lọt giữa cái thẳm đá, cái giường đá Tây Bắc » Người đọc vẫn thích thú bắt gặp những nhận xét tinh tế, những ví von gợi cảm của Nguyễn Tuân khi ông viết : « Núi Quỳnh Nhai đẹp như núi trong tranh ảnh, trong men sứ. Quỳnh Nhai có năm xã dọc sông và một xã rừng sâu Mường-giơn, nhưng núi của toàn châu đều là núi đẹp cả. Sông đẹp, núi đẹp, cả con đò, cả mấy vóc dáng cô đò đều rất tạo hình » (26). Có đoạn, tác giả tuyên bố « sợ rằng tuổi trẻ vốn xem thường dĩ vãng, sợ rằng những người bộ hành trẻ tuổi ấy không có thói quen ngoảnh đầu lại trên chặng đường đi tới », nên đã viết như một niềm tiếc nhớ : « Từ

(25) Sông Đà, tùy bút của Nguyễn Tuân — Văn Học Hà Nội xuất bản 1960.

(26) Những câu trong ngoặc kép ở phần này đều được trích ở sách đã dẫn.

đã lâu lắm vẫn còn nghe vọng về lịch sử những cuộc đời nông dân khá giả được vì đã bỏ làng cũ». Bàng bạc trong cả tập sách, người đọc vẫn thấy lối nhìn ngấm tài tử, phóng túng và đượm ít nhiều màu sắc khinh bạc như ở Vang bóng một thời trước đây, chẳng hạn như khi lặng nhìn tỉnh lý Lai Châu, những tình cảm rất thực của Nguyễn Tuân trước cái thành phố buồn tẻ và xám xịt ấy đã phát lộ ra : « Tôi đi đi lại ở mấy góc phố toén hoén, tôi đi lên đi xuống cái phố, cái bến Sông Đà tỉnh lý Lai Châu. Hàng cây buồn ngủ, lá tỉnh dậy rất trưa và buổi chiều lá buồn ngủ đã cụp lại trước khi mặt trời Tây Bắc lặn hẳn. Bóng nắng cuối cùng còn soi theo cái bóng ngựa đèo theo một cái sọt đựng đầu người trong tưởng tượng của tôi. Buổi chiều xám ập xuống sông Đà, chụp lấy dãy phố, chụp lấy dốc đôn, chụp lấy cái nhà tù xòe mái tôn ở ngã ba sông trước mặt, buổi chiều xám Lai Châu ập xuống tảng đá hòn ngọc Đèo Văn Long ». Dù Tây Bắc đã được « giải phóng », nhưng hiện thực xã hội Tây Bắc vẫn chưa đủ khả năng quyến rũ Nguyễn Tuân, vì vậy, nhiều lúc ông « vẫn có những cảm xúc thiếu chân trời. Rồi muốn hay không muốn, cứ thấy trí nhớ và trí tưởng tượng đang moi ra vô khối là hình ảnh cũ. » Có khi ông ngậm ngùi nhắc đến tiếng thở dài của bà mẹ người Thái có con gái được vào đội Xoè : « Tiếng thở dài buồn hơn cả cái tiếng vật mình của cối nước gĩa gạo đêm. » Chưa hết, có chỗ Nguyễn Tuân còn tỏ vẻ xót thương đời sống cơ cực của công nhân làm đường : « Tôi nhìn theo đoàn xe, lòng đau đớn nghĩ về cái hình ảnh nước mắt của chị mặc áo xanh công nhân. » Trước cảnh đời lắm than đó, tác giả chỉ biết yên ủi họ : « tôi cũng biết rằng một số chiến sĩ làm đường đang có một số khó khăn nội tâm, vẫn thấy nó làm bận tâm tôi nhiều lắm, bận tâm như thấy cái chuyện ấy cũng là chuyện của đích thân mình. »

Gạt sang một bên những đoạn Nguyễn Tuân cổ tình tuyên truyền cho các chính sách của đảng, ví dụ... « những con người làm ruộng xã hội chủ nghĩa, làm đường xã hội chủ nghĩa. Đó là những con người làm việc cả đêm với cái khẩu hiệu ... đã có được không đề

kỷ lục năm quá 24 tiếng đồng hồ mà không phá, tự tay mình phá lấy cái kỷ lục chính mình đã tạo ra cũng đã khá cao rồi đây » hoặc những câu lãng mạn cách mạng hóa một cách trơ trẽn kiểu « đoàn người lãng mạn xã hội chủ nghĩa khảo sát non sông tổ quốc, nhìn cục đất mà thấy nó là thỏi vàng, nhìn nước chảy mà thấy lửa sắp cháy » thì sông Đà vẫn còn là một tác phẩm khá nổi bật hơn mười năm qua.

Đối với các văn nghệ sĩ ngoài đảng, sông Đà đã gây được nhiều cảm tình. Đại diện cho tiếng nói của lớp văn nghệ sĩ này, nhà phê bình quen biết Trương Chính, cũng là người đồng tuổi đời với họ Nguyễn, đã phát biểu : « Sông Đà, tên truyện cuối cùng của tập sách, có thể nói đây là một bài địa lý về con Sông Đà, thế mà suốt 27 trang giấy in, Nguyễn Tuân đã làm cho người đọc không chán. Đứng về phong cách mà nói thì phong cách của Nguyễn Tuân chưa hề thay đổi. Vẫn lối thôi dài dòng như thuở nào. Ông là người không bao giờ biết tự hạn chế. Người đọc cứ phải theo ông mà đi một bát trận đồ không có lối ra, cũng may là được có duyên. Đánh rằng có khi ông rất kهنh kiêu, lối thôi phiền phức, nhưng biết làm thế nào vì đó là bản tính của con người ». (27) Tuy nhiên, dưới con mắt méo mó của cán bộ văn nghệ tuyên truyền thì tác phẩm của Nguyễn Tuân vẫn còn nhiều vấn đề đáng nói. Chẳng thế mà Nam Mộc (Sơn Tùng), cây bút lý luận phê bình cao cấp của đảng Lao Động, đã chỉ trích rằng nào là « chủ nghĩa bi quan của Nguyễn Tuân trước cách mạng còn để lại vết sẹo mỗi khi trở trời trái tiết lại thấy nhức », nào là « Nguyễn Tuân chưa toàn tâm, toàn ý sống với cái mới, cái hiện tại, cái đang lên, chưa thật hòa mình với quần chúng công nông và ngay cả với lao động trí óc. » Điều đáng chú ý là Sông Đà đã làm cho Nam Mộc phát « ghen » vì trong suốt 15 bài tùy bút, tác giả chỉ dành ra hai bài để nói về « hiện thực xã hội » trước mắt, còn lại, Nguyễn Tuân viết về những cái đẹp thiên nhiên và những vang bóng của một thời xa xưa. Do đó mà Nam Mộc đã phải bực mình,

(27) Văn nghệ số tháng 10-1960.

sau khi thấy Đảng dùng bao nhiêu biện pháp gay gắt để cải tạo tư tưởng, vẫn thấy “ Nguyễn Tuân vẫn đề cho bóng đen quá khứ đè nặng lên hiện tại và tương lai ” chỉ trích rằng : “ Đọc sông Đà nhiều lúc ta có cảm tưởng như lạc trong một khu rừng già cổ sơ hoang dại hay một cánh đồng ma âm khí nặng nề, màu sắc của hiện tại như mờ nhạt đi, ánh lửa của tương lai khó khăn lắm mới le lói lên được ” để rồi tiếng cảnh cáo “ Tây bắc đang tiến dần lên xã hội chủ nghĩa, thiếu gì chuyện hôm nay ngày mai đáng nói, ta nên bàn đến những cái hiện tại trước mắt hơn là đi bới cái xác chết của dĩ vãng Tây bắc ra ” (28).

Đến đây, người đọc thấy rằng về mặt nội dung, Sông Đà chưa phải là kết quả cụ thể của Nguyễn Tuân trong quá trình lột xác, càng không phải là kết quả trực tiếp của những thu hoạch mới về tư tưởng và thực tiễn của tác giả sau những đợt học tập chính trị, tham gia lao động. Và sự thành công về mặt hình thức nghệ thuật của Sông Đà cũng đã chứng minh rằng giới lãnh đạo đã thất bại trong chủ trương buộc các văn nghệ sĩ phải sáng tác theo cái đường lối máy móc, công thức, sơ lược mệnh danh là phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa.

NGUYỄN TUÂN VÀ NHỮNG BƯỚC ĐI THẤT THỂ TRONG CHUỖI NGÀY TÀN TẠ

Dưới cặp mắt lệch lạc của lãnh đạo, Sông Đà bị coi như một đứa con bệnh hoạn, què quặt do tác giả chưa thay đổi được cách nhìn và lẽ lối suy nghĩ của con người tiểu tư sản. Bởi đó, Nguyễn Tuân lại phải tiếp tục cải tạo tư tưởng bằng cách dẫn thân vào mặt trận Lao động sản xuất. Đặc biệt, kể từ đầu năm 1961, là thời kỳ đảng phát động chiến tranh ở miền Nam Việt Nam tất cả mọi sinh hoạt của đồng bào miền Bắc đều bị chi phối nghiêm ngặt bởi cái gọi là

(28) Nguyễn Tuân và Sông Đà — Nam Mộc, Nghiên cứu Văn Học số tháng 5-1961.

cách mạng bạo lực. Trước bối cảnh xã hội tù túng đọa đầy áp bức đó, lại một lần nữa, Nguyễn Tuân bị buộc phải đem hết sức tàn ra chuyển mình cho kịp với tình hình và nhiệm vụ mới trước mắt. Nguyễn Tuân lại phải lê cái thân mòn mỏi xuống đường. Từ đây Nguyễn không còn được làm những chuyến đi ngược lên rừng núi Việt Bắc để tiếp xúc với màu xanh bát ngát của thiên nhiên và với những con người mộc mạc ở vùng nẻo cao có làn da trắng nõn nà cùng đôi mắt ngơ ngác, mà phải đi thẳng vào những miền gian khổ nhất để khích động nhân dân kiên trì theo đuổi chiến tranh và cũng là để tự cải tạo mình thêm một bước nữa cho đúng với yêu cầu bức thiết của lãnh đạo. Nhưng sau gần 10 năm đi đi về về giới tuyến Vĩnh Linh và một số hợp tác xã nông nghiệp ở miền Trung, Nguyễn Tuân cũng chỉ viết được vào khoảng ba bốn chục trang, mà ngay ở mỗi đề tài viết về cái thực tế nóng bỏng nhất được mệnh danh là «*Cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước*» Nguyễn Tuân vẫn không quên lấy thiên nhiên làm nguồn hứng. Chẳng hạn như đề cập tới hậu quả khốc liệt của cuộc chiến Nguyễn Tuân đã viết : «*Những màu cánh bướm bướm màu sắc yêu đời ở phòng học vụ kia có gì động đến chúng mày mà cũng bị bom đạn Mỹ xé rách và đốt cháy đen*» (29). Điều không may cho Nguyễn Tuân là dù đã nỗ lực chạy theo phong trào nhưng cái lối viết lan man kênh kiệu nặng chất trữ tình ấy không còn phù hợp với khuôn khổ của một nền văn nghệ hiện thực, càng không phù hợp với hoàn cảnh của một thực tế đang hừng hực dầu sôi lửa bỏng. Do đó, Nguyễn Tuân phải đoạn tuyệt con đường tùy bút sở trường của mình để chuyển hướng vào một thể loại khác tức bút ký là xác định như một phương tiện phục vụ đặc lực cho cuộc chiến đấu.

Vẫn theo quan niệm của lãnh đạo thì trong phương pháp xây dựng bút ký, tính chất chính luận là một yếu tố cần được chú trọng vì nó có tác dụng thời sự trong việc giáo dục quần chúng tiến hành chiến tranh.

(29) Tuyến lửa - Bút ký của nhiều tác giả - Văn Học Hà Nội xuất bản 1966.

Chắc hẳn ai cũng dễ nhận thấy rằng trong sáng tác văn nghệ, nếu các yếu tố cảm xúc trữ tình bị hạ thấp để thay thế vào đó các tiêu chuẩn chính trị, thời sự thì tác phẩm sẽ mất hết giá trị nghệ thuật, và chỉ còn là một món hàng tuyên truyền, quảng cáo. Có nhận thức như vậy người ta mới không ngạc nhiên khi thấy những thảm bại của Nguyễn Tuân trong các sáng tác sau này của nhà văn.

Chúng ta vốn biết trước kia, Nguyễn Tuân là người không bao giờ chịu dừng lại ở cái mức ước lệ thường bị thói quen nghề nghiệp và lẽ lối suy nghĩ dễ dãi ràng buộc, mà là một nhà văn thường xuyên đi sâu tìm hiểu về những cái đẹp trong quan hệ thiên nhiên và xã hội để từ cơ sở đó nâng cái đẹp lên một trình độ cao hơn. Chính vì vậy mà Nguyễn Tuân thường đến với cuộc sống với một tinh thần tìm tòi sáng tạo. Rồi sau đó, Nguyễn lại trình bày với người đọc những phát hiện của mình bằng một thứ ngôn ngữ mang đậm bản sắc riêng biệt của ông. Ngôn ngữ của Nguyễn Tuân lại là thứ ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu và tứ thơ. Đó cũng chính là những cống hiến quý báu của Nguyễn Tuân đối với nền văn học hiện tại ở nước ta. Tuy nhiên, kể từ ngày Nguyễn Tuân bị buộc phải thay đổi từ cách nhìn cho đến cách viết để chạy theo đường hướng sáng tác mới do lãnh đạo vạch sẵn thì ngòi bút của ông đã sa vào một tình trạng thật ảm đạm, nghèo nàn. Ấy là chưa nói tới cái sa đoạ khủng khiếp trong lương tâm của một người cầm bút. Biểu hiện tập trung nhất của sự thảm bại ê chề đó là bài bút ký *Tết chống Mỹ*, đã được trình trọng giới thiệu ở tuần báo Văn Nghệ trong một số đặc biệt cùng mang tên gọi với bài bút ký của Nguyễn Tuân. (30)

Ngay khi vừa nhìn vào mấy dòng mở đầu, người đọc đã thấy rợn lên vì những chữ tuyên truyền sống sượng, kiểu như những khẩu hiệu « *Liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, thừa thắng xông lên* » v.v mà nhân dân ta thường nghe đến nhằm tai qua đài phát thanh Hà nội.

« Tết năm nay to quá, miền Nam ta đánh to quá. Tấn công và nổi dậy khắp bốn mươi ba thành và thị và hàng trăm thị trấn miền Nam thiết lập chính quyền cách mạng. Diệt năm vạn địch (trong số này có một vạn viễn chinh Hoa kỳ) và tiêu hao hai mươi vạn quân nguỵ. Cùng là phá hủy độ ngàn rưởi máy bay. Và vân vân về hàng hà sa số súng trường đạn mìn và xăng dầu ».

Cái luận điệu tuyên truyền già nua móm mém ấy, nếu phát xuất từ những miệng lưỡi của các cán bộ văn công thuần túy của đảng thì chẳng có gì đáng nói cả, nhưng lại được viết ra từ ngòi bút của một người như Nguyễn Tuân thì quả là một điều ô nhục đối với tác giả. Thử đọc tiếp một đoạn nữa để hiểu rõ vì sao toàn bài bút ký đó lại được giới lãnh đạo hết lòng tán thưởng :

« Lửa bốc cháy quanh hàng rào dinh Độc Lập và lực lượng khởi nghĩa tung hoành tại giữa dinh, thế rồi sân bay Tân sơn nhất bị đánh ba mặt, bị cháy ba mặt. Thế rồi đài Saigon sập. Thế rồi liên liên quân khởi nghĩa đánh chiếm Bến Đá, Chú Ía, Phú nhuận, Cây sung, Hàng xanh, Hàng Thai (?) Khánh hội. Và Ngã năm chuồng chó và ngã tư Bảy hiên giết và bắt các thứ lính Mỹ. Đêm khủng khiếp Mỹ nguy đó, nhiều người trung lập nước ngoài leo lên nóc gác thượng mà theo dõi thế biến của ba trận đánh ở hai đầu đường sân bay Tân sơn nhất và ở gần trường đua... Nhà sư áo cà sa màu xám, cũng cầm súng bắn vào ác ôn cảnh sát ! cao bồi thì rủ nhau đi nhặt đạn cho quân cách mạng đánh Mỹ. Hàng ngàn gái tiệm của mấy trăm nhà « ba » biến hết rất nhanh. Theo hãng Roi Tor thì ban đêm tới nhà bưu điện đường Tự do, các phóng viên Mỹ đi đánh điện phải bắt buộc giơ tay lên trời mà đi với tư thế người đầu hàng. Saigon không có điện, chỉ thắp bằng pháo sáng quân sự Mỹ. Nước thiếu, và cả Saigon ăn bằng đồ hộp Hoa kỳ... »

☉ Rõ ràng là sự la lối, phóng đại, xuyên tạc một cách hèn hạ đã trở thành cái « truyền thống mới » của cái gọi là nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Họ tưởng rằng cứ vu khống bôi nhọ, đối trắng thay đen như vậy là tỏ ra yêu nước thương nòi, là bịp bợm được quần chúng là thuyết phục được lòng tin của nhân dân, nhưng thật ra, việc làm ấy chỉ càng biểu lộ một mặc cảm sợ hãi, hoảng hốt, giật mình trước những khó khăn

bể tắc giống như con gà rúc đầu vào cánh mỗi lần nghe tiếng động mạnh. Nguyễn Tuân là một người thông minh, nhưng trước sức thống chế tàn bạo của đảng vẫn phải đeo cặp kính đen ngòm đang nhìn về miền Nam để thấy lãnh đạo nói đúng, nói phải, dù ông có thừa sáng suốt để đánh giá thực chất của cuộc tổng công kích Mậu thân như thế nào. Điều đó lại càng chứng minh rằng khi nhà văn chỉ cầm bút với sự tính toán làm thế nào để lấy sự tuyên truyền chính trị bù đắp vào khoảng trống giá lạnh của tâm hồn thì nhất định sáng tác sẽ trở nên giả tạo khô khan. Tính chất gò bó, miễn cưỡng và khách sáo ấy càng được biểu lộ sắc sảo ở những dòng cuối bài bút ký mặc dầu Nguyễn Tuân có nói ra những lời tha thiết: *“Chao ôi, mùa xuân ngoài trời lửa sục sôi trong lòng ta, mùa xuân ngoài trời đang thêm xuân bên trong lòng ta. Những người bạn mới của mình tại miền Nam này đang bay trên hướng trời nào, đang viết bằng thứ mực gì đây? Đề cùng nhau đẩy cái xuân này lên. Đề cùng nhau ta đẩy Mỹ ra khỏi mùa xuân dân tộc chúng mình.”* Đoạn văn đọc lên nghe sao mà tội nghiệp quá đời! Tác giả càng muốn nói to lên một ý cồ vũ kích thích, nhưng ý hướng tuyên truyền ấy lại bị chìm ngay trong cái lời văn yếu ớt, đuối sức, giống như một khách bộ hành mệt nhọc càng muốn bước nhanh, bước vững nhưng lại bị ngã quỵ xuống vì sức lực đã quá mỏi mòn.

Cũng may là Nguyễn Tuân chưa sa đoạ tới cái mức viết ra những lời chửi rủa tục tằn, thô bỉ như người ta thường thấy trong nhiều bút ký của các đồng nghiệp ông như Xuân Diệu, Chế lan Viên, Bùi Hiền v.v.

Một điều may mắn khác đối với bạn đọc là Nguyễn Tuân viết rất ít. Có khi cả năm người ta mới thấy ông xuất hiện qua ba bốn trang bút ký trên vài tờ báo của đảng. Ngoài ra từ hơn hai năm nay, trong các cuộc sinh hoạt văn nghệ do Đảng tổ chức, người ta thấy vắng hân bóng dáng Nguyễn Tuân, cũng như không hề được nghe ông Nguyễn phát biểu ý kiến về các vấn đề lãnh đạo đặt ra. Sự kiên hiếm có này khiến chúng ta nhớ rằng tác giả Văn hóa

có thể, họ Nguyễn thuộc thành phần những nhà văn có khuynh hướng xét lại tích cực. Bởi một nhà văn thường được viện trợ nhiều của con người nghệ sĩ, biết nhìn, biết nghe bằng tai, bằng mắt và bằng tất cả tâm hồn như Nguyễn Tuân làm sao có thể chịu gò bó lâu ngày trong một khuôn khổ máy móc. Cũng có người bảo Nguyễn Tuân là một nhà văn tùy thời, sẵn sàng đánh đổi lương tâm để hưởng một cuộc sống yên ổn. Tuy nhiên, sau những thử nghiệm ê chề nhục nhã, Nguyễn Tuân không thể không thao thức tỉnh ngộ để nhìn vào việc làm của mình, giống như một khách lữ hành đến một lúc nào đó, không thể không dừng bước chân thất thểu, hụt hơi để ngó lại chặng đường dài đầy gai góc đã đi qua và tương lai thì chỉ là một chân trời mịt mờ thăm thẳm. Hình ảnh người bộ hành đáng thương ấy cũng là hiện thân của nhà tùy bút họ Nguyễn trong chuỗi ngày tàn tạ của ông vậy.

Càng nghĩ lại trước kia, Nguyễn Tuân là một người ham sống, ham xê dịch, và thường dồn tất cả linh hồn vào việc chặt chiu, gạn lọc những nét đẹp trong lúc biểu hiện cuộc đời muôn mặt thế mà ngày nay, hoàn cảnh xã hội trước mặt đã không cho phép nhà văn thực hiện được cái sở thích chính đáng ấy, hoặc giả, ông chỉ có thể bước trên con đường mòn nhẵn, lại bị buộc đem khả năng ra phục vụ cho một chế độ mà sự phản phúc, dối trá và thù hận đã được thay thế cho lòng trung tín, sự thành thực và tình thương. Điều đó cũng giải thích vì sao càng ngày Nguyễn Tuân càng viết ít, mà sáng tác của ông đã thiếu hẳn cái phong cách độc đáo hấp dẫn của một nhà tùy bút lão thành. Mặt khác, sự việc ấy cũng khẳng định thêm cái chân lý, rằng một chế độ, bằng cách này hay cách khác, có thể cưỡng bức người ta cầm bút viết văn ca tụng, tuyên truyền nhưng không thể buộc được nghệ sĩ sáng tác thật hay, thật truyền cảm. Bởi một lẽ rất đơn giản là muốn viết văn hay muốn có tác phẩm truyền cảm thì trước hết, người nghệ sĩ phải cháy trong lòng mình ngọn lửa nhiệt tình. Nhưng rất tiếc, điều kiện cơ bản này lại không hề có đối với những người cầm bút chân chính trong

bối cảnh xã hội miền Bắc hiện nay, chủ yếu là đối với Nguyễn Tuân, nhà văn coi sự hưởng thụ cái đẹp như lẽ sống của đời ông.

THƠ VÀ THỜI TÚ XƯƠNG, HAY LÀ TÂM SỰ ẮN ỨC CỦA NHÀ TÙY BÚT HỌ NGUYỄN

Sau khi nhìn lại bước đường sáng tác của Nguyễn Tuân trong hơn 30 năm qua, người ta không khỏi băn tâm suy nghĩ về một tài năng đang bị tàn lụi. Càng thấy xưa kia, Nguyễn Tuân là người sống rộng rãi phóng khoáng, nên nguồn văn của ông cũng không bao giờ cạn, nhưng ngày nay phải thường xuyên đối phó với nghịch cảnh bằng những tính toán nhỏ nhen, kể cả những lúc cầm bút, ta lại càng thương xót cho số phận của ông.

Nếu như trước đây, áp lực của chính trị, Nguyễn Tuân đã phải viết trong một bản tự phê : « khi mình đã ngò vức Đảng thì dễ nghĩ sai và làm sai » và « muốn suy nghĩ độc lập cần phải có cái vốn phong phú về thực tế đấu tranh » (31) thì cũng chỉ là một lời nịnh nọt bao hàm ý nghĩa đùa cợt, châm biếm, vì lẽ sau đó hai năm, chính ông cũng đã thú nhận : « Tôi thấy cái tạo thiên nhiên, cái tạo con sông vẫn là gọn gàng, dễ dàng hơn chóng hơn sự cái tạo con người. Con người chuyển vẫn ì ạch, dầy dụa hơn sự vật bên ngoài » (32). Và thực tế đã chứng minh rằng tác giả của những Vang bóng một thời. Chùa đàn, tùy bút I, tùy bút II, Thiếu quê hương, Một chuyến đi, nhà bác Nguyễn, chiếc lư đồng mắt cua, Tàn đèn dầu lạc nhưng những chuyện biến ì ạch chậm chạp mà lại còn tỏ ra gan lì, ngoan cố trong việc cải tạo thể giới quan và nhân sinh quan cho phù hợp với yêu cầu của đảng.

Cũng không thể chỉ dựa vào một vài câu tuyên bố suông chẳng hạn như sau 2 tháng dự lớp chỉnh huấn Mùa Xuân do Viện Văn học tổ chức, chiều ngày 29-5-1961 tại câu lạc bộ hội nhà Văn. Nguyễn Tuân đã phát biểu « Tôi lấy làm vinh dự được làm người trí

(31) Văn nghệ số tháng 5-1958

thức của công nông. Cắt đứt cái đuôi tư sản đi, tôi thấy vui vẻ vô cùng » để kết luận rằng Nguyễn Tuân đã thật sự giác ngộ lập trường giai cấp, và « coi đảng là trái tim khối óc của mình » (33) hoặc chấp nhận quan điểm « muốn có ánh sáng trong lòng, trong con mắt, người nghệ sĩ phải thường xuyên uống nước của đường lối đảng » (34) như lãnh đạo thường căn dặn. Đáng rằng Nguyễn Tuân là một nhà văn bị thiên hạ gán cho cái nhãn hiệu « tùy thời » thường dùng sự khôn ngoan tiểu xảo của mình để cố gắng thích ứng với mọi hoàn cảnh, nhưng chúng ta cũng đừng quên rằng trong nhà văn Nguyễn Tuân còn tiềm tàng một con người nghệ sĩ. Nghệ sĩ lại là về yêu mê cái đẹp chân chính. Mà hiện thực xã hội miền Bắc thì tràn ngập cảnh đàn áp thô bạo và đọa đầy bắt công, làm gì có cái đẹp chân chính để cho nghệ sĩ Nguyễn Tuân rung động, nâng niu và tôn thờ. Có nhận thức như vậy chúng ta mới cảm thông vì sao trong 15 năm nay, số lượng sáng tác của Nguyễn Tuân cộng lại vẫn chưa bằng một cuốn sách của ông xuất bản dưới chế độ cũ trước kia. Đó là chưa kể đến phần chất lượng nghèo nàn, bằng phẳng trong hầu hết sáng tác của ông sau này. Thực trạng ấy chắc chắn không phải là điều làm cho Nguyễn Tuân vui lòng, càng không phải là điều khiến cho ông hãnh diện. Có lẽ chính vì vậy mà Nguyễn Tuân đã có lần viết « Thơ và thời Tú Xương » (35) như một cái cớ để ký thác tâm sự u uẩn của mình. Thật dễ nhận ra cái tâm sự chua chát của Nguyễn Tuân được gửi gắm trong đoạn văn vừa kể.

Mở đầu, nhà tùy bút nổi tiếng của chúng ta nhắc lại hoàn cảnh lịch sử xa xưa đã khiến ông suy nghĩ về 4 câu thơ Sông lấp :

(33) Tố Hữu — Qua cuộc đấu tranh chống NVGP... Văn nghệ số tháng 7-1958

(34) Nghị quyết của đảng Lao Động về văn nghệ — Văn học số ra ngày 2-7-1962

(35) Tạp chí Văn nghệ số tháng 5-1961

*« Sông kia rày đã nêu đồng,
Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai.*

*Đêm nghe tiếng ếch bên tai
Giật mình còn ngỡ tiếng ai gọi dò »*

để tiện dịp tỏ bày những cảm nghĩ xót xa thâm kín :

*« Con sông lạ mất rồi nhưng hôm nay đây, đọc thơ ông Tú, trong
tương lai chúng ta vẫn còn róc rách tiếng sóng nước vọng lại từ gập
cầu tre nào của một ngày xưa gần đây.*

*Tú Xương là một chứng từ về đạo học thành Nam tàn lụi vào
đuôi thế kỷ XIX và kéo cái tàn lụi ấy sang cả đầu cái thế kỷ chúng ta.
Thơ và phú Tú Xương là tập ký sự chi tiết về đời sống thành Nam,
về sinh hoạt vật chất và tinh thần của một lớp nhà nho văn sĩ »*

Ta nghe lời văn của Nguyễn Tuân như phâng phát một nỗi
u hoài man mác về những nét vàng son trong quá khứ đã bị cơn
lốc thời đại cuốn hút pha phôi ta còn nghe qua giọng văn của họ
Nguyễn một nỗi niềm tiếc nhớ cái « vang bóng » yêu kiều của
« một thời » cầm bút phụng sự cái đẹp. Nguyễn Tuân còn muốn
đóng vai trò một nhân chứng lịch sử của hậu bán thế kỷ xx, nhân
chứng của một thời đại mà giá trị con người đồng hóa với một
công cụ sản xuất và văn chương chữ nghĩa bị hạ thấp xuống
ngaug tầm với một món hàng chính trị. Thời đại này dưới mắt
Nguyễn Tuân có khác chi cái thời và thơ Tú Xương trước đây
khiến cho nhà văn ngao ngán :

*« Một việc văn chương thối cũng nhảm
Trăm năm thân thể có ra gì »*

*Tú Xương than cho đạo học « sĩ khí rụt rè gà phải cáo—Văn
chương liều lĩnh dăm ăn xôi », than rồi lại kêu : « Chúc cho khắp hết
cả trên đời—Sao được cho ra cái giống người ». Tiếng thở dài mang
nỗi lo xa. Con người thơ Tú Xương muốn đứng đắn mà đời sống lại
thành ra lưu đãng hão huyền. Con nhà nho khải muốn thanh bần với
đạo thánh hiền mà cuộc sống đặt cho nhiều mối lụy. Cái tâm hồn thêm
chan hòa ấy lại ra vào cơ đơ ; con người muốn sống nhờ vào tình*

thì còn lại gì ? Thừa rằng là còn lại cái gì đáng còn lại của Tú Xương mà ta vẫn giữ, đang giữ. Nghĩa là những lời kiêu bạc kia, những cái cười phá phách kia »

Nói về người khác cũng là để nói tới mình. Đúng là Nguyễn Tuân muốn thanh minh với hậu thế rằng ông vốn là người quý trọng những cái chân thiện, mỹ, ưa dùng ngòi bút để làm đẹp cuộc đời nhưng văn chương của ông ngày nay lại thường chứa đựng nhiều điều ti tiện, dè hèn là bởi những hạn chế khắt khe của hiện thực khách quan không ngừng vây bủa lấy đời ông.

Nguyễn Tuân lại còn cho rằng 4 câu thơ Sông Lấp của Tú Xương là *« hư ảnh của những thanh điệu chín nhất, tròn nhất viên mãn nhất »* phải chăng đây chỉ là một cách bày tỏ gián tiếp tấm lòng gẩn bó của tác giả đối với những đứa con tinh thần ngày xưa đang bị ruồng bỏ ? Và hôm nay, trước cái thực trạng văn nghệ khô cằn, trơ trẽn, nhà tùy bút nổi tiếng ấy mới thấm thía nhớ tới các tác phẩm chân chính của mình qua cái ngậm ngùi hồi tưởng đến thơ và thời của Tú Xương : *« Tôi cho rằng tới ngày đó trong lòng những người Việt nam của năm 2000, của năm hai nghìn lẻ mấy trăm chi đó, vẫn vang hưởng cái tiếng Tú Xương gọi dò trên Sông lấp »*.

Phải chăng cái tâm sự hàm xúc u ầu của Nguyễn Tuân cũng chính là cái tâm sự náo nùng của những khách sang sông trong một đêm trời nổi cơn giông tố như ông đã bộc lộ một cách kín đáo :

« Thực ra cái lớp chúng ta đây cũng là một lớp người chưa thoát đò ngang, cũng là vừa sang xong một chuyến, có những chuyến thuận chèo trót lọt nhưng cũng có chuyến gian nan, tay lái không khéo thì cũng dễ đắm con đò có lúc đã chèo gần đi »

Phải chăng trước cái chủ trương đả phá tất cả mọi tiêu chuẩn đạo đức cổ truyền dân tộc, gạt bỏ yếu tố trữ tình trong sáng tác vì đảng cho rằng những cái đó là tàn tích phong kiến, là những biểu hiện của một nền văn nghệ tư sản đồi trụy, Nguyễn Tuân đã nói lên niềm mơ ước phục hồi các giá trị tinh thần xa xưa, bao gồm cả những tác phẩm của ông trước kia ;

Và có phải chàng tâm tình của Tú Xương hôm qua cũng chính là tâm tình của Nguyễn Tuân hôm nay : tâm tình chua cay đắng đót của một kẻ sống bất đắc chí lê thê kéo dài chuỗi ngày ba chìm bảy nổi, miệng thường hô to các khẩu hiệu của đảng mà lòng thì héo hắt, ủ dột, tâm tính chán chường của một nhà văn giàu bản lĩnh muốn đem ngòi bút đề phụng sự cái đẹp, tô thắm cuộc đời, thêu dệt cho quê hương tổ quốc thêm huy hoàng gấm vóc nhưng hoàn cảnh xã hội trước mắt lại buộc phải dẫn thân vào một con đường sáng tác mòn nhẵn với những giáo điều, công thức sống sượng, nhột nhạt khô khan làm chần lắp cả chân trời mơ ước, và cuối cùng là tâm linh rã rời tuyệt vọng của một khách bộ hành đang đứng bên bờ vực thẳm nhưng vẫn cố tạo ra trong lòng mình chút ít hy vọng ở một ánh sáng cứu rỗi, nào đó như lời thề thi khấn nguyện của nhà tùy bút bất hạnh của chúng ta : *"Lúc còn sống đề làm thơ, ông Tú là một cây sấu đông ngoài trời mà trong rầu héo, những lời trào lộng kiêu bạc chỉ là những hiện tượng da thịt bên ngoài phủ lên một tủy cốt chung tình. Cho nên pho tượng Tú Xương của tôi có cái dáng điệu thung dung tự tại của một người bộ hành sang ngang tin rằng sông bao giờ cũng có đò, tin rằng bến lạnh có mịt mù đến mấy thì cuộc sống tổ chức của cái Thiên lúc nào cũng vẫn sẵn một bóng người du kích đưa mình vượt qua bờ. Mà nó đúng là pho tượng của một nhà thơ tự tin rằng khi mình đã cất nổi một tiếng gọi bên sông văn thì vẫn có tiếng đồng điệu vọng trả lời sang".*

3-1970

SÔNG-THAI

rút ở tập biên khảo :

(HAI MƯƠI NĂM CẦM BÚT THEO ĐẢNG)

VĂN HỌC

BẢN NGUYỆT SAN — PHÊ BÌNH — SÁNG TÁC

VĂN HÓA — XÃ HỘI — NGHỆ THUẬT

BAN BIÊN TẬP

DƯƠNG THỨ LANG — TRẦN BÍCH LAN — VŨ BĂNG — NGUYỄN
HỮU DUNG — HOÀNG VŨ Đ. V — SÔNG THAI — NGUYỄN TRỌNG
VĂN — DƯƠNG KIỀM — NGUYỄN ĐÌNH TOÀN — VƯƠNG THANH
— DƯƠNG NHẬT NHÂN — VIÊM ĐẦU — ĐỖ TIẾN BỨC — THẾ
HOÀI — NGUYỄN XUÂN HOÀNG — NGUYỄN SA — LUÂN HOÀN
— HÀ NGUYỄN THẠCH — LÊ VĨNH THỌ — PHÙNG KIM CHÚ —
HOÀNG LỘC — HOÀNG NGỌC BIÊN — NÔNG BĂNG GIANG —
TẠ TRUNG SƠN — BUI NGỌC DUNG — THƯỢNG SỸ — VƯƠNG
TRẦN NAM — BẠCH CÔNG — PHƯƠNG KHANH — VĨNH LỘC

NGOÀI NƯỚC

LÊ VĂN PHONG (Tokyo — Nhật Bản) — PHAN TRỌNG QUÝ (Londres
— Anh) — LÊ THỊ HÀN (Tokyo — Nhật Bản) — NGUYỄN THANH HUY
(Bonn — Tây Đức) — NGUYỄN LONG (Paris — Pháp) — TRẦN VĂN
TOÀN (Louvain — Bỉ) — TRẦN QUÝ PHƯƠNG — (Siney — Úc Đại
Lợi) — LÊ THÀNH NGHIỆP (Tokyo) — NGUYỄN QUANG (Texas —
Huê Kỳ) — NGUYỄN TRẦN HUÂN (Paris — Pháp)

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA

L.M. CAO VĂN LUẬN

Nguyên Viện Trưởng Đại Học Huế

L.M. BỬU DƯƠNG — THANH LÃNG — TRẦN THÁI ĐÌNH — HOÀNG
VẮC ĐỨC — TRẦN HÀ TRUNG — HUBERT HOHL — M. PICLIN —
NGUYỄN CAO HÁCH — NGUYỄN NHƯ CƯƠNG — LÝ CHÁNH
TRUNG — NGUYỄN VĂN TRUNG — NGUYỄN HỮU DUNG — TRƯƠNG
VĂN CHỈNH — ĐOÀN QUỐC SỸ — NGUYỄN MẠNH CÔN — LÝ
HOÀNG PHONG — VÕ PHIẾN — TRANG CHÂU — DƯƠNG NGHIÊM
MẬU — TAM ÍCH — NHẬT TIẾN — LINH BẢO — NGUYỄN THỊ
VINH — TÚY HỒNG — THIẾ VIÊN — SƠN NAM — BÌNH NGUYỄN
LỘC — DUYÊN ANH — ĐÌNH HÙNG — LÝ QUỐC SINH — VŨ
HOÀNG CHUÔNG — MỘNG TUYẾT — NGUYỄN DUY CẦN — TRINH
XUYỀN — MAI CHUÔNG ĐỨC — NGUYỄN VĂN TẦN — TẠ TỶ
ĐĂNG GIAO — BÀNG BÁ LÂN — THIÊN TƯỚNG

Tòa soạn và Trị sự

61, Lê - văn - Duyệt — SAIGON

Đ.T. : 41.265

Chủ trương biên tập

PHAN KIM THINH

Quản lý

PHAN KIM